ĐẠI HỌC QUỐC HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIỂU MẪU 18

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối/ngành/chuyên ngành đào tạo	THPT	Số nghiên cứu sinh	Số học viên cao học	Số sinh viên đại học		
					Chính quy	Bằng kép	VLVH
I	**Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên**						
1	Ngành Quản lý giáo dục		76	308	0	0	0
2	Cử nhân Quản trị trường học		0	0	66	0	0
3	Cử nhân Sư phạm Toán		0	0	208	0	0
4	Cử nhân Sư phạm Vật lý		0	0	146	0	0
5	Cử nhân Sư phạm Hóa học		0	0	160	0	0
6	Cử nhân Sư phạm Sinh học		0	0	150	0	0
7	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn		0	0	204	13	0

8	Cử nhân Sư phạm Lịch sử		0		0	146	12	0
9	Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Toán		0		268	0	0	0
10	Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Vật lý		0		89	0	0	0
11	Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Hóa học		0		65	0	0	0
12	Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Sinh học		0		36	0	0	0
13	Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Ngữ văn		0		63	0	0	0
14	Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Lịch sử		0		24	0	0	0
15	Thạc sĩ Tham vấn học đường		0		8	0	0	0
16	Đo lường và Đánh giá trong giáo dục		25		74	0	0	0
II	**Khối ngành VII: Khoa học xã hội và hành vi**							
17	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên		11	30	0	0	0	

III	**Trường Trung học phổ thông**						
18	Trường THPT KHGD	617					
	Tổng cộng:	***617***	***112***	***965***	***1014***	***25***	***0***

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

1. Khóa 2013 - 2017

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	**268**	**4.5%**	**51.1%**	**44.4%**	**91,6%**
I.	**Khối ngành I (chỉ thống kê sinh viên của khối ngành cử nhân sư phạm)**					
1	Cử nhân Sư phạm Toán học	44	2.3%	40.9%	56.8%	92,1%
2	Cử nhân Sư phạm Vật lý	55	3.6%	56.4%	40%	100%
3	Cử nhân Sư phạm Hóa học	42	2.4%	59.5%	38.1%	85,4%
4	Cử nhân Sư phạm Sinh học	43	2.3%	32.6%	65.1%	92,3%

5	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	56	12.5%	62.5%	25%	97,3%
6	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	28	0%	50%	50%	80,7%

2. Khóa 2014 -2018 (chỉ thống kê sinh viên của khối ngành cử nhân sư phạm)

STT	**Khối ngành**	**Số sinh viên tốt nghiệp**	**Phân loại tốt nghiệp (%)**			**Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)***
			Loại xuất sắc	**Loại giỏi**	**Loại khá**	
	Tổng số	**199**	**8%**	**50.3%**	**41.7%**	
I.	**Khối ngành I**					
1	Cử nhân Sư phạm Toán	40	7.5%	50%	42.5%	**Mới ra trường**
2	Cử nhân Sư phạm Vật lý	38	2.6%	76.3%	21.1%	**Mới ra trường**
3	Cử nhân Sư phạm Hóa học	35	2.9%	25.7%	71.4%	**Mới ra trường**
4	Cử nhân Sư phạm Sinh học	25	0%	36%	64%	**Mới ra trường**
5	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	36	30.6%	61.1%	8.3%	**Mới ra trường**
6	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	25	0%	44%	56%	**Mới ra trường**

C. Công khai các học phần của từng khóa học, chuyên ngành

I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG: (Áp dụng cho các ngành Cử nhân Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Quản trị trường học, Sư phạm Lịch sử và Sư phạm Ngữ văn)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Thực hiện theo đề cương chung và lịch trình giảng dạy của ĐHQGHN			
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2				
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh				
4	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam				
5	Tin học cơ sở 1				
6	Tin học cơ sở 3				
7	Ngoại ngữ cơ sở 1				
8	Ngoại ngữ cơ sở 2				
9	Ngoại ngữ cơ sở 3				
10	Giáo dục thể chất				
11	Giáo dục quốc phòng - an ninh				
12	Kỹ năng bổ trợ				

II. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH CỬ NHÂN

2.1. **Ngành Cử nhân Sư phạm Vật lý**

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường *General Psychologyand School Psychology*	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học *Pedagogy*	- Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát	3	*Học kì 5*	- Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		triển các năng lực nghề nghiệp.			thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3	Lý luận và Công nghệ dạy học *Teaching Theories and Instruction Technology*	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học.Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kĩ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.	3	Học kì 7	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm:phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học *Research*	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết	3	Học kì 7	- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Methodology	thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH)của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp…và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.			hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông *School Education Curriculum Development*	- Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Thực hành Sư phạm và phát triển kĩ năng cá nhân, xã hội *Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills*	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kĩ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kĩ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kĩ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)
7	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo *Administrative Management and Management of Education*	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8	Đánh giá trong giáo dục	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Assessment in Education	kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.			thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường *Organization of School Educational Activities*	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kĩ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường *(chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo*) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một *giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý*.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
10	Tư vấn tâm lý học	- Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	đường *Psychological Counseling in Schools*	tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kĩ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp.			- Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
11	Phương pháp dạy học Vật lí *Physics Method*	- Vận dụng lí luận dạy học để thiết kế, lập kế hoạch, tổ chức dạy học vật lí ở trường phổ thông. - Xây dựng cho người học khả năng vận dụng các quan điểm của lý luận dạy học hiện đại vào dạy học, nâng cao chất lượng dạy và học Vật lí ở trường phổ thông.	3	Học kì 7	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (5%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (5%) - Thực hành giảng dạy theo

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					nhóm (02 bài) (20%) - Tiểu luận : Phân tích nội dung và lựa chọn phương pháp dạy học, lập kế hoạch bài dạy cho 1 nội dung kiến thức Vật lí ở phổ thông (10%) - Thi kết thúc học phần: (60%) +) Lý thuyết: Vấn đáp +) Thực hành giảng: Soạn giáo án cho một bài học, chọn nội dung trọng tâm để giảng dạy trong 15 phút.
12	Dạy học thí nghiệm Vật lí phổ thông *Teaching Physics Experiment at Secondary School*	Sinh viên được thực hành sử dụng các bộ thí nghiệm phổ biến ở trường phổ thông, từ việc tiến hành thí nghiệm, chuẩn bị kế hoạch bài dạy có sử dụng thí nghiệm, thực hành dạy học với các bộ thí nghiệm. Được học cách thiết kế, chế tạo các dụng cụ thí nghiệm sử dụng trong dạy học.	3	Học kì 7	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng tiến hành thí nghiệm (10%) - Thực hành sử dụng thí nghiệm giảng dạy theo nhóm (20%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Thi kết thúc học phần: (60%) +) Lý thuyết: Vấn đáp +) Thực hành giảng: Soạn giáo án cho một bài học, chọn nội dung trọng tâm để giảng dạy trong 15 phút.
13	Phân tích nội dung, chương trình vật lí ở trường phổ thông *Analyzing of Physics Content and Program at Secondary School*	- Xây dựng cho người học khả năng vận dụng lý luận dạy học Vật lí ở trường phổ thông. - Khả năng phân tích được cấu trúc chương trình, nội dung và các con đường hình thành các khái niệm, định luật, thuyết vật lí, các ứng dụng KHKT của vật lí theo chương trình vật lí ở trường THPT hiện hành.	3	Học kì 7	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (5%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (5%) - Báo cáo Seminar theo nhóm (10%) - Tiểu luận : Phân tích nội dung và lựa chọn phương pháp dạy học cho 1 nội dung kiến thức Vật lí ở phổ thông (10%) - Bài kiểm tra tự luận 60 phút (10%) - Bài kiểm tra tự luận 90 phút

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					(60%)
14	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Vật lí. *Application ICT to Teaching Physics*	- Vận dụng các nguyên tắc và sử dụng các phần mềm trong dạy học vật lí ở trường phổ thông. - Sinh viên được thực hành sử dụng các phần mềm phổ biến trong dạy học vật lí ở trường phổ thông, từ việc xây dựng thí nghiệm ảo, chuẩn bị kế hoạch bài dạy có ứng dụng CNTT, thực hành dạy học với các phần mềm.	3	Học kì 7	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (10%) - Phân tích, xây dựng một phần mềm dạy học (20%) - Kiểm tra thực hành lập trình 180 phút (60%)
15	Phương tiện dạy học Vật lí ở trường phổ thông *Aids of Physics at Secondary School*	Giúp Sinh viên sử dụng thành thạo một số phương tiện dạy học phổ biến để dạy học vật lí ở trường phổ thông, từ việc xây dựng kịch bản, chuẩn bị kế hoạch bài dạy có sử dụng các phương tiện dạy học, thực hành dạy học với các phương tiện đó.	3	Học kì 7	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (10%) - Phân tích, xây dựng một phương tiện dạy học (20%) - Kiểm tra thực hành lập trình 180 phút (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	Dạy học tích hợp Vật lí với các môn khoa học tự nhiên khác *Blended-Teaching Physics with Different Natural Scientific Subjects*		3	Học kì 7	
17	Dạy học Vật lí tiếp cận chuẩn quốc tế *Teaching Physics Approaching to International Standard*	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu các nội dung học phần trong và ngoài nước, từ đó vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học theo các tiêu chuẩn quốc tế.	3	Học kì 7	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (5%) - Đánh giá khả năng xây dựng kế hoạch dạy học (5%) - Thực hành xây dựng hồ sơ học phần theo nhóm (phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể) (10%) - Tiểu luận phân tích việc xây dựng hồ sơ học phần (10%) - Thực hành triển khai dạy học tích cực (10%) - Thi kết thúc học phần: (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					+) Lý thuyết: Vấn đáp +) Thực hành: Xây dựng hồ sơ học phần theo nhóm
18	Thực tập sư phạm *Pedagogical Practicum*		4	Học kì 8	
19	Khóa luận tốt nghiệp *Undergraduate Thesis*		6	Học kì 8	
20	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến *Teaching Methodology for Online Learning Environment*	Học phần cung cấp cung cấp những khái niệm cơ bản, giới thiệu các mô hình dạy học không truyền thống được xây dựng dựa trên nền tảng web, kết nối mạng, hệ thống các cách tiếp cận và phương pháp dạy học mới trong việc tổ chức quá trình dạy học, sự thay đổi bản chất vai trò của người dạy, người học, đặc điểm tương tác giữa 2 chủ thể này và môi trường học tập.	3	Học kì 8	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá kĩ năng sử dụng phương tiện công nghệ trên nền LMS (10%) - Thực hành thiết kế khóa học trên LMS Moodle (20%) - Thi kết thúc học phần: (60%): +) Thiết kế tài liệu hướng dẫn sử dụng khóa học trực tuyến +) Trình bày sản phẩm khóa học thiết kế theo chuyên

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					ngành
21	Lập trình phần mềm dạy học trên máy tính *Programming of Teaching and Learning Software on Computer*	Xây dựng cho người học khả năng lập trình các phần mềm dạy học bằng Flash hoặc Mathlab. Vận dụng lý luận dạy học Vật lí ở trường phổ thông để xây dựng các phần mềm dạy học vật lí. Chú trọng nâng cao lập trình các phần mềm có khả năng tương tác tốt với người học để dạy học Vật lí ở phổ thông.	3	Học kì 8	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (10%) - Phân tích, lập trình một phần mềm dạy học (20%) - Kiểm tra thực hành lập trình 180 phút (60%)

Các học phần theo đề cương học phần của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đại số tuyến tính *Linear Algebra*	Thực hiện theo đề cương chung và lịch trình giảng dạy của Trường Đại học Khoa học tự nhiên			
2.	Giải tích 1 *Calculus 1*				
3.	Giải tích 2 *Calculus 2*				
4.	Xác suất thống kê *Probability and Statistics*				
5.	Cơ -Nhiệt *Mechanical -Thermodynamics*				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6.	Sinh học đại cương *Basic biology*				
7.	Hóa học đại cương 1 *Accelerated Chemistry 1*				
8.	Điện và từ học *Electricity and Magnetism*				
9.	Quang học *Optics*				
10.	Thực hành Vật lí đại cương 1 *General Physics Practice 1*				
11.	Thực hành Vật lí đại cương 2 *General Physics Practice 2*				
12.	Thực hành Vật lí đại cương 3 *General Physics Practice 3*				
13.	Vật lí hạt nhân *Nuclear Physics*				
14.	Vật lí nguyên tử *Atomic Physics*				
15.	Cơ học thống kê *Statistical Physics*				
16.	Cơ học lượng tử *Quantum Mechanics*				
17.	Điện tử số *Digital Electronics*				
18.	Tiếng Anh chuyên ngành *Academic English for Physics Students*				
19.	Các phương pháp thí nghiệm trong Vật lí hiện đại *Experimental Methods in Modern Physics*				
20.	Mở đầu Thiên văn học *Introduction to Astronomy*				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21.	Phương pháp toán cho Vật lí 1 *Mathematics in Physics 1*				
22.	Phương pháp toán cho Vật lí 2 *Mathematics in Physics 2*				
23.	Cơ học lý thuyết *Theoretical mechanics*				
24.	Điện động lực học *Quantum Mechanics*				
25.	Lịch sử Vật lí *Physics History*				
26.	Mở đầu về lý thuyết trường lượng tử *Introduction to Quantum Field Theory*				
27.	Lý thuyết nhóm cho Vật lí *Group Theory*				
28.	Lý thuyết hạt cơ bản *Practice Theory*				
29.	Mở đầu thuyết tương đối rộng *Introduction to General Relativity*				
30.	Vật lí cơ sở *Basic Physics*				

2.2. Ngành Cử nhân Sư phạm Toán học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	**Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường** ***General Psychology and School Psychology***	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	**Học kì 6**	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	**Giáo dục học** ***Pedagogy***	- Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò "điểm tựa" cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng	3	**Học kì 6**	- Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lực nghề nghiệp.			
3	**Lý luận và Công nghệ dạy học** ***Teaching Theories and Instruction Technology***	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học.Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kĩ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.	**3**	**Học kì 6**	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm:phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4	**Phương pháp nghiên cứu khoa học** ***Research Methodology***	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH)của sinh viên, làm	**3**	**Học kì 6**	- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khóa luận tốt nghiệp…và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.			giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5	**Phát triển chương trình giáo dục phổ thông** ***School Education Curriculum Development***	- Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới.	**3**	**Học kì 6**	- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	**Thực hành Sư phạm và phát triển kĩ năng cá nhân, xã hội** ***Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills***	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kĩ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kĩ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục,	**3**	**Học kì 6**	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kĩ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.			
7	**Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo** ***Administrative Management and Management of Education***	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	**3**	**Học kì 6**	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8	**Đánh giá trong giáo dục** ***Assessment in Education***	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá	**3**	**Học kì 6**	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.			việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9	**Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường** ***Organization of School Educational Activities***	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kĩ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường *(chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo*) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một *giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý.*	**3**	**Học kì 6**	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

Các học phần theo đề cương học phần của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đại số tuyến tính 1 *Linear Algebra 1*	Thực hiện theo đề cương và lịch trình giảng dạy chung của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN			
2.	Đại số tuyến tính 2 *Linear Algebra 2*				
3.	Cơ - Nhiệt *Mechanics - Thermodynamics*				
4.	Điện - Quang *Electromagnetism - Optics*				
5.	Giải tích 1 *Calculus 1*				
6.	Sinh học đại cương *Basic biology*				
7.	Hóa học đại cương 1 *Accelerated Chemistry 1*				
8.	Giải tích 1 (phần 2) *Calculus 1*				
9.	Giải tích 2 *Analysis 2*				
10.	Giải tích 3 *Analysis 3*				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11.	Phương trình vi phân *Differential Equations*				
12.	Phương trình đạo hàm riêng 1 *Partial Differential Equations 1*				
13.	Xác suất 1 *Probability 1*				
14	Tối ưu hóa 1 *Optimization 1*				
15	Hình học giải tích *Analytic Geometry*				
16	Đại số đại cương *General Algebra*				
17	Giải tích hàm *Functional Analysis*				
18	Tôpô đại cương *General Topology*				
19	Lịch sử toán học *History of Mathematics*				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20	Giải tích số 1 *Numerical Analysis 1*				
21	Giải tích phức *Complex Analysis*				
22	Thống kê ứng dụng *Applied Statistics*				
23	Toán rời rạc *Discrete Mathematics*				
24	Thực hành tính toán *Practicum in Computing*				
25	Cơ sở hình học vi phân *Introduction to Differential Geometry*				
26	Lý thuyết độ đo và tích phân *Measure and Integration Theory*				
27	Lý thuyết Galois *Galois Theory*				
28	Tiểu luận khoa học *Mini Project*				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Cơ sở giải tích Fourier *Introduction to Fourier Analysis*				
30	Thống kê ứng dụng *Applied Statistics*				
31	Hình học Fractal *Fractal Geometry*				
32	LaTeX và diễn giải toán học *LaTeX and Mathematics Interpretation*				
33	Cơ sở lý thuyết nội suy đa thức *Introduction to Polynomial Interpolation Theory*				

2.3. Ngành Cử nhân Sư phạm Hóa học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường *General Psychology andSchool Psychology*	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 4	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích….

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2.	Giáo dục học *Pedagogy*	- Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò "điểm tựa" cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp.	3	Học Kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3.	Lý luận và Công nghệ dạy học *Teaching Theories and Instruction Technology*	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học.Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kĩ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.	3	Học kì 5	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm:phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					trong 15 phút. (60%)
4.	Phương pháp nghiên cứu khoa học *Research Methodology*	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH)của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp…và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	3	Học kì 4	- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5.	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông *School Education Curriculum Development*	- Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6.	Thực hành Sư phạm và phát triển kĩ năng cá nhân, xã hội *Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills*	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kĩ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kĩ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kĩ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)
7.	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo *Administrative Management and Management of Education*	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học Kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8.	Đánh giá trong giáo dục *Assessment in Education*	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy	3	Học Kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.			kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9.	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường *Organization of School Educational Activities*	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kĩ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường *(chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo*) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một *giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý.*	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
10.	Tư vấn tâm lý học đường *Psychological Counseling in Schools*	- Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kĩ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp.			kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
11.	Phương pháp dạy học Hoá học *Theory and Methodology of Chemistry Teaching*	Giúp SV rèn kĩ năng nghề theo chuẩn năng lực nghề nghiệp của SV sư phạm; Những phương pháp dạy học chủ yếu trong dạy học hóa học ở trường phổ thông.	3	Học Kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12.	Dạy học thí nghiệm Hóa học phổ thông *Using Experiments in Teaching Chemistry*	- Rèn kĩ năng dạy thực hành thí nghiệm hóa học ở trường phổ thông như: kỹ năng lắp ráp và tiến hành thí nghiệm; Đặt câu hỏi về hiện tượng thí nghiệm, phân tích hiện tượng; Nhận xét, giải thích và đánh giá kết quả thí nghiệm; Kĩ năng dạy học có sử dụng thí nghiệm hoa học.	3	Học Kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
13.	Dạy học bài tập Hóa học phổ thông *Exercisesing in Teaching Chemistry*	- Học phần giúp SV rèn luyện tư duy, kỹ năng đặt vấn đề và giải quyết vấn đề của hoá học cho sinh viên Sư phạm Hóa học. - Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ hoặc các tài liệu cơ bản của ngành học, học phần; kỹ năng làm việc cẩn thận, chính xác và sử dụng thời gian hiệu quả.	3	Học Kì 7	- Đánh giá khả năng nhớ và phản xạ trí tuệ (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (10%) - Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					giải pháp hiệu quả (60%)
14.	Phân tích chương trình Hóa học phổ thông hiện hành *Curriculum Analysis General Chemistry*	- Giúp SV có hiểu biết tổng quan về chương trình, SGK Hóa học của một số nước trên thế giới, vận dụng những ưu điểm cho việc xây dựng chương trình của Việt Nam. - Giúp SV phân tích, đánh giá ưu điểm, hạn chế của chương trình, SGK hiện hành; tìm hiểu những định hướng xây dựng chương trình mới (sau 2015) và đề xuất được chương trình/kế hoạch phù hợp với điều kiện dạy học (dựa theo chương trình quốc gia).	3	Học Kì 7	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (5%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (5%) - Báo cáo Seminar theo nhóm (10%) - Tiểu luận Phân tích 1 nội dung kiến thức Hóa học ở phổ thông và lựa chọn phương pháp dạy học (10%) - Kiểm tra giữ kỳ tự luận 60 phút hoặc tiểu luân (10%) - Thi kết thúc môn tự luận 90 phút hoặc tiểu luận (60%)
15.	Dạy học Hóa học phổ thông theo chuyên đề *Teaching Chemistry According toTopics*	Mục tiêu của học phần nhằm áp dụng kiến thức, kỹ năng về hoá học cho một số vấn đề điển hình một cách có hệ thống. - Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ hoặc các tài liệu cơ bản của ngành học,	3	Học Kì 7	- Đánh giá khả năng lực trình bày vấn đề (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học phần; kỹ năng làm việc cẩn thận, chính xác và sử dụng thời gian hiệu quả.			- Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
16.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Hóa học phổ thông *Applied IT to Chemistry Teaching*	Giúp SV hệ thống được những kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, vận dụng chúng để thiết kế và triển khai bài dạy môn hóa học THPT nhằm nâng cao hiệu quả của việc dạy học như: xây dựng giáo án điện tử, thiết kế nguồn tài liệu hỗ trợ việc dạy học Hóa học; Triển khai bài giảng có kết hợp sử dụng phương tiện công nghệ, đặc biệt là sử dụng công nghệ trong mô phỏng và dạy học thí nghiệm hóa học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh.	3	Học Kì 7	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá kĩ năng hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm (10%) - Đánh giá khả năng nhớ và ứng dụng các phần mềm (15%) - Đánh giá kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế và triển khai bài giảng… (60%)
17.	Thực tập sư phạm *Pedagogical Practicum*		4	Học Kì 8	
18.	Khóa luận tốt nghiệp *Undergraduate Thesis*		6	Học Kì 8	
19.	Dạy học Hóa học gắn	Học phần giúp SV đưa thực tiễn vào bài học và vận dụng các quy luật của hoá	3	Học Kì 8	- Đánh giá khả năng lực trình bày vấn đề (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	liền với thực tiễn *Teaching Chemistry Associated with Reality*	học vào thực tiễn. - Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ hoặc các tài liệu cơ bản của ngành học, học phần; kỹ năng làm việc cẩn thận, chính xác và sử dụng thời gian hiệu quả.			- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (10%) - Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
20.	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến *Teaching Methodology for Online Learning Environment*	Học phần cung cấp cung cấp những khái niệm cơ bản, giới thiệu các mô hình dạy học không truyền thống được xây dựng dựa trên nền tảng web, kết nối mạng, hệ thống các cách tiếp cận và phương pháp dạy học mới trong việc tổ chức quá trình dạy học, sự thay đổi bản chất vai trò của người dạy, người học, đặc điểm tương tác giữa 2 chủ thể này và môi trường học tập.	3	Học Kì 8	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá kĩ năng sử dụng phương tiện công nghệ trên nền LMS (10%) - Thực hành thiết kế khóa học trên LMS Moodle (20%) - Thi kết thúc học phần: (60%): +) Thiết kế tài liệu hướng dẫn sử dụng khóa học trực tuyến +) Trình bày sản phẩm khóa học thiết kế theo chuyên ngành

Các học phần theo đề cương học phần của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Giải tích 1 *Calculus 1*	Thực hiện theo đề cương chung và lịch trình giảng dạy của Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN			
2.	Giải tích 2 *Calculus 2*				
3.	Sinh học đại cương *Basic Biology*				
4.	Cơ -Nhiệt *Mechanical -Thermodynamics*				
5.	Hóa học đại cương 1 *Accelerated Chemistry 1*				
6.	Thực tập hóa học đại cương *Accelerated Chemistry Lab*				
7.	Hóa học đại cương 2 *Accelerated Chemistry 2*				
8.	Hóa học vô cơ 1 *Inorganic Chemistry 1*				
9.	Thực tập hóa học vô cơ 1 *Inorganic Chemistry Lab1*				
10.	Hóa học hữu cơ 1 *Organic Chemistry 1*				
11.	Thực tập hóa học hữu cơ 1 *Organic Chemistry Lab 1*				
12.	Hóa học hữu cơ 2 *Organic Chemistry 2*				
13.	Cơ sở hóa học phân tích *Quantitative Analysis*				
14.	Thực tập hóa học phân tích *Quantitative Analysis Lab*				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15.	Hóa lý 1 *Physical Chemistry 1*				
16.	Hóa lý 2 *Physical Chemistry 2*				
17.	Hóa học vô cơ 2 *Inorganic Chemistry 2*				
18.	Thực tập hóa lý 1 *Physical Chemistry Lab 1*				
19.	Điện- Quang *Electromagnetism-Optics*				
20.	Thực tập hóa học hữu cơ 2 *Organic Chemistry Lab 2*				
21.	Thực tập hóa lý 2 *Physical Chemistry Lab 2*				
22.	Thực tập hóa vô cơ 2 *Inorganic Chemistry Lab2*				
23.	Xác suất thống kê *Probability and Statistics*				
24.	Cơ sở hóa sinh *Fundamental of Biochemistry*				
25.	Hóa keo *Colloid Chemistry*				
26.	Hoá học môi trường *Environmental Chemistry*				
27.	Hóa học các hợp chất cao phân tử *Chemistry of Polymers*				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28.	Các phương pháp vật lý và hóa lý ứng dụng trong hoá học *Physical and Physicochemical Methods of Chemical Systems*				
29.	Thực tập các phương pháp vật lý và hóa lý ứng dụng trong hoá học *Physical and Physicochemical Methods of Chemical Systems Lab*				
30.	Vật liệu vô cơ *Inorganic Material*				
31.	Vật liệu nano và composit *Nanomaterials and Composites*				

2.4. Ngành Cử nhân Sư phạm Sinh học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường *General Psychology and School Psychology*	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 1	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2.	Giáo dục học	- Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục	3	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Pedagogy	học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò "điểm tựa" cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp.			chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3.	Lý luận và Công nghệ dạy học *Teaching Theories and Instruction Technology*	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học.Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kĩ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.	3	Học kì 6	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm:phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4.	Phương pháp nghiên cứu khoa học *Research Methodology*	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ,	3		- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH)của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp…và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.			năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5.	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông *School Education Curriculum Development*	- Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6.	Thực hành Sư phạm và phát triển kĩ năng cá nhân, xã hội *Pedagogical Practices and the Development of*	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kĩ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kĩ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Social and Personal Skills	môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kĩ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.			nghề nghiệp và cuộc sống (60%)
7.	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo *Administrative Management and Management of Education*	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8.	Đánh giá trong giáo dục *Assessment in Education*	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9.	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường *Organization of School Educational Activities*	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kĩ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (*chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo*) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một *giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý*.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
10	Tư vấn tâm lý học đường *Psychological Counseling in Schools*	- Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kĩ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
11	Phương pháp dạy học Sinh học *Methods of Teaching Biology*	- Hình thành ở sinh viên sự hiểu biết rõ ràng về những đặc điểm của quá trình giáo dục đào tạo học sinh thông qua bộ môn sinh học ở các trường phổ thông. - Thúc đẩy tính sáng tạo trong thiết kế bài giảng. Giúp SV xác định được ý nghĩa của việc sử dụng sơ đồ, đồ thị, bảng, biểu từ đó, có thể sáng tạo sơ đồ, đồ thị, bảng, biểu tuỳ theo ý đồ sử dụng trong việc dạy học.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài thi nhỏ (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung, bài thi viết cá nhân (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
12	Dạy học thí nghiệm Sinh học phổ thông *Teaching Biological*	- Giúp giáo sinh hệ thống hoá chương trình thí nghiệm sinh học. Biết lựa chọn và sử dụng thí nghiệm trong dạy học	3	Học kì 7	- Đánh giá thường xuyên thông qua việc dạy thí nghiệm (10%) - Bài tập cá nhân qua các buổi chuẩn bị thực hành (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Experiments	sinh học một cách hợp lý và hiệu quả ở trường THPT. - Khả năng sử dụng phần mềm thiết kế một số thí nghiệm ảo trong trường hợp khó thực hiện trong thực tiễn. - Định hướng, hỗ trợ giáo sinh sáng tạo trong thiết kế thí nghiệm thực trong thực tiễn và thí nghiệm ảo có liên quan đến nội dung bài học.			- Bài tập lớn thông qua các bài tường trình thí nghiệm (20%) - Thi kết thúc học phần: Thí nghiệm (60%)
13	Dạy học tích hợp Sinh học với các môn khoa học khác *Interdgrated Teaching Biology*	- Giúp SV có khả năng tích hợp các môn khoa học tự nhiên khác khi dạy học Sinh học. - Sinh viên được phát huy khả năng nghiên cứu khoa học liên môn và ứng dụng công nghệ vào trong thực tiễn.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
14	Phát triển chương trình môn Sinh học ở trường phổ thông *High School Biology Curriculum Development*	- Giúp SV có khả năng phát triển chương trình môn Sinh học khi dạy học ở trường phổ thông - Giới thiệu và phân tích các quan điểm tiếp cận khi xây dựng chương trình, các khái niệm, các bước xây dựng CTĐT và phát triển chương trình; phương thức	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đánh giá một chương trình...			- Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
15.	Chuyên đề chuyên sâu trong dạy học Sinh học *Advanced Topics in Teaching Biology*	Học phần củng cố các kiến thức gắn với chương trình phổ thông, nhấn mạnh một số kiến thức trọng tâm, đi sâu khai thác một số kiến thức khó nhằm trang bị cho sinh viên những hành trang cần thiết để có thể ôn luyện học sinh giỏi, đồng thời nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho sinh viên.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Đánh giá kết quả học phần, bài thi viết hoặc tiểu luận cá nhân (60%)
16.	Dạy bài tập Sinh học phổ thông	- Giúp giáo sinh có khả năng hình thành ở học sinh các kiến thức, kĩ năng, thá độ thông qua hướng dẫn học sinh giả	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Teaching Biological Exercises	quyết các bài tập sinh học			mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Đánh giá kết quả học phần, bài thi viết hoặc tiểu luận cá nhân (60%)
17	Bồi dưỡng học sinh giỏi sinh học *The Fostering Gifted Pupils in Biology*	- Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về sinh học nâng cao, phương pháp giải các bài tập sinh học và kỹ năng tiến hành các thí nghiệm liên quan đến giải phẫu sinh lý. Một số chủ đề giúp sinh viên rèn luyện kĩ năng tìm kiếm học sinh giỏi sinh học và bồi dưỡng nghiệp vụ cho sinh viên.	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Đánh giá kết quả học phần, bài thi viết hoặc tiểu luận cá nhân (60%)
18	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Sinh học *IT Application in Teaching Biology*	Học phần hướng dẫn sinh viên thực hành sử dụng phương tiện công nghệ trong xây dựng giáo án điện tử/hồ sơ bài học, thiết kế nguồn tài liệu hỗ trợ việc dạy học Sinh học; thực hành triển khai bài giảng có kết hợp sử dụng phương	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiện công nghệ theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của người học trong môn Sinh học ở trường THPT.			(10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
19.	Thực tập sư phạm *Pedagogical Practicum*		4	Học kì 8	
20.	Khóa luận tốt nghiệp *Undergraduate Thesis*		6	Học kì 8	
21.	Dạy học sinh học tiếp cận chuẩn quốc tế *Teaching Biology Acording to International Standards*	- Giúp SV có khả năng tiếp cận các yếu tố quốc tế khi dạy học. - Giúp SV phát huy khả năng nhận biết hành vi của học sinh trong lớp học từ đó xây dựng các phương pháp dạy học hiệu quả.	3	Học kì 8	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
22	Phát triển tư duy cho học sinh trong dạy học Sinh học *The Developing Student's Minds in Biology teaching*	- Giúp SV có khả năng phát triển tư duy cho học sinh khi dạy học sinh học ở trường phổ thông dựa trên những kiến thức về sinh lý học thần kinh.	3	Học kì 8	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

Các học phần theo đề cương học phần của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Giải tích 1 *Calculus1*				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Giải tích 2 *Calculus 2*	Thực hiện theo đề cương và lịch trình giảng dạy chung của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN			
3	Xác suất thống kê *Probability and Statistics*				
4	Cơ-Nhiệt *Mechanics – Thermodynamics*				
5	Điện – Quang *Electromagnetism - Optics*				
6	Hóa học đại cương 1 *Accelerated Chemistry 1*				
7	Hóa học hữu cơ *Organic Chemistry*				
8	Sinh học đại cương *Basic biology*				
9	Di truyền học *Genetics*				
10	Hóa sinh học				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Biochemistry				
11	Thực tập thiên nhiên *Tropical Ecology and Conservation*				
12	Nhập môn công nghệ sinh học *Introduction to Biotechnology*				
13	Thống kê sinh học *Biostatistics*				
14	Lý sinh học *Biophysics*				
15	Sinh học phân tử *Molecular Biology*				
16	Thực vật học *Botany*				
17	Sinh lý học thực vật *Plant Physiology*				
18	Động vật học động vật không xương sống *Invertebrate Zoology*				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Động vật học động vật có xương sống *Vertebrate Zoology*				
20	Sinh lý học người và động vật *Human and Animal Physiology*				
21	Vi sinh vật học *Microbiology*				
22	Sinh học người *Human Biology*				
23	Giải phẫu người *Human Anatomy*				
24	Cơ sở sinh thái học *Basic Ecology*				
25	Sinh học cơ sở *Basic Biology*				

2.5. Ngành Cử nhân Quản trị trường học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Quản trị học *Administration*	- Học phần giúp sinh viên có kiến thức về quản trị học nói chung và bước đầu có khả năng vận dụng kiến thức đó vào nhận biết, so sánh và đánh giá một số hoạt động, hiện tượng quản trị trong các cơ sở giáo dục. - Sử dụng kiến thức quản trị học làm cơ sở để tiếp nhận các kiến thức, kỹ năng của các học phần khác trong chương trình đào tạo	3	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và đánh giá kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học *Education*	- Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà	3	Học kì 1	- Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò "điểm tựa" cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp.			- Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3	Đại cương về Quản trị trường học *Introduction to Educational Administration*	- Giúp học viên có thể xác định được khái niệm và lý thuyết về quản trị giáo dục, phân biệt được các kỹ năng, hành vi và khả năng của các quản trị viên nhà trường, nhận thức được vai trò và trách nhiệm của các quản trị viên trong nhà trường. - Biết khai thác công nghệ thông tin trong giải quyết vấn đề.	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và đánh giá kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
4	Hành chính học đại	Giúp sinh viên hệ thống	3	Học kì 1	- Kiểm tra kiến thức học phần

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	cương *General Administrative Science*	được những kiến thức cơ bản về học phần, vận dụng những kiến thức đã học biết nhận xét, phân tích một số hiện tượng nảy sinh trong thực tiễn hoạt động quản lý hành chính nhà nước của bộ máy hành chính nhà nước. Từ đó có ý thức tuân thủ quy định của pháp luật trong các lĩnh vực tham gia sau này khi ra trường.			(10%) - Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và đánh giá kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
5	Đại cương tâm lý học và tâm lý học nhà trường *General psychology and school psychology*	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	Phương pháp nghiên	Học phần giúp sinh viên	3	Học kì 2	- Khả năng vận dụng lý thuyết vào

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	cứu khoa học *Research Methodology*	hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH)của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp…và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.			thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
7	Công nghệ giáo dục trong thời kỳ 4.0 *Educational Technology in Revolution Industrial 4.0*	- Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống về công nghệ giáo dục trong nhà trường; có kỹ năng vận dụng kiến thức để lập kế hoạch, thực hiện và phối hợp các nguồn lực để tổ chức và kiểm soát quá trình giáo dục học sinh trong nhà trường.	3	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Giúp sinh viên định hướng phát triển năng lực cá nhân để tổ chức hiệu quả các hoạt động liên quan đến tổ chức, kiểm soát quy trình giáo dục học sinh trong trương học trường ứng với vị trí nghề nghiệp tương lai.			
8	Xã hội học và xã hội học giáo dục *Sociology and Educational Sociology*	- Học phần cung cấp các cách tiếp cận lý luận hiện đại giúp sinh viên có cái nhìn chuyên sâu từ góc độ xã hội học về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, một lĩnh vực quốc sách hàng đầu của sự phát triển đất nước.	3	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9	Kinh tế học giáo dục *Education Economics*	- Giúp sinh viên sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản của học phần, vận dụng những kiến kiến thức đã học để phát huy	3	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những mặt tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, hoạch định những biện pháp phát triển giáo dục, đổi mới phương thức QLGD phù hợp.			việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
10	Lí thuyết về hành chính trong các tổ chức giáo dục *Theories of Administration in Educational Institutions*	- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về hành chính học và có khả năng vận dụng các lý thuyết của học phần vào thực tiễn công tác hành chính trong nhà trường, cơ sở giáo dục; có kỹ năng thực hiện tốt các nghiệp vụ hành chính , biết sắp xếp khoa học các kế hoạch công việc hành chính trong nhà trường.	4	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
11	Lý luận dạy học hiện đại *Modern teaching Theories*	- Cung cấp kiến thức cơ bản về lý luận dạy học hiện đại - Hình thành cho sinh viên năng lực đánh giá, xây dựng kế hoạch và quản lý hoạt động dạy học trong công tác	3	Học kì 4	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quản trị trường học tương lai.			- Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
12	Ứng dụng tâm lý học trong quản trị nhà trường *Applied psychology in school administration*	- Giúp sinh viên có kiến thức tâm lý học trong lĩnh vực lãnh đạo, quản trị nhà trường và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn hoạt động quản lý tại các cơ sở giáo dục góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cá nhân nhà quản trị cũng như các toàn bộ hoạt động quản trị diễn ra trong nhà trường.	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
13	Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục *The National Education System and the Legal Basis for Management Education*	Sau khi học xong học phần này, người học sẽ: +) Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển hệ thống GD quốc dân của mỗi quốc gia +) Hiểu được những khái niệm liên quan đến hệ thống GD quốc dân	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+) Phân tích được những đặc trưng của ngành học, bậc học, cấp học +) Chỉ ra được nội dung quản lý bậc học, cấp học trong hệ thống GD quốc dân +) Trình bày được cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục.			thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
14	Giám sát hoạt động Giáo dục trong Nhà trường *Supervising Educational Activities in Schools*	- Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống về các hoạt động giáo dục trong nhà trường; có kỹ năng vận dụng kiến thức để tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường; giúp sinh viên định hướng phát triển năng lực cá nhân để tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục liên quan trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kì 4	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
15	Quản lý chương trình	- Học phần giúp hình thành ở người học năng lực cần	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	nhà trường *School based curriculum management*	thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập vùng và thế giới.			- Đánh giá kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
16	Quản trị chiến lược trong nhà trường *Strategic Administration in School*	- Giúp sinh viên phân tích được các lý thuyết, sử dụng các phương pháp, kỹ thuật và phương tiện để xây dựng khung chính sách, chiến lược và kế hoạch quản trị trong nhà trường.	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
17	Quản trị Trường học trong mối quan hệ giữa	Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể xác định	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Nhà trường và cộng đồng. *School Administration in the relationship between the school*	được những ý tưởng và chiến lược để kết nối với cộng đồng trường học qua việc phát triển các mối quan hệ với học sinh, phụ huynh, giảng viên và nhà tuyển dụng.			- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực tổng hợp, phân tích các vấn đề về quản trị trường học trong mối quan hệ nhà trường cộng đồng trong các cơ sở giáo dục và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
18	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường *Applied IT in schools Administration*	Giúp người học biết được vị trí, vai trò và ứng dụng của công nghệ thông tin trong quản lý và quản trị Nhà trường; phân tích được quá trình sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý; xây dựng được một hệ thống công nghệ thông tin phù hợp với một nhiệm vụ quản trị Nhà trường. Trên cơ sở đó, có thái độ tốt trong việc vận hành có hiệu quả các hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị.	3	Học kì 4	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Quan hệ nội bộ trong nhà trường *Interior relations in Schools*	Giúp sinh viên hệ thống hóa được các kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng, vận dụng kiến thức để phân tích được các ứng dụng của quan hệ công chúng trong nhà trường và có thể đặt tip và viết bài PR cho một sự kiện cụ thể.	3	Học kì 4	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
20	Xây dựng văn hóa nhà trường *Schools Culture Development*	- Giúp SV hiểu rõ vai trò của văn hóa tổ chức nói chung và văn hóa nhà trường nói riêng; nhận diện những biểu hiện văn hóa tích cực và tiêu cực, tìm hiểu những khó khăn, thách thức khi xây dựng, nuôi dưỡng những giá trị văn hóa tốt đẹp của nhà trường. - Chuẩn bị cho SV - các nhà quản lý tương lai những công cụ tác động tới	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chính văn hóa của trường mình, vun trồng để nó thực sự hỗ trợ cho việc dạy và học			
21	Kỹ năng Quản trị Trường học 1 *School Adminitration Skills 1*	Giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật điều hành hoạt động công sở, có kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc thiết kế, tổ chức và điều hành một số hoạt động hành chính ở vị trí là người quản trị viên trong nhà trường.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
22	Kỹ năng Quản trị Trường học 2 *School Adminitration Skills 2*	Giúp sinh viên có thể xác định, mô tả và phân tích được các kỹ năng giao tiếp của người quản trị viên, vận dụng kiến thức để tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với đối tượng giao tiếp ở trong nhà trường nói riêng, trong cuộc sống nói chung.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					giải pháp hiệu quả (60%)
23	Kỹ năng Quản trị Trường học 3 *School Adminitration Skills 3*	Giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cơ bản về những kỹ năng mang tính đặc thù của nhà quản trị trường học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của mình góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động quản trị nhà trường, góp phần thực hiện mục tiêu của mỗi cơ sở giáo dục.	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
24	Giám sát hoạt động dạy học trong nhà trường *Supervision of teaching activities at School*	- Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống về công tác giám sát hoạt động dạy học; Kỹ năng vận dụng kiến thức để lập kế hoạch, thực hiện và phối hợp các nguồn lực để giám sát các hoạt động dạy học trong nhà trường. - Giúp sinh viên định hướng phát triển năng lực	4	Học kì 4	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cá nhân để tổ chức hiệu quả các hoạt động liên quan đến giám sát hoạt động dạy học trong trương học trường ứng với vị trí nghề nghiệp tương lai.			
25	Chính sách và thực thi quản trị trường học *Schools Adminitration, Policies and Practice*	- Giới thiệu về các chính sách giáo dục, khái niệm, vai trò, các loại hình chính sách giáo dục và quy trình thực hiện chính sách giáo dục. - Cung cấp nền tảng kiến thức mới về quản trị giáo dục, chính sách hỗ trợ cho các nhân viên trong các lĩnh vực chính sách giáo dục, chính trị và hành chính.	3	Học kì 4	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực tổng hợp, phân tích các vấn đề về chính sách và thực thi chính sách quản trị giáo dục của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
26	Môi trường và phát triển *Environment and Development*	- Học phần giới thiệu các khái niệm về tài nguyên, môi trường và phát triển. Đặc điểm, nguyên nhân, hệ quả của các vấn đề suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường, mối quan hệ giữa môi trường và các lĩnh vực phát triển khoa học công nghệ, kinh tế, xã hội. - Học phần đề cấp đến các thách thức và mối quan tâm hiện nay của loài người đối với các vấn đề môi trường và phát triển trên thế giới hiện nay.	2	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
27	Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường *Human Resources Administration in*	Giúp sinh viên phân tích được các lý thuyết, mô hình quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường và kỹ	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	School	thuật quản trị giáo viên, nhân viên trong nhà trường			- Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
28	Quản lý tài chính trong nhà trường *Financial Management at School*	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của Học phần, vận dụng những kiến kiến thức đã học vào việc quản lý cũng như sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính trong trường học; phân tích được những mặt tích cực và hạn chế của chế tài cơ chế quản lý tài chính trong Nhà trường ở Việt Nam hiện nay.	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
29	Quản lý cơ sở vật chất trong nhà trường *Infrastructure Management at School*	- Trang bị cho người học về những lý luận và nội dung cơ bản của hệ thống cơ sở vật chất – thiết bị giáo dục	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Người học biết vận dụng một cách sáng tạo những nội dung đó vào thực tiễn quản lý - Giúp người học nâng cao các kỹ năng quản lý về cơ sở vật chất - thiết bị, đồng thời có ý thức đúng đắn cho việc định hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất - thiết bị giáo dục ở nhà trường			kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
30	Đảm bảo chất lượng trong giáo dục *Quality Assurance in Education*	Giúp sinh viên có thể xác định, mô tả và phân tích được khái niệm, các mô hình và hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục; vận dụng kiến thức để đánh giá một mô hình đảm bảo chất lượng và tham gia quá trình tự đánh giá chất lượng trong giáo dục.	3	Học kì 5	Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
31	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Giáo dục và đào tạo *Administrative and Management of Education*	thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.			thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
32	Đánh giá trong giáo dục *Assessment in Education*	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Lý luận pháp luật về phòng chống tham nhũng *Theories and Law on Anti-corruption*	Giú sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề về pháp luật và phòng chống tham nhũng; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà trường; giúp sinh viên định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai	3	Học kì 1	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
34	Huy động cộng đồng phát triển giáo dục *Community mobilization in Education*	- Học phần giúp hình thành ở người học năng lực cần thiết để huy động cộng đồng xã hội phát triển giáo dục tại trường mình, địa phương mình đang công tác. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong huy động cộng đồng xã hội nhằm đáp	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Đánh giá kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập vùng và thế giới.			giải pháp hiệu quả (60%)
35	Tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường *Career Counseling in School*	Người học nắm được hệ thống kiến thức, kỹ năng về hoạt động tư vấn, hướng nghiệp trong giáo dục cho học sinh đồng thời biết vận dụng những kiến thức và kỹ năng này để giải quyết những tình huống cụ thể trong lựa chọn nghề nghiệp của học sinh	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
36	Quản trị dự án trong trường học *Project Administration in School*	- Học viên được trang bị kiến thức cơ bản về quản trị dự án trong trường học, nắm vững quy trình quản trị dự án trong trường học, vận dụng kiến thức đã học để quản trị dự án trong trường học.	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Học cách ứng dụng một cách hệ thống các kiến thức, kĩ năng học được vào dự án của riêng mình. - Đưa các phương pháp quản trị dự án giáo dục vào thực tiễn.			giải pháp hiệu quả (60%)
37	Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường *Brand Management and Marketing of school*	Giúp sinh viên phân tích được các lý thuyết, mô hình marketing và quản trị thương hiệu, quản trị marketing của nhà trường. Từ đó, phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch phát triển thương hiệu và quản trị chiến lược maketing của nhà trường.	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
38	Lãnh đạo sáng tạo *Creative leadership*	Học phần trang bị cho người học kiến thức về năng lực sáng tạo của lãnh đạo nhà trường nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển giáo dục.	3	Học kì 4	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích….

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
39	Tư vấn tâm lý học đường *Psychological counseling in schools*	- Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kĩ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
40	Hệ thống thông tin trong quản trị trường học *Information System in*	- Giúp người học biết được vị trí, vai trò và giá trị của thông tin trong quản lý và	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	school Administration	quản lý giáo dục; phân tích được quá trình truyền thông trong quản lý; xây dựng được một hệ thống thông tin quản lý giáo dục phù hợp với một nhiệm vụ quản lý giáo dục. - Từ đó có thái độ tốt trong việc xây dựng và sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý giáo dục trong thực tiễn quản lý giáo dục.			thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
41	Quản trị thông tin trong trường học *Administration information in Schools*		3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
42	Thực tập nghiệp vụ 1		4	Học kì 6	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Internship 1				
43	Thực tập nghiệp vụ 2 *Internship 2*		6	Học kì 8	
44	Khóa luận tốt nghiệp *Undergraduate Thesis*		6	Học kì 8	
45	Thực hành quản trị trường học *School Adminitration Practices*	Giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng bổ trợ của người cán bộ quản trị nhà trường: kỹ năng quản trị hành chính, quản trị nhân sự, quản trị cơ sở vật chất, kỹ năng tư vấn, hỗ trợ chuyên môn cho giáo viên, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thích ứng với sự thay đổi…	3	Học kì 8	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
46	Nghiệp vụ quản lý hành chính trong cơ sở giáo dục *Adminnistrative Managment in Educational Institutions*	Giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hành chính nói chung và nghiệp vụ hành chính trong cơ sở đào tạo, vận dụng những kiến kiến thức đã học để hình thành năng lực quản	3	Học kì 8	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích….

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý hành chính, giải quyết hiệu quả những vấn đề liên quan đến hành chính trong nhà trường.			các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

2.6. Ngành Cử nhân Sư phạm Lịch sử

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường *General Psychology and School Psychology*	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học *Pedagogy*	- Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò "điểm tựa" cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp.			làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3	Lý luận và Công nghệ dạy học *Teaching Theories and Instruction Technology*	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học.Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và	**3**	Học kì 6	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm:phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kĩ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.			bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học *Research Methodology*	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH)của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp…và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	**3**	Học kì 6	- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông *School Education Curriculum Development*	- Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm.	**3**	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới.			(10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	Thực hành Sư phạm và phát triển kĩ năng cá nhân, xã hội *Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills*	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kĩ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kĩ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kĩ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.	**3**	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo *Administrative Management and Management of Education*	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	**3**	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8	Đánh giá trong giáo dục *Assessment in Education*	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất	**3**	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lượng câu hỏi và đề kiểm tra.			
9	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường *Organization of School Educational Activities*	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kĩ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường *(chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo*) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một *giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý*.	**3**	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Tư vấn tâm lý học đường *Psychological Counseling in Schools*	- Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kĩ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp.	**3**	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
11	Phương pháp dạy học Lịch sử *Methodology ofHistory Teaching*			Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
12	Thực hành dạy học Lịch sử *Practice of History Teaching*			Học kì 7	
	Kĩ thuật dạy học Lịch sử *History Teaching Techniques*			Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
13	Thực hành sử dụng phương tiện công nghệ trong dạy học Lịch sử *Practice of Using Technology in History Teaching*			Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
14	Thực tập sư phạm *Pedagogical Practicum*		**4**	Học kì 8	
15	Khóa luận tốt nghiệp *Undergraduate Thesis*		**6**	Học kì 8	
16	Lí luận, công nghệ dạy học		3	Học kì 8	

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	hiện đại môn Lịch sử *History Teaching Theories and Technology*				
17	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến *Teaching Methodology for Online Learning Environment*	Học phần Phương pháp dạy học trong môi trường trực tuyến cung cấp những khái niệm cơ bản, các công cụ công nghệ hiện đại để thiết kế và tổ chức quá trình dạy học trong môi trường trực tuyến đáp ứng các nhu cầu học tập đa dạng hiện nay. Học phần đồng thời giới thiệu các mô hình dạy học không truyền thống được xây dựng dựa trên nền tảng web, kết nối mạng, hệ thống các	3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cách tiếp cận và phương pháp dạy học mới trong việc tổ chức quá trình dạy học, sự thay đổi bản chất vai trò của người dạy, người học, đặc điểm tương tác giữa 2 chủ thể này và môi trường học tập. Học phần cung cấp các cơ hội cho người học tiếp cận với công nghệ dạy học hiện đại dựa với Hệ thống công cụ quản lí, hỗ trợ dạy học (Learning Management System – LMS) trên nền tảng mã nguồn mở Moodle và kết nối			

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mạng.			
18	Tư vấn hướng nghiệp *Vocational Orientation Counselling*	Giúp giáo sinh hiểu được bản chất của giáo dục hướng nghiệp và quá trình tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, từ đó có khả năng giúp học sinh trung học định hướng nghề nghiệp và chọn nghề phù hợp.	3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %
19	Nghiên cứu và dạy học Lịch sử địa phương *Local History Researching and Teaching*		3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %

Các học phần ngành Cử nhân Sư phạm Lịch sử do Trường ĐH KHXH&NV giảng dạy

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lịch sử Việt Nam cổ- trung đại *Ancient and Medieval History of Vietnam*	**Thực hiện theo đề cương và lịch trình giảng dạy của Trường ĐHKHXH&NV**			
2	Lịch sử Việt Nam cận đại *Modern History of Vietnam*				
3	Lịch sử Việt Nam hiện đại *Contemporary History of Vietnam*				
4	Lịch sử Thế giới cổ- trung đại *Ancient and Medieval History of the World*				
5	Lịch sử Thế giới cận đại *ModernHistory of the World*				
6	Lịch sử Thế giới hiện đại *Contemporary History of the World*				
7	Cơ sở văn hoá Việt Nam *Vietnamese cultural establishments*				
8	Lịch sử văn minh thế giới				
9	Dẫn luận ngôn ngữ học *Introduction to Linguistics*				
10	Lịch sử sử học *History of the Historiography*				
11	Cơ sở khảo cổ học				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Introduction to Archeology				
12	Làng xã Việt Nam trong lịch sử *Vietnamese Villages in History*				
13	Đô thị cổ Việt Nam *Ancient Cities of Vietnam*				
14	Các tôn giáo thế giới *World Religions*				
15	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Bắc Á *Socio-Economic Development in the East-Asian Countries*				
16	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Nam Á *Socio-Economic Development in the Southeast Asian Countries*				
17	Sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam *The Study of Historical Documents and Hitorical Sources in Vietnam*				
18	Một số phương pháp nghiên cứu lịch sử *Some Methods in Historical Research*				
19	Tiếp xúc văn hóa Đông-Tây ở Việt Nam thời cận đại *East-West Acculturation in Modern Vietnam*				
20	Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam *The People's National Democratic Revolution of Vietnam*				
21	Nguyễn Ái Quốc và sự truyền bá Chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Nam *Nguyen Ai Quoc and the Dissemination of Marxist-Leninist Ideology into Vietnam*				
22	Lịch sử chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thời cổ trung đại *Wars of Resistance Against Foreign Invasion in Ancient and Medieval Vietnam*				
23	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại *Tendencies of Liberation Thoughts in Modern Vietnam*				
24	Quan hệ thương mại truyền thống ở khu vực Biển Đông *Traditional Trade Relations in the East Sea*				
25	Đặc điểm quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh *Main Features of International Relations after the Cold War*				
26	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai *The U.S Foreign Policies after World War II*				
27	Biến đổi kinh tế- xã hội Việt Nam 1945-2000 *Vietnam's Socio - Economic Transformation, 1945-2000*				
28	Quá trình dân tộc-lãnh thổ của Việt Nam *The Process of National and Territorial Formation of Vietnam*				

2.7. Ngành Cử nhân Sư phạm Ngữ văn

Các học phần do Trường Đại học Giáo dục giảng dạy

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường *General Psychology and School Psychology*	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học *Pedagogy*	- Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò "điểm tựa" cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp.			- Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3	Lý luận và Công nghệ dạy học *Teaching Theories and Instruction Technology*	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học.Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kĩ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.	**3**	Học kì 7	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm:phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học *Research Methodology*	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH)của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp…và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	**3**	Học kì 7	- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông *School Education Curriculum Development*	- Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế	**3**	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giới.			thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	Thực hành Sư phạm và phát triển kĩ năng cá nhân, xã hội *Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills*	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kĩ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kĩ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kĩ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.	**3**	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)
7	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo *Administrative Management and Management of*	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các	**3**	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Education	vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.			hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8	Đánh giá trong giáo dục *Assessment in Education*	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.	**3**	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường *Organization of School Educational Activities*	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kĩ năng quản lý lớp	**3**	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường *(chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo*) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một *giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý.*			hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích…. các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
10	Tư vấn tâm lý học đường *Psychological Counseling in Schools*	- Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kĩ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp.	**3**	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
11	Ngôn ngữ và văn học *Language and Literature*	Học xong học phần này, sinh viên có thể ***Kiến thức*** Tự giới thuyết một cách nhất quán và có hệ thống các khái niệm và cụm từ then chốt của bài giảng này: "Ngôn Ngữ", "Văn Học" "Diễn Ngôn", "Sáng tác Văn chương", "Văn xuôi Tự sự", "Tác phẩm Chính luận", "Tác phẩm Nghị luận", "Thơ ca Trữ tình", "Lí luận Văn học", "Nghiên cứu Phê bình Văn học", ... Phân biệt theo nguyên tắc nhất định "Dụng ngữ nguyên sinh" và "Dụng ngữ thứ sinh", "Ngôn ngữ Nói" và "Ngôn ngữ Viết"; "Ngôn từ chất liệu" và "Ngôn từ công cụ"; "Ngôn ngữ Thơ" và "Ngôn ngữ Văn xuôi Tự sự".	**3**	Học kì 6	Bài tập nhóm: đánh giá ý thức học tập, sự chuyên cần, sự phối hợp (10%) Bài tập cá nhân: Đánh giá việc tự học, thực hành của sinh viên (10%). Bài kiểm tra giữa kỳ:Đánh giá kết quả học tập ½ học kỳ, kỹ năng làm việc nhóm, lấy thông tin phản hồi về việc học tập để cải tiến việc dạy học (20%) Bài thi hết môn: Đánh giá kết quả học tập cuối học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nêu được mối quan hệ giữa "Ngôn ngữ" và "Văn học": ***Kĩ năng*** Phân tách được cấu trúc luận ngôn ngữ: hai mặt năng biểu và sở chỉ, chọn lựa và kết hợp Vận dụng hiểu biết về hai mối quan hệ tổ hợp lân cận đồng hiện (syntagmatique) và liên tưởng tiềm tàng (inabsentia) vào thao tác phân tích cấu trúc thơ ca và văn xuôi Khu biệt được ẩn dụ và hoán dụ đi kèm với việc chỉ rõ thơ chịu sự chi phối của của nguyên tắc tính tương tự trong lúc văn xuôi hoạt động trong quan hệ tương cận; Nhận diện được quan điểm cho rằng tiếp nối và chuyển hoán là hai nguyên tắc của tự sự. Thực hành tạo lập dụng ngữ theo thể loại văn bản cụ thể ***Thái độ*** Tôn trọng thao tác phân tích khoa học và nghiên cứu bài bản Yêu thích tư duy hệ thống hóa và khái niệm hóa Phê phán sự cố chấp và giáo điều kinh viện Xa rời lối dụng ngữ kiểu MC (dẫn chương trình/bình tán phiên phiến) khi viết lách hay trình bày vấn đề			phần, lấy thông tin phản hồi về việc học tập để cải tiến chương trình, đề cương học phần.(40%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học thuật, giảng dạy ***Mục tiêu khác*** Xây dựng các nội dung dạy học tích hợp Ngữ và Văn, Khoa học và Nghệ thuật			
12	Dạy học Ngữ Văn theo hướng tích hợp *The Use of Intergal Methods in Literature Teaching*	Sinh viên cập nhật được những kiến thức lí luận về dạy học tích hợp nói chung và dạy học tích hợp trong môn Ngữ văn ở trường trung học nói riêng, từ đó vận dụng vào thực tiễn dạy học: tổ chức dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp.	**3**	Học kì 6	**Đánh giá thường xuyên** (Hỏi đáp): 10 % **Bài tập cá nhân** (SV viết bài): 10% **Bài tập nhóm** (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20% **Bài thi hết môn** (SV soạn giáo án dạy học một bài trong chương trình Ngữ văn ở THPT theo hướng tích hợp): 60%
13	Lí thuyết Làm văn trong nhà trường *Literature Theories in School*	- Hình thành, củng cố một số kiến thức về các kiểu văn bản được dạy trong phân môn Làm văn ở nhà trường phổ thông. - Vận dụng kiến thức về các kiểu văn bản để dạy tạo lập văn bản trong phân môn Làm văn ở nhà trường phổ	**3**	Học kì 6	**Đánh giá thường xuyên** (Hỏi đáp): 10 % **Bài tập cá nhân** (SV viết bài): 10 % **Bài tập nhóm** (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % **Bài thi hết môn (Tiểu luận): 6**0 %

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thông.			
14	Dạy học Văn học trong nhà trường phổ thông *Literature Teaching in Secondary School*	Học xong học phần này, sinh viên hiểu và phân tích được cấu trúc nội dung chương trình dạy học Văn ở trường THPT. Trên cơ sở tích hợp tri thức liên ngành Văn trong dạy học học phần cấu tạo SGK từ ba phân môn Văn học, Tiếng Việt và Làm văn, sinh viên biết tổng hợp và đánh giá được các mối liên hệ về phương pháp và kĩ năng dạy-học chương trình Văn trung học. Biết tổ chức dạy học Văn ở trường THPT.		Học kì 7	**Đánh giá thường xuyên** (Hỏi đáp): 10 % **Bài tập cá nhân** (SV viết bài): 10 % **Bài tập nhóm** (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % **Bài thi hết môn (Tiểu luận): 6**0 %
15	Dạy học Tiếng Việt trong nhà trường phổ thông *Vietnamese Teaching in Secondary School*	sinh viên nắm được cấu tạo chương trình và Phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt; Sinh viên cập nhật được các kiến thức mới và hình thành những kĩ năng cần thiết trong Việc tổ chức dạy học Ngữ Văn ở trường THPT.	**3**	Học kì 7	**Đánh giá thường xuyên** (Hỏi đáp): 10 % **Bài tập cá nhân** (SV viết bài): 10 % **Bài tập nhóm** (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % **Bài thi hết môn (Bài thi):**

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					60 %
16	Dạy đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông *Reading Comprehension Teaching in School*			Học kì 7	
17	Thực tập sư phạm *Pedagogical Practicum*		**4**	Học kì 8	
18	Khóa luận tốt nghiệp *Undergraduate Thesis*		**6**	Học kì 8	
19	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến *Teaching Methodology for Online Learning Environment*	Học phần Phương pháp dạy học trong môi trường trực tuyến cung cấp những khái niệm cơ bản, các công cụ công nghệ hiện đại để thiết kế và tổ chức quá trình dạy học trong môi trường trực tuyến đáp ứng các nhu cầu học tập đa dạng hiện nay. Học phần đồng thời giới thiệu các mô hình dạy học không truyền thống được xây dựng dựa trên nền tảng web, kết nối mạng, hệ thống các cách tiếp	3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cận và phương pháp dạy học mới trong việc tổ chức quá trình dạy học, sự thay đổi bản chất vai trò của người dạy, người học, đặc điểm tương tác giữa 2 chủ thể này và môi trường học tập. Học phần cung cấp các cơ hội cho người học tiếp cận với công nghệ dạy học hiện đại dựa với Hệ thống công cụ quản lí, hỗ trợ dạy học (Learning Management System – LMS) trên nền tảng mã nguồn mở Moodle và kết nối mạng.			
20	Tư vấn hướng nghiệp *Vocational Orientation Counselling*	Giúp giáo sinh hiểu được bản chất của giáo dục hướng nghiệp và quá trình tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, từ đó có khả năng giúp học sinh trung học định hướng nghề nghiệp và chọn nghề phù hợp.	3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %

Đề cương các học phần ngành Cử nhân Sư phạm Ngữ văn do Trường Đại học KHXH&NV tổ chức giảng dạy

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Hán Nôm cơ sở *Basic Sino-Nom*	**Thực hiện theo đề cương các học phần và lịch trình giảng dạy của Trường ĐHKHXH&NV**			
30	Dẫn luận ngôn ngữ học *Introduction to Linguistics*				
31	Lịch sử văn minh thế giới				
32	Tác phẩm và loại thể văn học *Literary Works and Literary Genres*				
33	Nguyên lí lí luận văn học Principles of Literary Theory				
34	Phong cách học Tiếng Việt *Vietnamese Stylistics*				
35	Ngữ dụng học *Pragmatics*				
36	Việt ngữ học với việc dạy tiếng Việt trong nhà trường *Vietnamese Linguistics and Teaching Vietnamese in Schools*				
37	Hán văn Việt Nam *Classical Chinese in Vietnam*				
38	Nghệ thuật học đại cương *General Artistry*				
39	Dạy học Ngữ Văn theo hướng tích hợp *The Use of Intergal Methods in Literature Teaching*				
40	Lí thuyết Làm văn trong nhà trường				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Literature Theories in School				
41	Hán văn Việt Nam *Classical Chinese in Vietnam*				
42	Nghệ thuật học đại cương *General Artistry*				
43	Ngữ pháp học Tiếng Việt *Vietnamese Grammar*				
44	Văn học dân gian Việt Nam *Vietnamese Folk Literature*				
45	Văn học Việt Nam từ thế kỷ 10 đến giữa thế kỷ 18 *Vietnamese Literature from 10th Century to First Half of 18th Century*				
46	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ 18 đến thế kỷ 19 *Vietnammese Literature from the Late Half of 18thCentury to 19th Century*				
47	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945 *Vietnamese Literature from 1900 to 1945*				
48	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay *Vietnamese Literature from 1945 to Now*				
49	Văn học Trung Quốc *Chinese Literature*				
50	Văn học Châu Âu *European Literature*				
51	Văn học Bắc Mĩ – Mĩ Latinh *North American and Latin American Literature*				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
52	Văn học Nga *Russian Literature*				
53	Ngôn ngữ học ứng dụng *Applied Linguistics*				
54	Thi pháp văn học dân gian *Poetics of Folk Literature*				
55	Ngữ âm học và Từ vựng học Tiếng Việt *Vietnamese Phonology and Lexicology*				
56	Thực hành văn bản tiếng Việt *Practicing on Vietnamese Texts*				
57	Văn học khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á *Southeast and Northeast Asian Literature*				
58	Nhập môn phân tích diễn ngôn *Introduction to Discourse Analysis*				
59	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ *Methods of Teaching Vietnamese as a Second Language*				
60	Đặc điểm lịch sử văn học Việt Nam *Historical Features of Vietnamese Literature*				

III. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH THẠC SĨ

3.1. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song…	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	Học phần giúp học viên: - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học,xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn.			
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng.Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kĩ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam			Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Thi pháp học	Học phần cung cấp cho học viên các phương tiện hữu hiệu để nghiên cứu các hiện tượng văn học một cách khoa học khách quan. Từ cách tiếp cận thi pháp học, học viên có thể khám phá được phong cách nghệ thuật của nhà văn, đặc trưng thể loại văn học, đặc trưng thi pháp của từng thời đại văn học cũng như đặc trưng thi pháp của các trào lưu văn học. Đặc biệt, học viên vận dụng có hiệu quả thi pháp học trong lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần
8	Lý thuyết tiếp nhận văn học	Học xong học phần này, học viên có những tri thức về tiếp nhận văn học; Phân tích được mối quan hệ giữa Lý thuyết tiếp nhận với Mỹ học tiếp nhận và các lý thuyết phê bình văn học; Trình bày được nội dung chính của các vấn đề trong Lý thuyết tiếp nhận văn học; Phân tích được các vấn đề		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		"tầm kỳ vọng", "chuẩn mực văn học", các tính chất và các cấp độ của tiếp nhận văn học.			
	Đọc - hiểu văn bản	học viên sẽ: - Phân tích cơ sở khoa học của đọc hiểu tác phẩm văn chương; - Lí giải các phương pháp đọc hiểu văn chương. - Vận dụng tri thức đọc hiểu vào quá trình dạy học văn trong trường phổ thông: biết soạn giáo án và tiến hành dạy học tác phẩm văn chương.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
9	Phân tích chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành	Giúp học viên thông hiểu nguyên tắc, mục tiêu và nội dung chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành. Trên cơ sở đó, học phần cũng tạo cơ hội để học viên biết cách tích hợp các phân môn bộ phận cấu tạo nên toàn bộ chương trình Ngữ văn phổ thông.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần
10	Ngôn ngữ và văn học	- Qua học phần này, học viên thông hiểu được mối quan hệ "kép" giữa ngôn ngữ (khoa học ngôn ngữ học & chất liệu/công cụ lời nói của sáng tác nghệ thuật - diễn ngôn) và văn học		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		(nghiên cứu lí luận phê bình văn học& sáng tác tác phẩm văn chương). - Vận dụng được vốn tri thức về mối quan hệ Ngôn ngữ-Văn học vào việc dạy học ba phân môn Văn-Ngữ-Làm văn (chương trình Ngữ Văn ở PTTH) theo hướng tích hợp. Phân tích được thực tiễn dụng ngữ diễn ngôn (đọc hiểu văn bản tác phẩm văn chương và tạo lập văn bản làm văn) nói chung. - Trên cơ sở đó vươn tới tầm tự mình đánh giá và sáng tạo được các sản phẩm văn bản (nghiên cứu phê bình văn học hay nghị luận xã hội) và góp phần vào việc tổ chức dạy học văn tiên tiến hiện đại			-Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần
11	Ngữ nghĩa học	Học viên nắm vững các vấn đề cơ bản của Ngữ nghĩa học và biết vận dụng lí thuyết vào phân tích nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ trong hệ thống và trong sử dụng, nhất là trong giao tiếp đời sống và trong các tác phẩm văn học.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
12	Phương pháp dạy học Văn	học viên được trang bị các tri thức về phương pháp dạy học các loại văn bản đọc hiểu trong		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	học nâng cao	chương trình (văn bản khoa học văn học và văn bản văn chương). Đặc biệt, qua học phần học viên vận dụng được các phương pháp dạy học khác nhau vào trong quá trình tổ chức tiết học Ngữ văn và vận dụng có hiệu quả thi pháp học trong lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn			tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần
13	Phương pháp dạy học Làm văn nâng cao	. Xác định hoặc phân tích, vận dụng được những kiến thức chung, gồm: quan điểm dạy học tạo lập văn bản theo định hướng năng lực; cơ sở khoa học của dạy học tạo lập văn bản; quan điểm tích hợp trong dạy học làm văn; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học làm văn; xu thế quốc tế trong dạy học tạo lập văn bản ở trường phổ thông.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần
14	Phương pháp dạy học Tiếng Việt nâng cao	Trang bị cho học viên những nội dung lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông và giúp học viên có khả năng vận dụng những lí luận và phương pháp đó vào dạy học tiếng Việt hiệu quả ở trường phổ thông. Mặt khác, giúp học viên biết phát hiện và phát triển nghiên cứu những giải pháp nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
15	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng: - Sử dụng được kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

3.2. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Hóa học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song…	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	Học phần giúp học viên: - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học,xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn.			trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		nói riêng.Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kĩ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.			trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Hóa học ở trường phổ thông	Phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, tạo nguồn để đào tạo nhân tài, giáo dục phổ thông chủ yếu là bồi dưỡng năng lực tư duy cho học sinh. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu về môn hóa học trên cơ sở bảo đảm yêu cầu giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Năng khiếu của học sinh là tố chất	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		quan trọng nhưng mới chỉ là tiềm năng, cần phải được bồi dưỡng để phát huy thật tốt, chú trọng bồi dưỡng phương pháp tự học, thói quen làm việc hợp tác, tự giác đóng góp xây dựng đất nước.			
8	Dạy học thí nghiệm hóa học theo tiếp cận và phát triển năng lực	Phát triển năng lực dạy học Hóa học cho học viên thông qua việc vận dụng phương pháp và và phương tiện thí nghiệm thực hành Vận dụng được kiến thức đã học để giải thích được các hiện tượng xảy ra : - trong quá trình sử dụng thí nghiệm ở trường phổ thông, - trong thực tiễn đời sống Thông qua các bài dạy học có sử dụng thí nghiệm hóa học giúp HS hình thành và phát triển năng lực thực hành, năng lực vận dụng kiến thức, năng lực nghiên cứu khoa học,…	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thực hành thí nghiệm
9	Hóa học vô cơ trong dạy học ở trường phổ thông	Trang bị cho học viên những kiến thức về Hoá học Vô cơ chuyên sâu hơn về phức chất của các kim loại chuyển tiếp, các lý thuyết liên kết hoá học trong các phức chất, từ tính và quang phổ của chúng; phức chất cacbonyl và phức chất cơ kim, cấu tạo và khả	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		năng phản ứng của các hợp chất vô cơ.			luận
10	Hóa học phân tích trong dạy học ở trường phổ thông	Cung cấp cho người học các kiến thức về hóa học phân tích, các nguyên tắc, qui trình phân tích. Trên cơ sở đó người học vận dụng để giải thích một cách định tính và định lượng các quá trình hóa học. Người học được trang bị năng lực để hiểu, đánh giá hoặc đề xuất một qui trình phân tích với một đối tượng cụ thể thực tế, góp phần nâng cao kiến thức về các vấn đề của xã hội có liên quan đến hóa học và hóa học phân tích.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
11	Dạy bài tập theo quan điểm công nghệ hóa học	Mục tiêu của học phần nhằm phát triển kiến thức, năng lực dạy học và thái độ nghề nghiệp cho học viên Cao học Sư phạm Hóa học	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
12	Dạy học hóa học theo tiếp cận và phát triển năng lực	Học xong học phần này học viên hình thành và phát triển được các năng lực tư duy phê phán sáng tạo (có khả năng phân tích và phát triển chương trình và SGK môn hóa học), năng lực vận dụng các cơ sở lí luận về PPDH vào môn hóa học, năng lực dạy học	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		môn hóa học theo định hướng phát triển năng lực.			luận
13	Hóa học hữu cơ trong dạy học ở trường phổ thông	Học viên nâng cao được những kiến thức về lý thuyết cấu tạo, khả năng phản ứng của các hợp chất hữu cơ và một số cơ chế phản ứng trong hóa học hữu cơ, từ đó nắm vững và mở rộng hơn hiểu biết về hóa học hữu cơ để có thể giảng dạy với chất lượng cao hơn học phần này .	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
14	Lịch sử hóa học	Bổ sung cho học viên những nhận thức về: Quá trình tích lũy các kiến thức hóa học trong lịch sử tiến lên của loài người. Quá trình nghiên cứu và trình bày các tư tưởng hóa học, các thành công trong công nghiệp hóa học. Sau khi kết thúc học phần Lịch sử hóa học, học viên sẽ vận dụng được kiến thức LSHH vào trong dạy học, đồng thời các kiến thức hóa học của mình được bổ sung và hệ thống hóa sâu sắc, hiểu sâu thêm về các phát minh hóa học, sẽ rút ra được nhiều kinh nghiệm thành công và thất bại trong cách suy nghĩ, cách làm việc của mình trong trong nghiên cứu hóa học.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi học phần
15	Hóa lý trong	Làm cho học viên nắm được những	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	dạy học ở trường phổ thông	kiến thức cơ bản về Hóa học lượng tử để vận dụng vào các vấn đề cốt lõi của cấu tạo nguyên tử và liên kết hoá học một cách định lượng. Trên cơ sở các kiến thức thu được, giúp cho học viên biết giải các bài tập về cấu tạo nguyên tử, phân tử, liên kết hoá học và phương pháp phổ thông dụng để giải thích cơ chế của các quá trình hoá học và có được kĩ năng về các phương pháp tính gần đúng MO và HMO dùng trong nghiên cứu cấu trúc các hợp chất hoá học và áp dung trong giảng dạy ở bậc PTTH.			Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

3.3. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Vật lí

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song…	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công	Học phần giúp học viên:	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	nghệ dạy học hiện đại	- Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học,xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn.			Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và	Người học sẽ hệ thống được những kiến	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	đánh giá trong giáo dục	thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng.Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kĩ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.			Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Phương pháp dạy học Vật lí hiện đại	- Vận dụng được lý luận day học hiện đại vào dạy học Vật lí ở trường phổ thông. - Phân tích các con đường hình thành kiến thức vật lí ở phổ thông theo phương pháp nghiên cứu đặc trưng của vật lí học		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
8	Cơ học lượng tử nâng cao	Xây dựng cơ học cho các hạt vi mô phi tương đối tính, bản chất lượng tử của chúng và các đặc tính hoàn toàn mới so với thế giới vĩ mô.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
9	Phương tiện và công nghệ trong dạy học và nghiên cứu vật lý	Vận dụng lí luận và phương pháp dạy học vật lí ở trường phổ thông để thiết kế phương tiện và công nghệ trong nghiên cứu và dạy học vật lí, đặc biệt là thí nghiệm hiện đại trong nghiên cứu và dạy học vật lí.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
10	Phân tích và triển khai chương trình vật lí phổ thông	- Có kiến thức nền tảng về chương trình và phát triển chương trình dạy học môn vật lí ở trường phổ thông. - Có hiểu biết sâu về cấu trúc chương trình vật lí phổ thông. - Phân tích được cấu trúc lôgic sự phát triển nội dung của các đề tài cơ bản thuộc chương trình Vật lí phổ thông.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
11	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh	Phát triển năng lực giảng dạy, hướng dẫn và bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lí tại các		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	giỏi vật lí	trường phổ thông Chuyên hoặc các lớp Chuyên Vật lí ở trường phổ thông			tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
12	Dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực	Kết thúc học phần học viên có thể: - Phân tích, đánh giá được vai trò, mối quan hệ giữa yêu cầu phát triển hệ thống các năng lực chung, chuyên biệt cần hình thành với chương trình giáo dục, dạy học trong bối cảnh dạy học ở thế kỉ 21 - Vận dụng các quan điểm hiện đại về dạy học theo tiếp cận mục tiêu hướng đến hình thành năng lực, tăng khả năng ứng dụng vào thực tiễn của người học để thiết kế dạy học - Lập được kế hoạch dạy học theo tiếp cận năng lực		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học vật lý	Học viên phải nắm được nguyên lí và những phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học vật lí, có thể áp dụng một số phương pháp nghiên cứu để thực hiện các đề tài NCKH, viết luận văn, luận án hoặc một bài báo, một công trình nghiên cứu khoa học		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		về khoa học vật lí.			luận
14	Vật lí học hiện đại	Mở rộng và phá triển kiến thức cho các học viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về vật lí học. Gợi mở những ý tưởng mới trong việc tìm hiểu và nghiên cứu thế giới vi mô trong Vật lí học.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
15	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng: - Sử dụng được kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
16	Thiên văn học nâng cao	Trang bị cho người học kiến thức chung, khái quát về Thiên văn và Vũ trụ, để cùng với những kiến thức ở một số học phần		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		khác về vật lí, người học có hiểu biết đầy đủ, hệ thống về vật lí, từ vật lí vi mô đến vật lí vĩ mô. Từ đó, người học có thể khai thác kiến thức nền tảng này phục vụ việc dạy học vật lí, nâng cao được hiệu quả dạy học và giáo dục học sinh.			nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

3.4. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song…	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	Học phần giúp học viên: - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học,xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn.			
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng.Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kĩ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.			
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Một số vấn đề chọn lọc của lý thuyết số	Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và cần thiết về lý thuyết số và các ứng dụng của lý thuyết số trong giảng dạy toán phổ thông.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
8	Một số vấn đề chọn lọc trong Đại số và Giải tích hiện đại	Nhằm giúp người học nắm được những vấn đề của Giải tích và Đại số hiện đại			- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
					luận
9	Phương trình sai phân và ứng dụng	Những ứng dụng của phương trình sai phân trong các ngành khoa học khác như kinh tế, tâm lý, môi trường, v.v… Học phần tập trung vào nghiên cứu những mô hình toán học cụ thể ứng dụng trong thực tế.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
10	Bất đẳng thức và ứng dụng	Học viên được trang bị kiến thức nền tảng cơ bản, các phương pháp giải toán bất đẳng thức và có khả năng ứng dụng bất đẳng thức giải quyết vấn đề liên quan trong chương trình trung học phổ thông. Từ đó nâng cao năng lực giải toán, khả năng nghiên cứu, giảng dạy nội dung về bất đẳng thức và những lĩnh vực khác trong toán học		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
11	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng: - Sử dụng được kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn			
12	Toán rời rạc	Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và cần thiết về lĩnh vực toán rời rạc và các ứng dụng của toán rời rạc trong giảng dạy toán phổ thông.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
13	Wavelets: Lý thuyết và ứng dụng	Nhằm giúp người học lĩnh hội được một học phần mang tính thời sự, có nhiều ứng dụng		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
14	Phát triển tư duy sáng tạo và phê phán trong dạy học Toán	Cung cấp cho học viên những hiểu biết cơ bản và cần thiết về tư duy phê phán và tư duy sáng tạo của người học toán và qúa trình dạy học toán nhằm phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho mỗi cá nhân người học		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		trong một lớp học với nhiều trình độ nhận thức khác nhau nhằm tạo nên một "lớp học tư duy" trong đó mỗi cá nhân người học đều thực sự tư duy.			- -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
15	Phương pháp dạy học môn Toán	- Học viên được cung cấp một số vấn để về trong dạy học Toán như hiểu biết Toán học, phát triển tư duy trong dạy học Toán, các thuyết và tiếp cận trong dạy học Toán, ứng dụng CNTT trong dạy học Toán; - Vận dụng để phân tích các học liệu dạy học như chương trình, sách giáo khoa, giáo án, sản phẩm của học sinh; - Nghiên cứu, thiết kế và thử nghiệm một số tài liệu dưới dạng dự án nhằm nâng cao chất lượng dạy học Toán như phát triển hiểu biết Toán học và tư duy trong dạy học Toán, vận dụng các thuyết dạy học tích cực trong dạy học Toán.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
16	Phương trình hàm và ứng dụng	Học viên hiểu được những bài toán cơ bản của phương trình hàm, nghiệm của chúng, và những vấn đề ứng dụng khác liên quan đến những hàm số sơ cấp.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
					luận

3.5. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Sinh học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song…	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	Học phần giúp học viên: - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học,xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn.			
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng.Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kĩ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam			nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Sinh học động vật và người	Học viên sau khi hoàn thành khóa học có kiến thức tiên tiến nhất về cấu tạo, chức năng, nguyên lý hoạt động của các tổ chức, hệ cơ quan trong cơ thể sống. Hình thành thế giới quan khoa học về sự tương hợp giữa cấu tạo và chức năng cũng như tính thống nhất của tất cả các hệ cơ quan trong cơ thể động vật bậc cao và người. Từ đó nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
8	Sinh học phát triển động vật	Cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về các giai đoạn phát triển của cơ thể sinh vật ở nhiều mức độ khác nhau: phân tử, tế bào sinh dục, hợp tử, phôi thai, trưởng thành, già hoá. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự lão hoá, cơ chế chống đỡ bệnh tật. Các biện pháp phòng, chống bệnh của cơ thể sống.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
9	Cơ sở di truyền	Khi học chuyên đề này học viên phải	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	và tiến hóa	giải đáp được các vấn đề về cơ sở vật chất cùng các cơ chế di truyền và biến dị ở các cấp độ tổ chức sống cũng như sự tiến hóa của sinh giới.			Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học sinh học	Học viên sau khi hoàn thành khóa học có kiến thức tổng quan về các khái niệm cơ bản, ý nghĩa, mục đích cũng như các hình thức nghiên cứu khoa học sinh học. Đồng thời có kỹ năng phân tích để lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp với mục tiêu và hướng nghiên cứu cụ thể, có kỹ năng tiến hành một nghiên cứu khoa học sinh học theo đúng quy trình.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
11	Sinh thái học môi trường	Người học được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về sinh thái học môi trường. Trên cơ sở đó, chuyển biến tích cực về nhận thức và thái độ trong việc bảo vệ môi trường.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
12	Câu hỏi và bài tập trong dạy	Rèn luyện cho học viên cách đặt và sử dụng câu hỏi, bài tập vào các mục đích dạy	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	học sinh học	học học phần Sinh học ở trường phổ thông.			tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
13	Phương pháp dạy học Sinh học	Giải thích cơ sở lí thuyết của mục tiêu dạy học sinh học, nội dung dạy học sinh học, phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức để dạy học sinh học phát triển năng lực người họcđặc biệt là năng lực học tập.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
14	Hóa sinh nâng cao	Đề cương học phần này giúp học viên hiểu rõ hơn về kiến thức chuyên sâu và các vấn đề cốt lõi của hóa sinh. Giúp học viên biết cách vận dụng những kiến thức đã học để tiếp cận với các kỹ thuật hóa sinh và sinh học phân tử từ cơ bản đến hiện đại. Từ đó giúp học viên thiết kế, bố trí và thực hiện các thí nghiệm hóa sinh để thu được kết quả đáng tin cậy, và nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của học viên.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
15	Sinh học thực vật	Củng cố, nắm vững và nâng cao các kiến thức cơ bản, cập nhật của học phần để	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		vận dụng vào việc thực hiện Luận văn Thạc sĩ, đồng thời chuẩn bị cho việc thực hiện tiếp tục Luận án Tiến sĩ và mục tiêu quan trọng nữa là, sau khi hoàn thành tốt học phần, giáo viên THPT sẽ giảng dạy tốt hơn phần Sinh học tế bào và Sinh học cơ thể thực vật ở các trường THPT, kể cả các trường Chuyên.			tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

3.6. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Lịch sử

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song…	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	Học phần giúp học viên: - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học,xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn.			
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng.Vận dụng được phương	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kĩ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.			- Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Một số vấn đề của Lịch sử Việt Nam	Sau khi học xong chuyên đề này, học viên có được những tri thức về một số vấn đề cơ bản của lịch sử Việt Nam từ khởi nguồn đến hiện tại; vận dụng được vào thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu kết hợp giáo dục tri thức khoa học lịch sử và giáo dục tư tưởng chính trị, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
8	Một số vấn đề của Lịch sử thế giới	Trên cơ sở kiến thức chung về lịch sử thế giới, học phần này đề cập đến một số vấn đề cơ bản có tính chất tiêu biểu của lịch sử thế giới từ thời cổ trung đại đến cận hiện đại. Từ đó, rút ra cách nhìn nhận, đánh giá về các vấn đề cơ bản của lịch sử phương Tây, phương Đông thời cổ trung đại và lịch sử thế giới thời cận hiện đại.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
9	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử	Học viên có hiểu biết sâu sắc và hệ thống về quá trình dạy học lịch sử ở trường phổ thông, các thành tố, vai trò của các thành tố đó trong việc nâng cao chất lượng dạy học lịch sử hiện nay ở trường phổ thông; hệ thống các phương pháp dạy học truyền thống, hiện đại và khả năng vận dụng trong thực tiễn dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Từ đó, học viên có khả năng vận dụng Lý luận bộ môn để nghiên cứu những vấn đề mà thực tiễn dạy học lịch sử ở trường phổ thông đặt ra; hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tinh thần không	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
10	Phương tiện và công nghệ dạy học Lịch sử	Học viên có hiểu biết sâu sắc và hệ thống về mục tiêu của học phần vai trò của phương tiện công nghệ trong quá trình dạy	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		học lịch sử ở trường phổ thông; các tiêu chí để lựa chọn PTCN phù hợp, những tiện ích của PTCN ứng dụng trong dạy học môn Lịch sử một cách hiệu quả. Từ đó học viên có khả năng sử dụng PTCN trong thiết kế, triển khai bài dạy/chủ đề theo hướng dạy học tích cực, có ý thức đổi mới PPDH theo hướng tích cực áp dụng PTCN mới, phù hợp, hiệu quả.			nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
11	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử	Học xong học phần này, học viên hiểu được vai trò, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu, các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá; biết xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tự luận theo mục tiêu, nội dung chương trình học phần Lịch sử, từ đó thực hành xây dựng đề kiểm tra theo ma trận trong dạy học Lịch sử ở trường THPT theo hướng phát triển năng lực học sinh; biết và hiểu được cách thức xây dựng các công cụ hỗ trợ học sinh tự học và tự kiểm tra, đánh giá; qua đó hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tinh thần không ngừng học hỏi, tích cực, vận dụng sáng tạo các phương pháp, kĩ thuật kiểm tra, đánh giá phù hợp đặc trưng môn Lịch sử.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
12	Phân tích chương trình, sách giáo khoa Lịch sử phổ thông hiện hành	Học viên có hiểu biết tổng quan về chương trình, SGK môn Lịch sử của một số nước trên thế giới, những ưu điểm có thể vận dụng cho xây dựng chương trình của Việt Nam. Trên cơ sở có hiểu biết sâu sắc và hệ thống về chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông, học viên phân tích, đánh giá ưu điểm, hạn chế của chương trình, SGK hiện hành; tìm hiểu những định hướng xây dựng chương trình mới (sau 2015) và đề xuất cho việc thực thi chương trình, SGK hiện hành, xây dựng được chương trình/kế hoạch phù hợp điều kiện dạy học (dựa theo chương trình quốc gia).	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
13	Hình thức tổ chức dạy học lịch sử	Học viên có hiểu biết sâu sắc và hệ thống về các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông: dạy học trên lớp, ngoài lớp học và hoạt động ngoại khóa; vận dụng quy trình chuẩn bị, lập và triển khai kế hoạch dạy học phù hợp từng hình thức tổ chức dạy học; thực hành cách thức đánh giá cải tiến kế hoạch dạy học.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
14	Hình thành kiến thức lịch sử cho	Học phần giúp học viên hiểu sâu sắc về con đường hình thành kiến thức lịch sử	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	học sinh phổ thông	cho học sinh phổ thông. Trên cơ sở nhận thức đúng về bản chất của quá trình dạy học, đặc điểm của kiến thức lịch sử, mối quan hệ giữa các yếu tố trong con đường hình thành kiến thức lịch sử, học viên xác định được các biện pháp hình thành kiến thức lịch sử theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả bài học lịch sử ở trường phổ thông. Đồng thời, phát triển năng lực vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và bồi dưỡng niềm đam mê nghề nghiệp, sự sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy của học viên.			tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
15	Phát triển năng lực tự học Lịch sử cho học sinh phổ thông	Học phần giúp học viên hiểu sâu sắc vấn đề phát triển năng lực tự học cho học sinh trong quá trình dạy học bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông. Trên cơ sở nhận thức đúng về bản chất của tự học, các biểu hiện của năng lực tự học lịch sử, vai trò, ý nghĩa của tự học, học viên xác định được các hình thức, biện pháp phát triển năng lực tự học lịch sử cho học sinh. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả bài học lịch sử ở trường phổ thông. Đồng thời, phát triển năng lực vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và bồi dưỡng	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		niềm đam mê nghề nghiệp, sự sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy của học viên.			

3.7. Ngành thạc sĩ Quản lí Giáo dục

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1.	Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục	Trang bị cho người học những kiến thức và kĩ năng tâm lý ứng dụng trong quản lý giáo dục (Hành vi, Nhóm và Hoạt động nhóm).	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý giáo dục	Sau khi học xong học phần này, học viênsẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, ứng dụng vào xây dựng đề cương nghiên cứu cho một đề tài trong khuôn khổ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ.	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
3.	Lý luận quản lý giáo dục	Trang bị cho người học nền lý luận vững chắc về khoa học quản lý giáo dục, biết liên hệ và vận dụng vào thực tiễn quản lý giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
4.	Quản lý văn	Hiểu về văn hóa (Khái niệm, các	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10%

	hóa nhà trường	thành tố, các loại hình văn hóa và các tầng khác nhau của văn hóa, hiểu về một nhà trường có môi trường và truyền thống văn hóa tốt, thành công); biết nhận diện những biểu hiện văn hóa tích cực và tiêu cực, tìm hiểu những khó khăn, thách thức khi xây dựng, nuôi dưỡng những giá trị văn hóa tốt đẹp của nhà trường; chuẩn bị cho nhà quản lý những công cụ tác động tới chính văn hóa của trường mình, vun trồng để nó thực sự hỗ trợ cho việc dạy và học.			Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
5.	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	Học viên biết, hiểu và nắm vững lý luận và thực tiễn về quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục (theo tiếp cận vi mô và vĩ mô), đồng thời người học có khả năng phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục, trên cơ sở đó có được những đóng góp nghiên cứu và đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh hiện nay.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
6.	Quản lý chất lượng trong giáo dục	Sau khi kết thúc học phần, học viêncó thể xác định được khái niệm chất lượng nói chung, chất lượng trong giáo dục nói riêng, phân biệt được phương thức quản lí chất lượng với phương thức quản lí	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		truyền thống, vận dụng xây dựng hệ thống quản lí chất lượng tại cơ sở, tham gia quá trình tự đánh giá và kiểm định chất lượng trong giáo dục.			
7.	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục	- Trang bị cho người học về những lý luận và nội dung cơ bản của hệ thống cơ sở vật chất – thiết bị giáo dục; - Người học biết vận dụng một cách sáng tạo những nội dung đó vào thực tiễn quản lý: từ việc xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện; tham mưu - lãnh đạo - chỉ đạo và kiểm tra trong quá trình xây dựng, quản lý cơ sở vật chất – thiết bị giáo dục cho sát hợp với điều kiện và hoàn cảnh của đơn vị; - Giúp người học nâng cao các kỹ năng quản lý về cơ sở vật chất – thiết bị, đồng thời có ý thức đúng đắn cho việc định hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất – thiết bị giáo dục ở nhà trường hoặc cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là Nhà trường).	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
8.	Quản lý tài chính trong giáo dục	Sau khi học xong học phần này, người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản của học phần, vận dụng những kiến kiến thức đã học vào việc quản lý cũng như sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		trong trường học; đánh giá được những mặt tích cực và hạn chế của cơ chế tài cơ chế quản lý tài chính giáo dục ở Việt Nam hiện nay.			
9.	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	Học xong chuyên đề HV có thể: - Nhận diện các thay đổi đang diễn ra ở một nhà trường; - Xác định được các bước của thay đổi và nhân tố chủ yếu ảnh hưởng lên sự thay đổi; - Phân tích được bối cảnh của thay đổi và xác định được biện pháp thích hợp để thay đổi: Vận dụng vào "thay đổi cụ thể"; - Mô tả, phân tích và đánh giá được các chiến lược (giải pháp) thay đổi và kết quả thực sự của nó: Giải được các bài tập vận dụng;	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
10.	Sự phát triển của các quan điểm giáo dục hiện đại	Trang bị cho người học về sự hình thành và phát triển các tư tưởng, các lý thuyết giáo dục hiện đại, từ đó có cơ sở vững chắc tiếp cận với các tư tưởng và các lý thuyết quản lý giáo dục, vận dụng vào thực tiễn quản lý giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
11.	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Sau khi học xong học phần này, người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kĩ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.			
12.	Xây dựng sứ mệnh và quản lí chiến lược	Học viên phân tích được nội dung các bước lập kế hoạch chiến lược và các công việc quản lí chiến lược. Sau khóa học, học viêncó các kĩ năng lập kế chiến lược, xây dựng viễn cảnh cho nhà trường và thực hiện kế hoạch chiến lược cùng với các thành viên của nhà trường.	3	Năm thứ nhất	Trắc nghiêm 20% Bài tập 50% Biểu hiện của học viên 30%
13.	Phân hóa và bình đẳng xã hội trong giáo dục	Trang bị kiến thức khoa học và hình thành năng lực phân tích tình hình bình đẳng xã hội trong giáo dục để có thể phát hiện ra những vấn đề bất bình đẳng xã hội trong giáo dục và đề xuất giải pháp thực hiện công bằng xã hội và bình đẳng xã hội trong giáo dục ở Việt Nam.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
14.	Giáo dục so sánh	Kết thúc học phần này, người học hiểu có hệ thống các kiến thức cơ bản, hiện	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10%

		đại về nội dung của môn Giáo dục so sánh, bao gồm các khái niệm, mục đích, nhiệm vụ và đối tượng, các hướng dẫn về nguyên tắc, các cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật so sánh giáo dục và hiểu được thành tựu và kinh nghiệm phát triển giáo dục và đào tạo của một số nước có quan hệ với nước ta; Có khả năng đề xuất một đề tài nghiên cứu so sánh giáo dục trong một phạm vi quốc tế (so sánh một hoặc vài nước ngoài với nước ta) hoặc quốc nội (một nơi trong nước với nơi mình, hoặc là địa phương như vùng miền, tỉnh, huyện …, hoặc lả trường cùng loại hình và cấp bậc) và chứng tỏ có khả năng giải quyết vấn đề của đề tài với phạm vi nội dung thích hợp và phù hợp với mục đích, nguyên tắc phương pháp và kỹ thuật của môn Giáo dục so sánh. Hình thành và phát triển các phẩm chất của một nhà giáo, một chuyên gia quản lý giáo dục nắm vững môn Giáo dục so sánh (khách quan, trung thực, chính xác, trách nhiệm, khoa học…)			Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
15.	Quản lý hệ thống giáo dục quốc dân và	Học viên biết, hiểu và nắm vững lý luận và thực tiễn về hệ thống giáo dục quốc dân, chủ thể quản lý, đối tượng	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20%

	quản lý nhà trường	quản lý, nội dung quản lý và các đặc điểm trong quản lý hệ thống giáo dục quốc dân và quản lý nhà trường, đồng thời người học có khả năng phân tích đánh giá thực trạng hoạt động quản lý HTGDQD, quản lý nhà trường, trên cơ sở đó, có những đóng góp nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống GDQD, hệ thống bộ máy quản lý giáo dục và quản lý nhà trường.			Bài thi hết môn 60%
16.	Quản lý quá trình dạy học trong nhà trường	Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể xác định được khỏi niệm quản lý như chức năng quản lý, phương pháp quản lý; quản lý giáo dục, quản lý nhà trường, hoạt động dạy học như hoạt động dạy của giáo viên, hoạt động học của học sinh, sự thống nhất biện chứng giữa hoạt động dạy và hoạt động học và quá trình quản lý hoạt động dạy học.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
17.	Xây dựng và quản lý dự án giáo dục	Học viênđược trang bị kiến thức cơ bản về xây dựng và quản lý dự án giáo dục, nắm vững quy trình quản lý dự án giáo dục, vận dụng kiến thức đã học để quản lý một dự án đầu tư cho giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
18.	Lý luận quản lý	Trang bị cho người học nền lý luận vững chắc về khoa học quản lý giáo dục, biết ứng xử phù hợp với thực tiễn giáo	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20%

		dục.			Bài thi hết môn 60%
19.	Phát triển chương trình giáo dục	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về chương trình giáo dục, các thành tố của chương trình và mối quan hệ qua lại, chi phối nhau của các thành tố đó. Học phần phân tích các bước của chu trình phát triển chương trình giáo dục, trong đó nhấn mạnh khâu phân tích nhu cầu (need analysis) làm cơ sở để xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

3.8. Thạc sĩ Quản trị trường học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1.	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các kiến thức nhập môn xác suất thống kê trong giáo dục để tiếp nhận, vận dụng và xử lý thống kê và lý giải các thông tin đo lường và đánh giá trong giáo dục	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý giáo dục	Sau khi học xong học phần này, học viênsẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, ứng dụng vào xây dựng	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		đề cương nghiên cứu cho một đề tài trong khuôn khổ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ.			
3.	Lý thuyết đo lường và đánh giá	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các kiến thức lý thuyết về đo lường và đánh giá giáo dục để tiếp thu, vận dụng và phát triển kiến thức, kỹ năng khoa học đo lường đánh giá và trong chỉ đạo các hoạt động thực tiễn đo lường và đánh giá giáo dục	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%
4.	Thiết kế điều tra khảo sát và công cụ đánh giá	Cung cấp cho học viên phương pháp luận về các loại hình điều tra khảo sát khác nhau và những kiến thức cần thiết về quy trình, thủ tục cho việc thiết kế điều tra khảo sát trong khoa học xã hội; Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quy trình thiết kế công cụ đo lường và đánh giá; Giúp học viên có kỹ năng cơ bản để thiết kế một điều tra khảo sát với các phương pháp phù hợp và biết cách phân tích số liệu; Giúp học viên nắm được các kỹ thuật thiết kế và có kỹ năng thiết kế các loại công cụ thích hợp cho nghiên cứu đánh giá trong lĩnh vực chuyên môn của mình.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
5.	Lý thuyết hồi đáp và ứng	Trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng về lý thuyết hồi đáp (IRT), các	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10%

	dụng phần mềm vào phân tích dữ liệu đánh giá	khái niệm, mô hình toán học và đặc trưng của lý thuyết; những kiến thức cơ bản để hiểu được bản chất của quá trình đánh giá. Trang bị cho các học viên một số kỹ năng cơ bản để vận dụng vào phân tích xử lý dữ liệu kết quả đánh giá bằng một số phần mềm chuyên dụng.			Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
6.	Cơ sở khoa học và thiết kế các loại hình kiểm tra đánh giá kết quả học tập	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về cơ sở khoa học đo lường đánh giá kết quả học tập; các quan niệm khác nhau về đo lường đánh giá kết quả học tập; lập kế hoạch, hướng dẫn và mối quan hệ giữa dạy học với đo lường đánh giá KQHT. Các loại hình đo lường đánh giá kết quả học tập; Đặc trưng của các loại hình đo lường đánh giá kết quả học tập; Kỹ thuật để đạt hiệu quả đo lường đánh giá kết quả học tập. Các kỹ năng thi; Thiết kế một đề thi đo lường KQHT. Các dạng thức thi: Dạng thi lựa chọn đúng sai (true – false), thi trắc nghiệm khách quan với nhiều lựa chọn (MCQ), thi câu hỏi lắp ghép các thành phần (matching), câu trả lời ngắn (short answer), tự luận (essay), portforlio. Sử dụng các loại đề thi	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%

		standardized tests có sẵn; Sự thiên lệch của các loại hình thi và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thi.			
7.	Phát triển năng lực đánh giá	Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng cơ bản nhất để thực hiện việc đánh giá đầu ra; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về đánh giá đầu ra của các hoạt động, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động để sản sinh ra kết quả (đầu ra); tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
8.	Quản lý và Kiểm định chất lượng giáo dục	Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản nhất về quản lý, chất lượng, đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục để có đủ năng lực tư vấn, tham gia hay giám sát các hoạt động quản lý chất lượng giáo dục và nghiên cứu sâu về quản lý chất lượng giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%

9.	Đánh giá chương trình dự án	Cung cấp cho học viên những nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật để đánh giá một cách chính xác và hiệu quả các chương trình dự án trong cũng như ngoài lĩnh vực giáo dục; Học viên có kỹ năng xây dựng được khung logic để đánh giá chương trình, dự án, nắm được các phương pháp, cách thức tổ chức một đợt đánh giá từ giai đoạn bắt đầu cho tới khi viết báo cáo đánh giá.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
10.	Các lý thuyết về sự phát triển con người	Người học được trang bị những lý thuyết cơ bản trong tâm lý học về sự phát triển con người làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu về đánh giá con người từ nhiều góc độ khác nhau cũng như đánh giá nhiều mặt tâm lý khác nhau trong sự phát triển ấy.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
11.	Đo lường năng lực cảm xúc và sáng tạo	Hiểu được khái niệm, các mô hình lý thuyết về trí thông minh cảm xúc (EI) và các kỹ thuật đo lường chỉ số thông minh cảm xúc (EQ); Hiểu được khái niệm, các mô hình lý thuyết về trí sáng tạo (CQ) và các kỹ thuật đo lường CQ; Thích nghi, chuẩn hóa, thiết kế các item và các thang đo EQ; Thích nghi, chuẩn hóa, thiết kế các item và các thang đo	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập nhóm 30% Bài thi hết môn 60%

		CQ; Nhìn nhận các vấn đề trí tuệ của con người dưới góc độ khoa học và ứng dụng tích cực các chỉ số trí tuệ trong cuộc sống.			
12.	Đo lường nhân cách	Hiểu những kiến thức cơ bản về nhân cách, sự phát triển nhân cách: Hiểu rõ bản chất của các lý thuyết về nhân cách trong tâm lý học phương tây; Hiểu rõ được các lý luận về nhân cách trong tâm lý học xô viết; Hiểu rõ được những vấn đề chung về phương pháp nghiên cứu nhân cách; Hiểu rõ được các phương pháp nghiên cứu nhân cách; Nắm vững bản chất tâm lý của một số trắc nghiệm đo lường nhân cách; Các kỹ thuật đo lường tính cách; Nhìn nhận vấn đề nhân cách dưới học độ khoa học, được kiểm nghiệm bằng trắc nghiệm và khách quan.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập nhóm 30% Bài thi hết môn 60%
13.	Đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của một tổ chức	Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng đo lường, đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của một tổ chức; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		ứng dụng chuyên sâu về đo lường, đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của một tổ chức, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong năng lực và chất lượng hoạt động của một tổ chức; tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.			
14.	Các phương pháp nghiên cứu định tính	Giúp học viên hiểu được các kiến thức về nghiên cứu định tính và có kỹ năng, phương pháp để thực hiện một nghiên cứu định tính.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
15.	Đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo	Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng đo lường, đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về đo lường, đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong năng lực quản lý và lãnh đạo; tạo khả năng hội nhập và	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.			
16.	Kĩ thuật đánh giá lớp học	Học viên có hệ thống lý thuyết và áp dụng thực hành các nhóm kĩ thuật đánh giá lớp học (nhóm đánh giá nhận thức và kĩ năng; nhóm đánh giá thái độ, giá trị và tự đánh giá; nhóm đánh giá phản hồi của người học) trong đánh giá quá trình người học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động dạy - học.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
17.	Sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu trong đo lường và đánh giá	Học viên có hiểu biết về chức năng, thao tác cơ bản trên các các phần mềm phân tích dữ liệu (SPSS, IATA, R) để có thể áp dụng thực hành xử lý và phân tích dữ liệu trong đo lương và đánh giá.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Giữa kỳ, bài trình bày 20% Bài thi hết môn 60%
18.	Đánh giá diện rộng	Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản nhất về đánh giá trình độ học vấn thông qua các kỳ thi quan trọng trong hệ thống giáo dục Việt Nam: kỳ thi học sinh giỏi, kỳ thi tốt nghiệp**,** kỳ thi tuyển sinh**,** kỳ thi đánh giá chất lượng bậc học bậc tiểu học và	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%

		bậc trung học, kỳ thi PISA.			
19.	Các vấn đề xã hội trong giáo dục	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề xã hội trong giáo dục. Học phần nhằm giúp người học hiểu được bản chất của các khái niệm vấn đề xã hội, nội dung của một số vấn đề xã hội trong giáo dục như: bất bình đẳng và phân tầng xã hội trong giáo dục, mối quan hệ giữa giáo dục và dân số, giáo dục chính quy và bất bình đẳng xã hội; bạo lực học đường, nắm vững được kỹ năng nghiên cứu xã hội học và biết xây dựng một đề cương nghiên cứu vấn đề xã hội trong giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
20.	Một số vấn đề của giáo dục đào tạo đương đại	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các thông tin về một số vấn đề đương đại của giáo dục đào tạo để góp phần đáp ứng các yêu cầu phát triển, hội nhập và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nước nhà	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%
21.	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng: - Sử dụng được kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn			
22.	Tâm lý học giáo dục	Người học được trang bị những cơ sở tâm lý của công tác giáo dục học sinh trong nhà trường. Dựa trên những cơ sở tâm lý, giáo viên có thể thiết kế các phương pháp dạy học và giáo dục hiệu quả cũng như công tác quản lý hoạt động giáo dục trong lớp học cũng như trong nhà trường.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 210% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
23.	Lý luận quản lý giáo dục	Trang bị cho người học nền lý luận vững chắc về khoa học quản lý giáo dục, biết liên hệ và vận dụng vào thực tiễn quản lý giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

3.9. Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%
2.	Tâm bệnh học	Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức về tiêu chuẩn chẩn đoán hiện tại cho bệnh nhân tâm thần, các lý thuyết liên quan đến bệnh tâm thần, từ đó giúp học viên hiểu được các biểu hiện, triệu chứng của bệnh tâm thần, hiểu được các mô hình lý thuyết giải thích về từng bệnh tâm thần	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
3.	Định hình trường hợp tâm lý	Học phần giúp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10%

		phát triển khả năng của họ trong đánh giá một trẻ hay thanh thiếu niên đang gặp phải những khó khăn tâm lý, khiếm khuyết chức năng hoặc tổn thương sức khoẻ tâm thần. Người học sẽ có kỹ năng xác định những vấn đề của trẻ, đưa ra các giả thuyết về nguyên nhân và phân tích nó dưới góc nhìn của các lý thuyết tâm lý đồng thời có kỹ năng xây dựng kế hoạch giúp đỡ trẻ cải thiện tình hình.			Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
4.	Điều trị các vấn đề hướng nội	Học phần này cung cấp cho học viên hiểu và phân tích được cơ chế hình thành các rối loạn hướng nội, các kĩ thuật trị liệu dựa trên thực chứng cho các vấn đề hướng nội; Thực hành các kĩ thuật trị liệu các vấn đề hướng nội; Áp dụng các kĩ thuật này để trị liệu cho một trường hợp cụ thể.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
5.	Điều trị các vấn đề hướng ngoại	Hiểu được nội hàm các vấn đề hướng ngoại; Biết được các mô hình	3	Năm thứ nhất	Đánh giá giữa kỳ 40% Đánh giá cuối kỳ 60%

		can thiệp có hiệu quả dựa trên bằng chứng cho các vấn đề hướng ngoại; Biết nguyên lý chung của can thiệp hành vi; Hiểu được quy trình và các cấu phần cơ bản trong chương trình huấn luyện hành vi làm cha mẹ; Hiểu được triết lý can thiệp mà chương trình huấn luyện hành vi làm cha mẹ sử dụng. Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn tâm lý giáo dục cho cha mẹ, lôi kéo sự tham gia của cha mẹ vào các nội dung can thiệp; Thực hiện được các phiên trị liệu hướng dẫn kỹ năng (thời gian chơi đặc biệt, khen, thưởng, phớt lờ chủ động, chỉ dẫn hiệu quả, phạt khoảng lặng, quản lý hành vi ngoài gia đình...) cho cha mẹ; Xây dựng được nội dung các buổi can thiệp cụ thể và cách thức điều chỉnh giải quyết khó khăn phát sinh trong các phiên trị liệu			
6.	Lý thuyết trị liệu tâm lý	Học phần học viên hiểu vai trò	3	Năm thứ nhất	Đánh giá giữa kỳ 40%

		định hướng của lý thuyết trị liệu cho thực hành can thiệp. Học viên sẽ được giới tiệu các lý thuyết trị liệu tâm lý chính và tìm hiểu các nguyên tắc đạo đức quan trọng của trị liệu tâm lý.			Đánh giá cuối kỳ 60%
7.	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng: - Sử dụng được kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

8.	Các lý thuyết phát triển con người	Người học được trang bị những lý thuyết cơ bản trong tâm lý học về sự phát triển con người làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu về đánh giá con người từ nhiều góc độ khác nhau cũng như đánh giá nhiều mặt tâm lý khác nhau trong sự phát triển ấy.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
9.	Thống kê trong khoa học xã hội	Học viên hiểu được kiến thức về thống kê và có khả năng vận dụng, thực hành các test thống kê trong nghiên cứu khoa học xã hội.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
10.	Đánh giá và chẩn đoán tâm lý	Học phần giúp cho học viên hiểu được sự quy trình và các bước thực hiện đánh giá tâm lý một cách toàn diện. Học viên ứng dụng những kiến thức được học trong học phần này để đánh giá tâm lý toàn diện một trường hợp lâm sàng cụ thể.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
11.	Tâm lý học giáo dục	Người học được trang bị những cơ sở tâm lý của công tác giáo dục học sinh trong nhà trường. Dựa trên	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		những cơ sở tâm lý, giáo viên có thể thiết kế các phương pháp dạy học và giáo dục hiệu quả cũng như công tác quản lý hoạt động giáo dục trong lớp học cũng như trong nhà trường.			
12.	Tâm lý học xuyên văn hóa	Học phần này cung cấp cho học viên hiểu được các biểu hiện, triệu chứng của bệnh tâm thần, hiểu được các mô hình lý thuyết giải thích về từng bệnh tâm thần.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
13.	Can thiệp học đường	−Hiểu được vai trò của cán bộ tâm lý lâm sàng trong nhà trường −Hiểu được các chương trình can thiệp sức khỏe tâm thần dựa vào trường học −Có kĩ năng làm việc với giáo viên, nhà trường để hỗ trợ học sinh	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
14.	Trị liệu dược lý	- Khi học xong học phần, học viên nắm được kiến thức cơ bản về cơ chế hoạt động cơ bản của não bộ, cụ thể là các cơ chế sinh lý – thần kinh.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		- Học viên nắm được tên các loại thuốc cơ bản và thường gặp trong điều trị các bệnh tâm thần, bao gồm thành phần của thuốc, chỉ định và chống chỉ định. - Từ kiến thức này, học viên có khả năng tư vấn cho gia đình về việc sử dụng thuốc và điều chỉnh kế hoạch can thiệp, điều trị phù hợp với việc dùng thuốc.			
15.	Rối loạn học tập	Học phần này cung cấp những kiến thức về rối loạn học tập như khái niệm, triệu chứng, nguyên nhân, cách can thiệp cho học sinh rối loạn học tập, giới thiệu và phân tích các mô hình lý thuyết để giải thích rối loạn học tập. Từ đó, học viên được trang bị kiến thức căn bản và có kỹ năng làm việc với giáo viên, nhà trường để hỗ trợ học sinh có rối loạn học tập.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
16.	Đánh giá và can thiệp tự kỷ	Khi học xong học phần, học viên nắm được các kiến thức tổng quát về tự kỷ/rối loạn phổ tự kỷ, hình thành	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20%

		các kỹ năng đánh giá, chẩn đoán, sàng lọc và can thiệp và có khả năng vận dụng, thực hành trong từng vấn đề, từng trường hợp trẻ bị tự kỷ.			Bài thi hết môn 60%
17.	Can thiệp các rối loạn nghiện	Học phần này cung cấp cho học viên các thông tin cập nhật và các kiến thức ứng dụng trong vấn đề rối loạn nghiện, giúp học viên hiểu bản chất và các loại rối loạn nghiện, nguyên nhân cũng như cơ chế của hành vi nghiện. Học viên sẽ học cách đánh giá, chẩn đoán, lên kế hoạch can thiệp và hợp tác với các cán bộ chuyên môn khác trong phòng ngừa và trị liệu rối loạn nghiện.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
18.	Can thiệp rối loạn stress sau sang chấn	Học phần giúp học viên phát triển những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc nhận diện những ảnh hưởng của chấn thương tâm lý đối với trẻ em cũng như những yếu tố nguy cơ làm vấn đề trở nên trầm trọng hơn. Học viên sẽ được trang bị	3	Năm thứ nhất	Đánh giá giữa kỳ 40% Đánh giá cuối kỳ 60%

		những công cụ đánh giá và kỹ thuật can thiệp cụ thể cho đối tượng trẻ em và vị thành niên bị rối loạn stress sau sang chấn.			

3.10. Thạc sĩ Tham vấn học đường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Các lý thuyết hiện đại trong tham vấn học đường	Học phần này để mở đầu và định hướng việc học tập của HV đối với toàn bộ CTĐT và làm nền tảng cho những học phần tiếp sau; Giúp học viên biết khái quát định hướng nghiên cứu ngành nghề của TVHĐ và các hoạt động liên quan, cũng như các yêu cầu đối với việc nghiên cứu, tham gia hoạt động TVHĐ	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
	Sự phát triển & Tính đa dạng của con người	Học phần này giúp khám phá, tìm hiểu về các vấn đề *đa dạng trong phát triển người*, bao gồm các tác động của giới tính, tình trạng kinh tế- xã hội, và văn hóa trong sự phát triển người nói chung, người học nói riêng.	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		Học viên sẽ được hướng dẫn tìm hiểu về cách thức mà các yếu tố này tương tác với các đặc tính sinh học, tâm lý và văn hóa trong việc thúc đẩy, hoặc cản trở sự khỏe mạnh và thành công ở trường học. Từ đó, định hướng việc áp dụng kiến thức *tính đa dạng trong phát triển người* trong TVHĐ (hướng dẫn, đánh giá và can thiệp) phù hợp với đặc trưng văn hóa, điều kiện KT-XH.			
2	Nhận diện và đánh giá những khó khăn của học sinh	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và phát triển khả năng của họ trong việc nhận diện, đánh giá một trẻ hay thanh thiếu niên đang gặp phải những khó khăn như thế nào. Người học sẽ có kỹ năng xác định những vấn đề của trẻ, đưa ra các giả thuyết về nguyên nhân và phân tích nó dưới góc nhìn của các lý thuyết tâm lý để đưa ra định hình toàn diện về trường hợp, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch giúp đỡ trẻ cải thiện tình hình. Học viên sẽ được giới thiệu về các bước trong quy trình đánh giá cũng như thực	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		hành quy trình đánh giá trên lớp			
3	Đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn học đường	Học phần này giới thiệu những đặc điểm, vai trò và chức năng của nhân viên tham vấn chuyên nghiệp, đặc biệt quan tâm đến các vấn đề pháp lý, đạo đức, và tiêu chuẩn nghề nghiệp. Mục tiêu của khóa học này là để giải thích các chuẩn về mặt đạo đức, luật pháp và các vấn đề chuyên môn có liên quan. Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quan toàn diện về các chương trình và dịch vụ tham vấn chuyên nghiệp, giúp học viên làm việc hàng ngày trong tương lai với tư cách là chuyên viên tham vấn chuyên nghiệp và sẽ có cơ sở cho việc ra quyết định và có kỹ năng tham vấn khi gặp phải những vấn đề về đạo đức.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
4	Kỹ năng tham vấn cá nhân & xây dựng trường hợp	Học phần này giúp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và phát triển khả năng của người học trong đánh giá một trẻ hay thanh thiếu niên đang gặp phải những khó khăn trong học tập, nhận thức, hành vi - cảm xúc, khiếm khuyết chức năng hoặc tổn thương sức khoẻ tâm thần. Người học	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%

		sẽ có kỹ năng xác định những vấn đề của học sinh, đưa ra các giả thuyết về nguyên nhân và phân tích nó dưới góc nhìn của các lý thuyết tâm lý – tham vấn, có kỹ năng xây dựng kế hoạch giúp đỡ và có kỹ năng tham vấn cá nhân giúp cải thiện tình hình cho thân chủ.			
5	Lý thuyết và thực hành tham vấn nhóm	Mục đích của học phần này là giới thiệu cho học viên về lý thuyết và thực hành tham vấn nhóm. Đây là một kỹ năng và nội dung học phần được thiết kế để giúp học viên có được những kiến thức ban đầu và kỹ năng để thực hiện tham vấn nhóm.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
6	Phương pháp nghiên cứu trong tham vấn học đường.	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu tham vấn học đường, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ. Đồng thời, học viên có khả năng đọc và đánh giá các nghiên cứu định tính và định lượng cụ thể liên quan đến tham vấn học đường. Học viên hiểu được kiến thức về phân	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%

		tích thống kê và giải thích dữ liệu trong nghiên cứu cũng như có khả năng đánh giá nghiên cứu theo hướng lâm sàng về các vấn đề liên quan đạo đức.			
7	Tham vấn học đường dựa trên nền tảng công nghệ và truyền	Sau khi học xong học phần này, học viên có kiến thức về các công cụ công nghệ và truyền thống, cũng như xu hướng ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực tham vấn, trong đó có tham vấn học đường. Đồng thời, qua học phần này, học viên được kỳ vọng sẽ có khả năng ứng dụng công nghệ và truyền thông, hỗ trợ trong quá trình thực hành.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
8	Các lý thuyết về nhận thức, học tập và động lực thúc đẩy.	Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản của các lý thuyết tâm lí học về nhận thức và phát triển tâm lý người, lý luận về động cơ, động lực thúc đẩy con người thành công, các vấn đề cơ bản về hoạt động học tập của người học, động cơ và hứng thú học tập. Học viên có thể áp dụng các lý thuyết nhận thức, học tập và động lực thúc đẩy vào trong công tác tham vấn học đường trong trường học hiệu quả.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%

9	Tham vấn hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp	Học phần này cung cấp kiến thức về các lĩnh vực phát triển tham vấn hướng nghiệp, giúp học viên khám phá các lý thuyết khác nhau của sự phát triển nghề nghiệp và nghiên cứu cách thức áp dụng các lý thuyết này đối với trẻ em và thanh niên, kể cả nhóm khuyết tật. Học phần này đặc biệt nhấn mạnh việc áp dụng những lý thuyết và thực hành về tham vấn hướng nghiệp, bao gồm cả các hoạt động quan trọng như việc phân tích công việc và ra quyết định, đánh giá năng lực nghề, phát triển nghề cho cá nhân, kỹ năng tìm việc làm,...	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
10	Công tác xã hội học đường: Phối hợp gia đình- nhà trường - cộng đồng	Học phần này giúp người học hoàn thiện kiến thức và kỹ năng của một nhân viên làm công tác xã hội trong học đường bao gồm nền tảng lý thuyết cơ bản áp dụng trong CTXH học đường, cách làm việc với cá nhân, nhóm và cộng đồng yếu thế liên quan đến trường học và các nguồn lực cơ bản để hỗ trợ những cá nhân, nhóm và cộng động yếu thế. Học viên sẽ được hướng dẫn	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%

		những công việc phải làm của một NVXH trong học đường, tiến trình can thiệp cá nhân, nhóm, cộng đồng thân chủ liên quan đến học đường. Để hỗ trợ tốt nhất cho thân chủ, NVXH học đường còn phải có năng lực kết nối nguồn lực giữa gia đình- nhà trường và cộng đồng.			
11	Can thiệp các vấn đề hướng ngoại và hướng nội	Học phần này giúp trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản để tham vấn can thiệp các vấn đề hướng ngoại (gồm vi chống đối, hành vi hung hăng và sự phạm tội) cũng như các vấn đề hướng nội (gồm lo âu, trầm cảm và rối loạn dạng cơ thể). Những kỹ thuật can thiệp rối loạn hướng ngoại gồm (a) Đào tạo cha mẹ; (b) Các kĩ năng xã hội và rèn các qui định đối với trẻ. Môn học này liên quan đến việc xây dựng những hướng dẫn điều trị. Những kỹ thuật can thiệp rối loạn hướng nội gồm (a) Can thiệp hành vi như hoạt hoá hành vi; giáo dục tâm lý xã hội, xây dựng hệ thống thưởng quy đổi;	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%

		(b) Can thiệp nhận thức như rèn luyện tránh tái phạm, nhận diện các suy nghĩ không hợp lý; (c) Các kĩ thuật chính niệm (mindfulness).			
12	Tư vấn trong trường học	Sau khi học xong học phần này, học viên có những kiến thức cơ bản về cơ cấu, tổ chức tham vấn học đường trong trường học. Học viên nắm vững các nghuyên tắc tư vấn thông qua các bài giảng hàng tuần và được thực hành các kỹ năng tham vấn. Phát triển kiến thức và bắt đầu phát triển kỹ năng trong giải quyết các vấn đề trường học, giảng dạy và can thiệp	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
13	Tham vấn trẻ em và vị thành niên trong trường học.	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản trong việc đánh giá và xây dựng chương trình tham vấn cho trẻ em và vị thành niên trong trường học. Hiểu được nguyên nhân, các yếu tố tác động đến hành vi và quá trình phát triển của trẻ. Nắm được các thành tố ảnh hưởng đến chất lượng tham vấn đối với trẻ em và vị thành niên. Áp dụng những kiến thức đã học được vào môi trường học đường.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%

14	Giám sát trong tham vấn học đường.	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ về một số lý thuyết và mô hình giám sát trong tham vấn học đường đã được công nhận. Học phần này cung cấp nền tảng và khuôn khổ cho việc áp dụng các phương pháp giám sát, cho phép người tham gia áp dụng các phương pháp với độ chính xác và sự hiểu biết cao hơn	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%
15	Phòng ngừa và can thiệp khủng hoảng	Học phần này trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng phòng ngừa và can thiệp các dạng khủng hoảng thường gặp cho học sinh và gia đình dựa trên cơ sở các lý thuyết và bằng chứng nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, học phần sẽ tập trung sâu vào hướng dẫn kỹ năng làm việc với người có hành vi tự sát và những vấn đề nóng của môi trường học đường hiện nay.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%
16	Giáo dục hòa nhập và giáo dục đặc biệt trong trường	Sau khi học xong học phần này, học viên hiểu được thế nào là giáo dục hòa nhập, giáo dục hội nhập và giáo	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%

	học**.**	dục đặc biệt. Học viên có kiến thức và kỹ năng để làm việc với các nhu càu đa dạng của học sinh. Đồng thời, mục tiêu của học phần còn là nâng cao nhận thức của học viên về các hoạt động giáo dục hòa nhập và giáo dục đặc biệt. Học viên qua đó cũng hiểu và có kỹ năng để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh, học sinh và cộng đồng nói chung, thúc đẩy sự phát triển của giáo dục hòa nhập, tăng khả năng tham gia hòa nhập của học sinh.			
17	Cố vấn học tậpở trường đại học, cao đẳng	Học phần này dành riêng cho nhóm học viên có nhu cầu, hoặc vị trí công tác liên quan đến Cố vấn học tập (CVHT) trong các cơ sở giáo dục đại học như là sự lựa chọn chuyên ngành sâu. Giúp học viên đi sâu vào tìm hiểu và vận dụng các tri thức, kỹ năng năng TVHĐ vàohoạt động CVHT và cung cấp bổ xung tri thức, kỹ năng đặc thù về hoạt động thamvấn ở trường ĐH,CĐ	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
18	Tâm trắc học trong tham vấn học đường	Học phần này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về khoa học đo lường tâm trắc áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và tham vấn tâm	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%

		lý. Học phần sẽ cung cấp các khái niệm cơ bản về đánh giá các cấu trúc tâm lý; các thuật ngữ gắn liền với trắc nghiệm chuẩn hóa và không chuẩn hóa; các kỹ thuật đánh giá và các khái niệm tâm trắc cơ bản như các hệ số điểm chuẩn, độ tin cậy, độ hiệu lực, lý thuyết đo lường đánh giá hiện đại, lý thuyết hồi đáp và sự ảnh hưởng của lý thuyết này đến việc đánh giá sự khác biệt cá nhân. Học phần cũng sẽ đề cập đến ảnh hưởng của yếu tố văn hóa, thích nghi văn hóa và vấn đề đạo đức trong đánh giá.			
19	Phát triển và đánh giá chương trình tham vấn học đường	Giúp HV có đủ kiến thức, kỹ năng cơ bản về lý thuyết phát triển và đánh giá chương trình giáo dục và những định hướng vận dụng trong chuyên ngành tham vấn học đường (TVHĐ). Hình thành cho người học những kỹ năng xây dựng và đánh giá chương trình đào tạo/ bồi dưỡng/ vận dụng để phát triển, đánh giá một chương trình môn học trong thực tiễn hoạt động TVHĐ	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%

20	Tiếng Anh học thuật	Sau khi học học phần này, học viên có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành tâm lý nói chung và tham vấn học đường nói riêng. Học viên có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường và có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn. Ngoài ra, học viên có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề chuyên môn bằng ngoại ngữ.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
21	Thực tập 1	Môn học nhằm cung cấp cho HV những kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiến hành những hoạt động TVHĐ cụ thể trong nhận diện khó khăn, đánh giá, thực hiện tham vấn cho thanh, thiếu niên trong trường học. Học viên sẽ thực hiện tối thiểu 150 giờ giám sát chặt chẽ việc thực hiện đánh giá và can thiệp các vấn đề sức khỏe tâm thần. Học viên và giám sát viên sẽ gặp gỡ hàng tuần để phản ánh và thảo luận về kinh nghiệm. Học viên cũng sẽ giữ một bản ghi của tất cả	3	Năm thứ nhất	Bài tập nhóm 40% Bài tập kết thúc học phần 60%

		các hoạt động thực địa và nộp báo cáo hàng tuần phản ánh về kinh nghiệm thu được			
22	Thực hành 2	Mục tiêu chính của việc thực tập tại các trường phổ thông là cung cấp cho học viên TVHĐ những trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp TVHĐ với đối tượng là học sinh phổ thông để: (a) người học thực hành mở rộng kiến thức, các kỹ năng; (b) người học có cơ hội phát triển các kỹ năng và kiến thức mới; (c) người học có trải nghiệm và trau dồi chuyên môn. Các lĩnh vực tham vấn trọng tâm liên quan đến: sức khỏe tâm lý, khó khăn học tập, hướng nghiệp, công tác xã hội, tư vấn cho GV, phụ huynh, các lực lượng cộng đồng tham gia giáo dục. Những kinh nghiệm này sẽ góp phần phát triển chuyên môn của học viên trong việc trở thành một cán bộ TVHĐ chuyên nghiệp.	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
23	Thực hành 2	Mục tiêu chính của việc thực tập tại các đơn vị, tổ chức (không phải trường phổ thông) nhằm cung cấp cho học viên TVHĐ những trải nghiệm thực tiễn	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		nghề nghiệp TVHĐ tại cơ sở thực hành, để: (a) người học thực hành mở rộng kiến thức, các kỹ năng; (b) người học có cơ hội phát triển các kỹ năng và kiến thức mới; (c) người học có trải nghiệm và trau dồi chuyên môn. Các lĩnh vực tham vấn trọng tâm liên quan đến: sức khỏe tâm lý, khó khăn học tập, hướng nghiệp, công tác xã hội, tư vấn cho học viên, sinh viên, các tổ chức xã hội tham gia TVHĐ, những vấn đề nghiên cứu khoa học và quản lý hoạt động TVHĐ . Những kinh nghiệm này sẽ góp phần phát triển chuyên môn của học viên trong việc trở thành một cán bộ TVHĐ chuyên nghiệp			

3.11. Thạc sĩ Đo lường và đánh giá trong giáo dục

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các kiến thức nhập môn xác suất thống kê trong giáo dục để tiếp nhận, vận dụng và xử lý thống kê và lý giải các thông tin đo lường	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%

		và đánh giá trong giáo dục			
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 30% Thi hết môn 60%
3	Lý thuyết đo lường và đánh giá	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các kiến thức lý thuyết về đo lường và đánh giá giáo dục để tiếp thu, vận dụng và phát triển kiến thức, kỹ năng khoa học đo lường đánh giá và trong chỉ đạo các hoạt động thực tiễn đo lường và đánh giá giáo dục	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
4	Thiết kế điều tra	Cung cấp cho học viên	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 20% Định kỳ, giữa kỳ 20%

	khảo sát và công cụ đánh giá	phương pháp luận về các loại hình điều tra khảo sát khác nhau và những kiến thức cần thiết về quy trình, thủ tục cho việc thiết kế điều tra khảo sát trong khoa học xã hội; Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quy trình thiết kế công cụ đo lường và đánh giá; Giúp học viên có kỹ năng cơ bản để thiết kế một điều tra khảo sát với các phương pháp phù hợp và biết cách phân tích số liệu; Giúp học viên nắm được các kỹ thuật thiết kế và có kỹ năng thiết kế các loại công cụ thích hợp cho nghiên cứu đánh giá trong lĩnh vực chuyên môn của mình.			Thi hết môn 60%
5	Lý thuyết hồi đáp và ứng dụng phần mềm vào phân tích dữ liệu đánh giá	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về cơ sở khoa học của lý thuyết	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		hồi đáp, những kiến thức nền tảng về cơ chế phản ứng (hay trả lời) của con người trước một câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ được giao; những kiến thức cơ bản để hiểu được bản chất của quá trình đánh giá, những hiểu biết cơ bản về mô hình Rasch trong đo lường và kiểm tra, ứng dụng; việc ứng dụng mô hình Rasch vào phân tích các kết quả đo lường và đánh giá trong giáo dục nói riêng và trong khoa học và xã hội nói chung.			
6	Cơ sở khoa học và thiết kế các loại hình kiểm tra đánh giá kết quả học tập	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về cơ sở khoa học đo lường đánh giá kết quả học tập; các quan niệm khác nhau về đo lường đánh giá kết quả học tập; lập kế hoạch, hướng dẫn và mối quan hệ giữa dạy học với đo lường đánh giá KQHT. Các loại hình đo lường đánh giá kết quả học tập; Đặc trưng của các loại hình đo	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 30% Thi hết môn 60%

		lường đánh giá kết quả học tập; Kỹ thuật để đạt hiệu quả đo lường đánh giá kết quả học tập. Các kỹ năng thi; Thiết kế một đề thi đo lường KQHT. Các dạng thức thi: Dạng thi lựa chọn đúng sai (true – false), thi trắc nghiệm khách quan với nhiều lựa chọn (MCQ), thi câu hỏi lắp ghép các thành phần (matching), câu trả lời ngắn (short answer), tự luận (essay), portforlio. Sử dụng các loại đề thi standardized tests có sẵn; Sự thiên lệch của các loại hình thi và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thi.			
7	Phát triển năng lực đánh giá	Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng cơ bản nhất để thực hiện việc đánh	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 20% Bài tập nhóm 20% Thi hết môn 60%

		giá đầu ra; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về đánh giá đầu ra của các hoạt động, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động để sản sinh ra kết quả (đầu ra); tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.			
8	Quản lý và Kiểm định chất lượng giáo dục	Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản nhất về quản lý, chất lượng, đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục để có đủ năng lực tư vấn, tham gia hay giám sát các hoạt động quản lý chất lượng giáo dục và nghiên cứu sâu về quản lý chất lượng giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%

9	Đánh giá chương trình dự án	Cung cấp cho học viên những nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật để đánh giá một cách chính xác và hiệu quả các chương trình dự án trong cũng như ngoài lĩnh vực giáo dục; Học viên có kỹ năng xây dựng được khung logic để đánh giá chương trình, dự án, nắm được các phương pháp, cách thức tổ chức một đợt đánh giá từ giai đoạn bắt đầu cho tới khi viết báo cáo đánh giá.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
10	Các lý thuyết về sự phát triển con người	Người học được trang bị những lý thuyết cơ bản trong tâm lý học về sự phát triển con người làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu về đánh giá con người từ nhiều góc độ khác nhau cũng như đánh giá nhiều mặt tâm lý khác nhau trong sự phát triển ấy.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
11	Đo lường năng	- Hiểu được khái niệm, các	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10%

	lực cảm xúc và sáng tạo	mô hình lý thuyết về trí thông minh cảm xúc (EI) và các kỹ thuật đo lường chỉ số thông minh cảm xúc (EQ) - Hiểu được khái niệm, các mô hình lý thuyết về trí sáng tạo (CQ) và các kỹ thuật đo lường CQ - Thích nghi, chuẩn hóa, thiết kế các item và các thang đo EQ - Thích nghi, chuẩn hóa, thiết kế các item và các thang đo CQ - Nhìn nhận các vấn đề trí tuệ của con người dưới góc độ khoa học và ứng dụng tích cực các chỉ số trí tuệ trong cuộc sống			Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
12	Đo lường nhân cách	- Những kiến thức cơ bản về nhân cách, sự phát triển nhân cách - Các kỹ thuật đo lường tính	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20%

		cách			Bài thi hết môn 60%
13	Các phương pháp nghiên cứu định tính	Giúp học viên hiểu được các kiến thức về nghiên cứu định tính và có kỹ năng, phương pháp để thực hiện một nghiên cứu định tính.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
14	Đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo	Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng đo lường, đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về đo lường, đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong năng lực quản lý và lãnh đạo; tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		đào tạo tiến sỹ.			
15	Kĩ thuật đánh giá lớp học	Học viên có hệ thống lý thuyết và áp dụng thực hành các nhóm kĩ thuật đánh giá lớp học (nhóm đánh giá nhận thức và kĩ năng; nhóm đánh giá thái độ, giá trị và tự đánh giá; nhóm đánh giá phản hồi của người học) trong đánh giá quá trình người học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động dạy - học.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 20% Bài giữa môn, bài trình bày 20% Thi hết môn 60%
16	Sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu trong đo lường và đánh giá	Học viên có hiểu biết về chức năng, thao tác cơ bản trên các các phần mềm phân tích dữ liệu (SPSS, IATA, R) để có thể áp dụng thực hành xử lý và phân tích dữ liệu trong đo lương và đánh giá.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 20% Bài giữa môn, bài trình bày 20% Thi hết môn 60%
17	Phát triển và đánh giá chương trình giáo dục	Trang bị cho người học năng lực phát triển và đánh giá chương trình giáo dục của cơ sở giáo dục đào tạo để góp nâng cao chất lượng			Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%

		chương trình giáo dục đáp ứng các yêu cầu phát triển, hội nhập và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.			
18	Đánh giá diện rộng	Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản nhất về đánh giá trình độ học vấn thông qua các kỳ thi quan trọng trong hệ thống giáo dục Việt Nam: kỳ thi học sinh giỏi, kỳ thi tốt nghiệp**,** kỳ thi tuyển sinh**,** kỳ thi đánh giá chất lượng bậc học bậc tiểu học và bậc trung học, kỳ thi PISA.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
19	Các vấn đề xã hội trong giáo dục	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề xã hội trong giáo dục. Học phần nhằm giúp người học hiểu được bản chất của các khái niệm vấn đề xã hội, nội dung của một số vấn đề xã hội trong giáo dục như: bất bình đẳng và phân tầng xã hội trong giáo dục, mối quan hệ giữa giáo	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		dục và dân số, giáo dục chính quy và bất bình đẳng xã hội; bạo lực học đường, nắm vững được kỹ năng nghiên cứu xã hội học và biết xây dựng một đề cương nghiên cứu vấn đề xã hội trong giáo dục.			
20	Một số vấn đề của giáo dục đào tạo đương đại	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các thông tin về một số vấn đề đương đại của giáo dục đào tạo để góp phần đáp ứng các yêu cầu phát triển, hội nhập và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nước nhà	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
21	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng: - Sử dụng được kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		- Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn			
22	Tâm lý học giáo dục	Người học được trang bị những cơ sở tâm lý của công tác giáo dục học sinh trong nhà trường. Dựa trên những cơ sở tâm lý, giáo viên có thể thiết kế các phương pháp dạy học và giáo dục hiệu quả cũng như công tác quản lý hoạt động giáo dục trong lớp học cũng như trong nhà trường.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 20% Bài giữa môn, bài trình bày 20% Thi hết môn 60%

23	Lý luận quản lý giáo dục	Trang bị cho người học nền lý luận vững chắc về khoa học quản lý giáo dục, biết liên hệ và vận dụng vào thực tiễn quản lý giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn năm 2019

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)			
			Thời gian nộp bản thảo	Dự kiến số trang	Tổ chức thẩm định cấp Trường	Đối tượng sử dụng
1	Cơ sở của KHTN trong DH ở trường THCS (3 tập)	2020	2019	600	2019	Sinh viên
2	Khoa học Trái Đất	2020	2019	250	2019	Sinh viên
3	Sinh học phát triển	2020	2019	400	2019	Học viên cao học
4	Phương pháp dạy học Khoa học Tự nhiên	2020	2019	500	2019	Sinh viên, học viên cao học
5	Dạy học KHTN theo định hướng STEM	2020	2019	250	2019	Sinh viên
6	Ứng dụng CNTT trong dạy học Toán	2020	2019	250	2019	Sinh viên
7	Nhập môn khoa học dữ liệu	2020	8/2019	200	10/2019	Sinh viên, học viên cao học

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)			
			Thời gian nộp bản thảo	Dự kiến số trang	Tổ chức thẩm định cấp Trường	Đối tượng sử dụng
8	Ứng dụng GIS trong nghiên cứu giáo dục	2020	8/2019	200	10/2019	Sinh viên, học viên cao học
9	Thiết kế và ứng dụng VR, AR trong dạy học	2020	8/2019	200	10/2019	Sinh viên, học viên cao học

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

1. Tiến sĩ

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Xây dựng mô hình quản lý chất lượng giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành tại các trường cao đẳng và đại học không	Đinh Thị Hồng Thắm	PGS.TS.Trần Khánh Đức	Hướng ngành QLGD

	chuyên ngữ			
2	Quản lý chất lượng quá trình đào tạo nhân lực Du lịch trình độ đại học theo tiếp cận năng lực	Ngô Trung Hà	GS.TS. Nguyễn Đức Chính	Hướng ngành QLGD
3	Chính sách tài chính nhằm phát triển giáo dục dân tộc khu vực Nam Trung Bộ	Đinh Thị Phương Lan	GS.TS. Nguyễn Lộc TS. Phạm Quang Sáng	Hướng ngành QLGD
4	Quản lý đào tạo nhân lực trình độ đại học ngành điện đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Phạm Văn Hải	PGS.TS. Nguyễn Văn Lê PGS. TS. Phạm Văn Thuần	Hướng ngành QLGD
5	Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh các trường chuyên Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay	Nguyễn Vũ Minh Hạnh	GS.TS.Nguyễn Hữu Châu PGS. TS. Trần Thị Tuyết Oanh	Hướng ngành QLGD
6	Nghiên cứu chức năng của Giáo đốc Trung tâm học tập cộng đồng theo tiếp cận mô hình lãnh đạo dạy học	Trịnh Thị Quý	GS.TS.Nguyễn Lộc PGS. TS. Nguyễn Xuân Hải	Hướng ngành QLGD
7	Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2013-2020	Đào Xuân Thái	GS.TS.Nguyễn Đức Chính	Hướng ngành QLGD

8	Quản lý ddào tạo giáo viên ở Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội dựa trên kinh nghiệm đào tạo giáo viên của Nhật Bản	Mai Quang Huy	PGS. TS. Lê Kim Long PGS. TS. Nguyễn Tiến Đạt	Hướng ngành QLGD
9	Quản lý phát triển đội ngũ Hiệu trưởng trường mầm non khu vực kinh tế - xã hội khó khăn của tỉnh Thanh Hóa theo hướng chuẩn hóa	Chung Thị Đài	PGS. TS. Đặng Quốc Bảo PGS. TS. Đào Thanh Âm	Hướng ngành QLGD
10	Quản lý hoạt động dạy học ở trường phổ thông dân tộc nội trú theo tiếp cận dạy học hợp tác	Nguyễn Ngọc Huân	PGS. TS. Đặng Xuân Hải PGS. TS. Trần Viết Lưu	Hướng ngành QLGD
11	Quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh các trường trung học phổ thông theo hướng chuẩn hóa	Nguyễn Thị Thu Phương	GS. TS. Nguyễn Đức Chính PGS. TS. Nguyễn Khắc Bình	Hướng ngành QLGD
12	Quản lý dạy học trực tuyến tại trường đại học theo quản điểm quản lý chất lượng tổng thể (TQM)	Nguyễn Tiến Dũng	GS. TSKH. Đặng Ứng Vận PGS. TS. Từ Đức Văn	Hướng ngành QLGD
13	Quản lý phương thức học tập điện tử (E-Learning) trong giáo dục phổ thông ở Việt Nam	Nguyễn Sơn Hải	GS. TS. Nguyễn Hữu Châu PGS. TS. Đào Thái Lai	Hướng ngành QLGD

14	Quản lý quá trình đào tạo sau đại học theo tiếp cận đảm bảo chất lượng ở các trường đại học Y trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Đỗ Như Hân	PGS. TS. Đặng Quốc Bảo PGS. TS. Nguyễn Văn Tứ	Hướng ngành QLGD
15	Quản lý hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên các trường cao đẳng thuộc ngành công an	Nguyễn Đức Thạch	GS. TS. Đinh Quang Báo TS. Nguyễn Văn Ly	Hướng ngành QLGD
16	Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học tại các trường đại học Y	Nguyễn Yên Thắng	PGS. TS. Lê Kim Long PGS. TS. Trần Trung	Hướng ngành QLGD
17	Phát triển đội ngũ giảng viên lĩnh vực khoa học tự nhiên trong các trường đại học theo định hướng đại học nghiên cứu	Nguyễn Thanh Xuân	GS. TS. Nguyễn Đức Chính PGS. TS. Phạm Văn Thuần	Hướng ngành QLGD
18	Đánh giá trưởng bộ môn trong các trường đại học theo định hướng nghiên cứu ở Việt Nam	Đoàn Văn Cường	PGS. TS. Lê Quân PGS. TS. Phạm Văn Thuần	Hướng ngành QLGD
19	Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng tại các trường đại học khối ngành kinh tế đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa và hội nhập quốc tế	Kim Hoàng Giang	GS. TS. Nguyễn Đức Chính TS. Trần Thị Hoài	Hướng ngành QLGD

20	Quản lý đào tạo nghề điện tử công nghiệp trình độ cao đẳng đáp ứng nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng	Phạm Xuân Thu	PGS. TS. Mạc Văn Tiến PGS. TS. Nguyễn Đức Trí	Hướng ngành QLGD
21	Quản lý sinh viên tại các trường đại học theo tiếp cận hoạt động đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Hà Thị Thanh Thủy	GS. TS. Nguyễn Đức Chính	Hướng ngành QLGD
22	Quản lý hoạt động dạy học ở các trường trung học phổ thông dân tộc nội trú theo tiếp cận phát triển năng lực	Vũ Thị Ánh	GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc TS. Đỗ Thị Thu Hằng	Hướng ngành QLGD
23	Quản lý hệ thống đánh giá kỹ năng nghề quốc gia với sự tham gia của doanh nghiệp theo hướng chuẩn hóa	Nguyễn Thừa Thế Đức	PGS. TS. Trần Khánh Đức TS. Phan Chính Thức	Hướng ngành QLGD
24	Quản lý phát triển chương trình đào tạo ở các trường đại học ngoại ngữ theo khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu	Lê Minh Hiệp	PGS. TS. Trịnh Văn Minh TS. Nguyễn Quang Giao	Hướng ngành QLGD
25	Quản lý phát triển trường đại học ngoài công lập trong cơ chế thị trường	Đào Thị Hòa	GS. TSKH. Đặng Ứng Vận PGS. TS. Trần Quốc Thành	Hướng ngành QLGD
26	Quản lý hoạt động dạy học Tiếng Anh tại	Nguyễn Thị Việt Hương	PGS. TS. Lê Kim Long	Hướng ngành QLGD

	các trường đại học công an nhân dân trong bối cảnh hội nhập quốc tế		TS. Nguyễn Thị Tuyết	
27	Quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật cấp tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay	Nguyễn Đức Hữu	PGS. TS. Đặng Xuân Hải PGS. TS. Nguyễn Xuân Hải	Hướng ngành QLGD
28	Quản lý hoạt động hỗ trợ sinh viên nội trú tại các đại trường học theo tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể (TQM)	Hoàng Trọng Nghĩa	GS. TSKH. Nguyễn Đình Đức TS. Nguyễn Thị Tuyết	Hướng ngành QLGD
29	Quản lý quá trình dạy học tại các trường trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục sau năm 2015	Phan Văn Thanh	PGS. TS. Trần Thị Tuyết Oanh TS. Nguyễn Đức Huy	Hướng ngành QLGD
	Quản lý phát triển nguồn lực xã hội cho các trường đại học tư thục	Nguyễn Thị Huyền Trang	GS. TSKH. Đặng Ứng Vận TS. Trần Thị Hoài	Hướng ngành QLGD
30	Quản lý phương tiện dạy học ở các trường cao đẳng sư phạm khu vực đồng bằng sông Hồng đáp ứng yêu cầu đào tạo theo tín chỉ	Nguyễn Minh Tuyền	PGS. TS. Nguyễn Xuân Thức TS. Trần Đình Châu	Hướng ngành QLGD
31	Quản lý đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh theo tiếp cận năng lực	Bùi Xuân Việt	PGS. TS. Nguyễn Văn Lê TS. Trần Hồng Hải	Hướng ngành QLGD

32	Quản lý hoạt động trải nghiệm sáng tạo phát triển năng lực cho học sinh trung học cơ sở quận Kiến An - Hải Phòng đáp ứng chương trình đổi mới giáo dục hiện nay	Bùi Thị Tuyết Mai	GS. TS. Trần Công Phong TS. Trần Văn Tính	Hướng ngành QLGD
33	Quản lý đội ngũ giáo viên trung học phổ thông trong bối cảnh chuyển từ nhà trường kiến thức sang nhà trường năng lực	Nguyễn Văn Năng	GS. TS. Nguyễn Hữu Châu PGS. TS. Trần Viết Lưu	Hướng ngành QLGD
34	Xây dựng mô hình nhà trường trung học phổ thông ở Việt Nam theo tiếp cận năng lực và nhân văn	Hồ Thu Quyên	GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc TS. Nguyễn Phương Huyền	Hướng ngành QLGD
35	Quản lý các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo tiếp cận đảm bảo chất lượng	Bùi Văn Tưởng	PGS. TS. Nguyễn Văn Lê	Hướng ngành QLGD
36	Quản lý sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường cho giáo viên các trường trung học cơ sở khu vực khó khăn	Cao Cường	GS. TS. Đinh Quang Báo PGS. TS. Trịnh Văn Minh	Hướng ngành QLGD
37	Quản lý chất lượng trong các trường cao đẳng y tế khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ theo tiếp cận kiểm định chất lượng	Nguyễn Thị Hòa	GS. TS. Nguyễn Lộc PGS. TS. Dương Thị Hoàng Yến	Hướng ngành QLGD
38	Quản lý hoạt động tài chính trong các	Nguyễn Thị Huệ	PGS. TS. Đặng Quốc Bảo	Hướng ngành QLGD

	trường đại học công lập theo quan điểm tự chủ		TS. Nguyễn Thị Hương	
39	Quản lý đội ngũ giáo viên các trường trung cấp công an nhân dân trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Hoàng Văn Tiến	GS. TS. Phan Văn Kha TS. Nguyễn Phương Huyền	Hướng ngành QLGD
40	Quản lý dạy học môn Toán ở trường trung học phổ thông theo hướng phát triển năng lực người học	Bùi Khánh Toàn	GS. TS. Trần Quốc Thành TS. Cấn Thị Thanh Hương	Hướng ngành QLGD
	Phát triển đội ngũ giáo viên trường trung học phổ thông chuyên theo hướng chuẩn hóa	Nguyễn Minh Tường	PGS. TS. Nguyễn Xuân Thức PGS. TS. Dương Thị Hoàng Yến	Hướng ngành QLGD
41	Quản lý hoạt động giáo dục trải nghiệm ở trường trung học cơ sở thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục phổ thông	Lê Kim Anh	GS. TS. Phan Văn Kha PGS. TS. Dương Thị Hoàng Yến	Hướng ngành QLGD
42	Phát triển đội ngũ Hiệu trưởng trường Tiểu học khu vực miền núi Tây Bắc theo tiếp cận năng lực	Nguyễn Đức Bình	PGS. TS. Nguyễn Xuân Thức PGS. TS. Trần Trung	Hướng ngành QLGD
43	Quản lý hoạt động đào tạo kỹ năng nghề nghiệp tại các trường cao đẳng đáp ứng	Nguyễn Thành Chung	PGS. TS. Đặng Xuân Hải TS. Nghiêm Thị Đương	Hướng ngành QLGD

	nhu cầu thị trường lao động			
44	Vận dụng tiếp cận "Quản lý nguồn nhân lực" để phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trường trung học phổ thông ở thành phố Hà Nội	Đặng Việt Hà	PGS. TS. Trần Khánh Đức PGS. TS. Nguyễn Chí Thành	Hướng ngành QLGD
45	Biện pháp quản lý hoạt động tự học của sinh viên các trường đại học công an nhân dân	Nguyễn Thị Việt Hà	GS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc TS. Nguyễn Văn Ly	Hướng ngành QLGD
46	Quản lý đào tạo giáo viên trung học phổ thông theo tiếp cận hệ thống đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Lê Thanh Huyền	PGS. TS. Trịnh Văn Minh TS. Nguyễn Thị Hương	Hướng ngành QLGD
47	Quản lý đào tạo liên kết quốc tế của các trường đại học kiến trúc - xây dựng theo tiếp cận đảm bảo chất lượng	Phạm Thị Thu Huyền	PGS. TS. Phạm Văn Thuần TS. Cấn Thị Thanh Hương	Hướng ngành QLGD
48	Quản lý hoạt động bồi dưỡng viên chức hành chính theo hướng chuẩn hóa	Phạm Mai Linh	GS. TS. Lê Ngọc Hùng TS. Nguyễn Thị Tuyết	Hướng ngành QLGD
49	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú vùng Tây Bắc đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương	Lý Thanh Loan	PGS. TS.. Đinh Thị Kim Thoa TS. Trần Thành Nam	Hướng ngành QLGD

50	Quản lý giáo dục chính trị, tư tưởng cho quân nhân thông qua phương tiện truyền thông	Nguyễn Tuấn Nam	PGS. TS. Nguyễn Văn Phán TS. Trịnh Duy Hiền	Hướng ngành QLGD
51	Quản lý phát triển chương trình đào tạo đại học đáp ứng yêu cầu cách mạng 4.0	Nguyễn Đức Nguyên	PGS. TS. Trần Hữu Hoan TS. Phạm Thị Thanh Hải	Hướng ngành QLGD
52	Quản lý hoạt động bồi dưỡng công chức, viên chức ngành tài chính theo tiếp cận năng lực	Đặng Thị Phương	GS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc TS. Nguyễn Trung Kiên	Hướng ngành QLGD
53	Xây dựng hệ thống quản trị chất lượng hoạt động đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội	Nguyễn Thị Minh Phượng	PGS. TS.Lê Đức Ngọc TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Hướng ngành QLGD
54	Quản lý bồi dưỡng cán bộ quản lý trường trung học phổ thông khu vực trung bộ theo tiếp cận năng lực	Nguyễn Tân	PGS. TS. Dương Thị Hoàng Yến	Hướng ngành QLGD
55	Quản lý chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học ở các đại học vùng theo tiếp cận đảm bảo chất lượng	Huỳnh Ngọc Thành	PGS. TS. Nguyễn Quang Giao	Hướng ngành QLGD
56	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở thông qua các hoạt động giáo dục của nhà trường	Kiều Thị Thùy Trang	GS. TS. Nguyễn Quý Thanh TS. Hoàng Gia Trang	Hướng ngành QLGD

	trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh			
57	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm giáo dục thường xuyên các tỉnh Tây Nguyên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Ngô Thị Minh Trinh	PGS. TS. Trần Thị Tuyết Oanh TS. Đỗ Thị Thu Hằng	Hướng ngành QLGD
58	Quản lý chất lượng dạy học qua ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông ở trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực Tây nguyên nhằm tạo nguồn đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số tại chỗ	Phạm Văn Trường	PGS. TS. Ngô Quang Sơn TS. Nghiêm Thị Đương	Hướng ngành QLGD
59	Quản lý hoạt động đào tạo đại học tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam theo khung trình độ Quốc gia Việt Nam	Nguyễn Công Ước	GS. TS. Mai Trọng Nhuận TS. Nguyễn Đức Huy	Hướng ngành QLGD
60	Nghiên cứu các biện pháp phi hành chính trong quản lý việc tự học của sinh viên từ xa (qua trường hợp Viện Đại học Mở Hà Nội)	Dương Hoài Văn	PGS. TS. Nguyễn Thị Yến Phương TS. Nguyễn Phương Huyền	Hướng ngành QLGD
61	Tác động chính sách kiểm định đến sự phát triển của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của các trường đại học Việt Nam	Trần Thị Ngọc Bích	PGS.TS. Lê Kim Long TS. Phạm Xuân Thanh	Hướng ngành QLGD
62	Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý	Mai Hoàng Sang	GS. TS. Nguyễn Quý Thanh	Hướng ngành Đo lường và đánh giá

	giáo dục ở Việt Nam		PGS. TS. Nguyễn Vũ Bích Hiền	trong giáo dục
63	Tác động của chuẩn đầu ra tiếng Anh hiện hành của Việt Nam đến hoạt động dạy và học tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ (nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương)	Đinh Thị Phương Hoa	PGS. TS. Nguyễn Phương Nga GS. TSKH. Phạm Lê Hòa	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
64	Nghiên cứu xây dựng khung năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về đảm bảo chất lượng của các cơ sở đào tạo đại học ở Việt Nam	Trịnh Thế Anh	PGS. TS. Lê Đức Ngọc PGS. TS. Nguyễn Bảo Hoàng Thanh	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
65	Đánh giá năng lực học sinh Việt Nam qua phân tích hồi quy đa cấp kết quả Pisa 2012 và 2015	Bế Thị Điệp	PGS. TS. Nguyễn Công Khanh TS. Lê Thị Mỹ Hà	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
66	Đánh giá sự gắn kết giữa các trường Cao đẳng đào tạo ngành giáo dục mầm non với thị trường lao động (nghiên cứu tại một số trường Cao đẳng sư phạm thuộc khu vực đồng bằng Bắc Bộ)	Đỗ Thị Hướng	PGS. TS. Nguyễn Công Khanh TS. Lê Thị Thu Hiền	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
67	Xây dựng bộ công cụ đánh giá phẩm chất, năng lực của giáo viên trung học	Lại Thị Yến Ngọc	PGS.TS. Lê Kim Long GS. TS. Jong Seung Lee	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục

68	Xây dựng chuẩn đầu ra ngành đào tạo giáo viên tin học trình độ đại học theo hướng tiếp cận năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông	Nguyễn Vinh Quang	PGS. TS. Nguyễn Vũ Bích Hiền PGS. TS. Nguyễn Công Khanh	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
69	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chuẩn năng lực đầu ra chương trình đào ngành Quốc tế tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	Phan Thị Yến	PGS. TS. Đinh Thị Kim Thoa PGS. TS. Phan Minh Tiến	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
70	Phát triển các hoạt động tự đánh giá và đánh giá đồng cấp của sinh viên trong dạy học đại học	Lê Thị Hoàng Hà	PGS. TS. Lê Đức Ngọc TS. Trần Hoài Phương	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
71	Xây dựng quy trình và biện pháp đánh giá sinh viên tốt nghiệp tại đại học Thái Nguyên theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Nguyễn Huy Hùng	PGS. TS. Nguyễn Vũ Bích Hiền TS. Trần Hoài Phương	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
72	Đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành chỉ huy chữa cháy theo chuẩn đầu ra	Dương Hải Lâm	PGS. TS. Phạm Văn Quyết PGS. TS. Vũ Văn Bình	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
73	Đánh giá năng lực tự chủ của sinh viên Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	Nguyễn Trường Sơn	PGS.TS. Lê Kim Long PGS. TS. Trịnh Thanh Hải	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục

74	Đánh giá năng lực ứng dụng kiến thức y học của sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Y đa khoa tại các Trường Đại học Y Dược ở Việt Nam	Đỗ Anh Văn	PGS. TS. Nguyễn Công Khanh PGS. TS. Hoàng Năng Trọng	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
75	Tác động của việc đánh giá năng lực tiếng Anh theo chuẩn đầu ra (VSTEP) đối với việc dạy – học tiếng Anh	Nguyễn Thúy Lan	PGS. TS. Nguyễn Quý Thanh	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
76	Đánh giá hoạt động thông tin – thư viện đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo sĩ quan chính trị trong các nhà trường quân đội	Phạm Văn Thiết	PGS. TS. Trần Khánh Đức PGS. TS. Nguyễn Văn Chung	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
77	Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng các hoạt động dạy học phát triển ngôn ngữ cho trẻ nhà trẻ	Vũ Thị Thúy	PGS. TS. Đinh Thị Kim Thoa TS. Lê Thái Hưng	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
78	Nghiên cứu đánh giá chẩn đoán nhận thức dựa trên lý thuyết thứ tự trong môn Vật lý	Nguyễn Anh Dũng	PGS. TS. Đinh Thị Kim Thoa TS. Phạm Đức Hiếu	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
79	Ảnh hưởng của chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non tới kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ và quản lý nhóm/lớp theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm	Nguyễn Thị Hiền	PGS. TS. Nguyễn Phương Nga	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục

80	Mối quan hệ giữa đặc điểm người học và kết quả trong các kỳ thi Pisa (so sánh Việt Nam và một số nước Đông Nam Á được chọn)	Vũ Thị Hương	GS. TS. Nguyễn Quý Thanh	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
81	Đánh giá mức độ đáp ứng về kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên tốt nghiệp ngành giáo dục đặc biệt trình độ cao đẳng ở các trường Cao đẳng Sư phạm Trung Ương	Nguyễn Thị Hạnh	PGS. TS. Nguyễn Phương Nga TS. Sái Công Hồng	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
82	Nghiên cứu sự tác động của phản hồi đánh giá trong thiết kế chương trình cho giáo dục đại học-minh chứng từ góc độ giảng dạy tiếng Anh	Đỗ Thị Thu Thủy	PGS. TS. Lê Anh Vinh	Hướng ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục
83	Đánh giá hiệu quả của chương trình tập huấn kỹ năng làm cha mẹ đối với trẻ em có rối loại ứng xử trong phạm vi gia đình	Nguyễn Thị Diệu Anh	PGS. TS. Bahs Weiss PGS. TS. Đỗ Ngọc Khanh	Hướng ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
84	Ứng phó với stress của trẻ vị thành niên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Bùi Thị Thanh Diệu	PGS. TS. Lê Quang Sơn T. Trần Thành Nam	Hướng ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
85	Xây dựng chương trình phòng ngừa dựa vào trường học đối với hành vi nguy cơ ở trẻ vị thành niên	Hồ Thu Hà	PGS. TS. Bahs Weiss	Hướng ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên

86	Tác động của sự suy giảm chức năng đến vấn đề sức khỏe tâm thần trẻ em Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hiền	PGS. TS. Đặng Hoàng Minh	Hướng ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
87	Trị liệu chấp nhận và cam kết cho bệnh nhân có rối loạn trầm cảm	Lim Bouyheak	PGS. TS. Cindy Lahar PGS. TS. Đặng Hoàng Minh	Hướng ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
88	So sánh hiệu quả của ba kĩ thuật trị liệu tâm lý nhằm giảm triệu chứng trầm cảm, rối loạn lo âu và rối loạn stress sau sang chấn	Phoeun Bunna	PGS. TS. Bernadette Moore TS. Trần Thành Nam	Hướng ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
89	Trải nghiệm sang chấn tuổi thơ, lạm dụng chất và các rối loạn đồng bệnh ở lao động nữ trong ngành giải trí ở Campuchia	Ean Nil	TS. Amie Pollack PGS. TS. Đỗ Ngọc Khanh	Hướng ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
90	Sử dụng thang đánh giá triệu chứng cơ thể C-SSI để dự báo trầm cảm	Khann Sareth	PGS. TS. Desiree Seponski TS. Trần Văn Công	Hướng ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
91	Trải nghiệm thơ ấu tiêu cực và hành vi phạm tội của học sinh trường giáo dưỡng	Lê Thị Huyền Trang	PGS. TS. Đặng Hoàng Minh PGS. TS. Lê Văn Hảo	Hướng ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên
92	Hành vi chống đối ở trẻ từ 1 đến 5 tuổi	Trần Thị Hải Yến	PGS. TS. Nguyễn Minh Đức	Hướng ngành Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên

			TS. Trần Thành Nam	

2. Thạc sĩ

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học phát triển chương trình nhà trường, chủ đề hàm số và phương trình bậc hai Đại số lớp 9	Trần Thị An	TS. Nguyễn Văn Thái Bình	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
2	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh trong dạy học chủ đề: "Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của biểu thức" ở trường Trung học phổ thông	Lê Thị Hồng Anh	TS. Trần Hữu Nam	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
3	Phát triển kĩ năng phân tích bài dạy của giáo viên Toán Trung học phổ thông theo hướng nghiên cứu bài học	Lưu Hồng Anh	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
4	Rèn luyện tư duy sáng tạo cho học sinh khá giỏi trong dạy học chuyên đề "tam thức bậc hai định hướng và các dạng bất đẳng thức liên quan”	Trần Kim Anh	GS.TSKH. Nguyễn Văn Mậu	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
5	Dạy học chuyên đề ba đường conic trong chương trình Trung học phổ thông theo hướng	Lê Xuân Bằng	PGS.TS. Trần Văn Tấn	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ

	phát triển năng lực			môn Toán
6	Phát triển chương trình nhà trường chủ đề hàm số lớp 12 ban cơ bản theo tiếp cận năng lực	Nguyễn Cao Cường	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
7	Tích hợp tri thức toán học với sinh hoc trong dạy học chủ đề hàm số mũ và hàm số lôgarit ở trường trung học phổ thông	Thân Văn Đảm	PGS.TS Nguyễn Danh Nam	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
8	Phát triển một số kỹ năng trong dạy học phương trình và hệ phương trình lớp 9 theo tiếp cận năng lực.	Nguyễn Cảnh Duy	TS. Phạm Đức Hiệp	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
9	Dạy học nội dung Hình học trực quan trong chương trình Toán lớp 6 theo hướng phát triển năng lực	Nguyễn Thị Thu Hà	PGS.TS. Trần Văn Tấn	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
10	Phát triển kỹ năng Toán học trong giáo dục STEM cho học sinh thông qua dạy học Hình học lớp 10	Trần Thị Thu Hà	PGS.TS Nguyễn Danh Nam	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
11	Dạy học Toán Tiếng Anh chủ đề đoạn thẳng cho học sinh lớp 6 theo cách tiếp cận CLIL	Đoàn Thị Hà	TS. Vũ Đình Phượng	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
12	Dạy học phân hóa chủ đề phương trình bậc hai một ẩn và định lý Vi-ét ở lớp 9 Trung học	Nguyễn Thị Hằng	TS. Phạm Văn Quốc	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ

	cơ sở			môn Toán
13	Vận dụng lý thuyết giáo dục toán học thực tiễn (Realistic Mathematics Education) trong dạy học môn Toán lớp 8	Tống Phước Hiển	TS. Nguyễn Tiến Trung	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
14	Thiết kế và sử dụng một số nội dung thực tiễn trong dạy học Hình học lớp 7	Trần Thị Thu Hương	TS. Nguyễn Văn Thái Bình	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
15	Phát triển tư duy sáng tạo trong dạy học giải toán chủ đề " Nguyên hàm - Tích phân" lớp 12 Trung học phổ thông	Bùi Thị Thanh Hương	PGS.TSKH. Vũ Đình Hòa	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
16	Vận dụng chuyển hóa sư phạm trong dạy học Tam giác đồng dạng ở trường trung học cơ sở	Ngô Thị Hương	TS. Trần Cường	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
17	Dạy học phân hóa chủ đề "Phương pháp tọa độ trong không gian" hình học lớp 12 ban cơ bản	Nguyễn Thị Lan Hương	TS. Dương Anh Tuấn	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
18	Dạy học chủ đề phương trình - Hệ phương trình theo hướng phát triển năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề thực	Trần Thị Hường	PGS.TS. Đàm Văn Nhỉ	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
19	Dạy học chủ đề phương trình, hệ phương trình cho học sinh ở trung tâm giáo dục thường	Trần Thanh Khuê	TS. Lê Huy Dũng	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán

	xuyên Chương Mỹ, Hà Nội			
20	Vận dụng một số yếu tố lịch sử phát triển các tri thức toán học trong dạy học Đại số 9	Nguyễn Thị Thanh Lý	TS. Trần Cường	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
21	Dạy học thống kê gắn với thực tiễn ở trường Trung học phổ thông	Nguyễn Tiến Mạnh	PGS.TS. Trần Trung	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
22	Rèn luyện kĩ năng giải toán trong dạy học nội dung phương trình lượng giác lớp 11 ban cơ bản	Nguyễn Hồng Minh	PGS.TSKH. Vũ Đình Hòa	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
23	Vận dụng lý thuyết giáo dục toán thực tiễn (Realistic Mathematics Education) trong dạy học Hình học 7	Trần Quỳnh Nga	TS. Nguyễn Tiến Trung	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
24	Dạy học môn Đại số và Giải tích lớp 11 gắn với thực tiễn	Chu Thị Hiền Nga	PGS.TS. Trần Trung	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
25	Vận dụng một số kỹ thuật kiểm tra đánh giá trong dạy học chủ đề "Véc tơ" hình học 10	Trần Hiền Ngân	TS. Vũ Đình Phượng	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
26	Phát triển một số năng lực tư duy toán học cho học sinh lớp 7 trong dạy học chủ đề "Các đường đồng quy trong tam giác"	Trần Tuyết Ngân	PGS.TS. Chu Cẩm Thơ	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán

27	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn trong dạy học số học lớp 6	Nguyễn Hồng Nhung	PGS.TS. Lê Anh Vinh	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
28	Dạy học giải quyết vấn đề trong chủ đề tam giác đồng dạng lớp 8	Lê Thị Thu Phương	TS. Phạm Việt Hùng	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
29	Phát triển tư duy phản biện cho học sinh thông qua dạy học một số chủ đề Toán lớp 2	Hoàng Khánh Phương	TS. Phạm Việt Hùng	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
	Phát triển tư duy phản biện cho học sinh lớp 9 trong dạy học chủ đề đường tròn	Nguyễn Đăng Phương	PGS.TS. Nguyễn Thành Văn	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
30	Giảng dạy xác suất cổ điển theo hướng gắn với thực tiễn ở trường trung học phổ thông.	Trần Thị Ngọc Quỳnh	TS. Vũ Tiến Việt	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
31	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 10 trong dạy học chủ đề "Tích vô hướng của hai vectơ và ứng dụng"	Nguyễn Phương Thảo	PGS.TS. Chu Cẩm Thơ	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
32	Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trung học cơ sở thông qua dạy học về chủ đề phương trình bậc hai và định lý Vi-Ét	Nguyễn Thị Thu Thảo	TS. Lưu Bá Thắng	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
33	Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học định lý Pi-ta-go ở Trung học cơ	Nguyễn Nguyệt Thu	GS.TS. Bùi Văn Nghị	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ

	sở			môn Toán
34	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh lớp 9 thông qua dạy học chủ đề phương trình bậc hai	Nguyễn Thị Thư	TS. Nguyễn Đức Huy	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
35	Dạy tự học trong môn hình học không gian lớp 12 (Một nghiên cứu tại trường phổ thông liên cấp Albert Einstein - Thành phố Hà Tĩnh)	Trần Thị Hoài Thương	TS. Dương Anh Tuấn	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
36	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh trong dạy giải toán hình học không gian bằng phương pháp tọa độ	Bàng Thị Thủy	PGS.TS. Vũ Đỗ Long	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
37	Phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh thông qua dạy học dự án một số nội dung hình học lớp 8	Bùi Thị Bảo Trang	TS. La Đức Minh	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
38	Phát triển năng lực suy luận cho học sinh thông qua dạy học chủ đề bất đẳng thức	Đôn Văn Tú	PGS.TS. Nguyễn Thành Văn	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
39	Dạy học phân hóa trong môn Toán cho học sinh lớp 4	Khuất Thị Tuấn	PGS.TS. Lê Anh Vinh	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Toán
40	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực tiễn chủ đề "Khúc xạ ánh sáng" nhằm phát triển năng lực Vật lí cho học sinh trung học	Nguyễn Thị Tú Anh	PGS.TS. Phạm Kim Chung	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ

	phổ thông.			môn Vật lí
	Xây dựng hệ thống bài tập "Cơ sở của nhiệt động lực học" nhằm phát triển năng lực tìm tòi, khám phá cho học sinh chuyên lí.	Trần Thị Kiều Giang	GS.TS.Nguyễn Huy Sinh	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí
41	Xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn nhằm củng cố kiến thức chương Chất khí cho học sinh lớp 10 cơ bản trung học phổ thông	Trịnh Viết Hào	GS.TS.Nguyễn Huy Sinh	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí
42	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực tiễn "Cơ sở của nhiệt động lực học" nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trung học phổ thông.	Bùi Văn Khánh	GS.TS.Nguyễn Huy Sinh	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí
43	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập "Các định luật bảo toàn" nhắm phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh giỏi Vật lí.	Nguyễn Thế Lâm	PGS.TS Đinh Văn Dũng	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí
44	Thiết kế và sử dụng trò chơi phần Quang hình học trong dạy học Vật lí cho học sinh trung học phổ thông.	Trần Phương Nam	PGS.TS.Nguyễn Văn Nhã	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí
45	Hướng dẫn học sinh trung học phổ thông tự học Vật lí thông qua hệ thống bài tập Từ	Bùi Thị Hương Thảo	PGS.TS Đinh Văn Dũng	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí

	trường			
46	"Xây dựng và sử dụng bài tập thí nghiệm động học nhằm phát triển năng lực thực nghiệm của học sinh trung học phổ thông".	Nguyễn Thị Thanh Loan	TS. Dương Xuân Quý	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí
47	Dạy học chủ đề tích hợp "Chạm bạc" nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh Trung học phổ thông.	Nguyễn Thị Mai Phương	GS.TS.Đỗ Hương Trà	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí
48	Dạy học chủ đề tích hợp "Rượu với đời sống" cho học sinh Trung học phổ thông.	Hoàng Thị Hải Yến	GS.TS.Đỗ Hương Trà	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí
49	Tổ chức dạy học chủ đề "Sự truyền ánh sáng" - Vật lí 11 theo hướng phát triển năng lực hợp tác của học sinh.	Nguyễn Thị An Thái	TS.GVC. Ngô Diệu Nga	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí
50	Tổ chức dạy học dự án chủ đề "Ứng dụng Vật lí trong chẩn đoán y học" cho học sinh trung học phổ thông.	Nguyễn Thị Thơm	PGS.TS. Phạm Kim Chung	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí
51	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "năng lượng" cho học sinh trung học cơ sở.	Nguyễn Thị Phương Thúy	PGS.TS. Phạm Kim Chung	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí
52	Tổ chức dạy học hợp tác phần "Nhiệt học" cho học sinh Trung học cơ sở	Kiều Hoàng Yến	PGS.TS. Lê Thị Thu Hiền	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Vật lí

53	"Nâng cao nhận thức về môi trường thông qua dạy học phần Phi kim Hóa học 10, 11"	Bùi Việt Bắc	TS. Hoàng Thu Hà	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Hóa học
54	Phát triển năng lực tự học cho học sinh thông qua dạy học Blended learning Chương Oxi - Lưu huỳnh Hóa học 10.	Phạm Văn Hiếu	TS. Nguyễn Hoàng Trang	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Hóa học
55	Nâng cao hứng thú học tập môn Hóa học cho học sinh Trung học phổ thông thông qua sử dụng công nghệ hình ảnh trong dạy học chủ đề nhôm, sắt.	Nguyễn Quang Ngọc	TS. Vũ Minh Trang	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Hóa học
56	Nghiên cứu dạy học một số chủ đề Hóa học trung học phổ thông bằng tiếng Anh tiếp cận SAT II: Chemistry.	Hà Minh Nguyệt	TS. Hoàng Thu Hà	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Hóa học
57	"Sử dụng chủ đề dạy học STEAM - Hóa học lớp 9 trung học cơ sở nhằm phát triển năng lực thực nghiệm cho học sinh".	Đỗ Thanh Tâm	PGS.TS. Nguyễn Thị Sửu	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Hóa học
58	"Phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua dạy học tích hợp các chủ đề chương Alkane - Hóa học 11 - Trung học phổ thông".	Nguyễn Thị Lệ Thu	PGS.TS. Trần Thị Như Mai	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Hóa học

59	"Phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua dạy học tích hợp các chủ đề chương Nito và các hợp chất của Nito - Hóa học 11 - Trung học phổ thông".	Nguyễn Thị Lệ Thủy	PGS.TS. Trần Thị Như Mai	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Hóa học
60	"Phát triển năng lực thực nghiệm hóa học cho học sinh trung học phổ thông thông qua bài tập thực nghiệm hóa học phần nguyên tố Nitrogen và các hợp chất của nguyên tố Nitrogen".	Phạm Thị Tình	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Hóa học
61	Vận dụng mô hình giáo dục STEM trong dạy học phần ba Sinh học Vi sinh vật, Sinh học 10, Trung học phổ thông	Nguyễn Thị Huyền	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Sinh học
62	Vận dụng mô hình giáo dục STEM trong dạy học Sinh học 8, Trung học cơ sở	Lê Thùy Linh	PGS. TS. Nguyễn Thế Hưng	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Sinh học
63	Vận dụng dạy học hỗn hợp (Blended learning) trong dạy học chương IV Sinh Sản, Sinh học 11, Trung học phổ thông	Nguyễn Thị Hồng Nhung	PGS. TS. Mai Văn Hưng	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Sinh học
64	Vận dụng dạy học hỗn hợp (Blended learning) trong dạy học phần ba Sinh học Vi sinh vật, Sinh học 10, Trung học phổ thông	Lê Diệu Phương	PGS. TS. Mai Văn Hưng	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Sinh học

65	Vận dụng quan điểm tích hợp trong dạy đọc hiểu thơ trung đại Việt Nam (Ngữ văn lớp 10)	Vũ Thị Bích	PGS.TS. Phạm Minh Diệu	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn
66	Tích hợp giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong dạy học truyện cổ tích (Ngữ văn 10)	Đặng Thị Hà	TS. Dương Tuyết Hạnh	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn
67	"Xây dựng hệ thống bài tập phát triển năng lực văn học cho học sinh lớp 12 qua dạy học truyện ngắn của Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975".	Đoàn Thị Hà	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn
68	"Xây dựng hệ thống câu hỏi phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh lớp 10 trong dạy học truyện dân gian Việt Nam".	Nguyễn Thị Thúy Lan	PGS.TS. Trịnh Thị Lan	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn
69	Tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh trong dạy học cụm bài về Phong cách ngôn ngữ ở trường trung học phổ thông.	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	TS. Nguyễn Thị Ban	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn
70	Dạy học thơ trung đại chương trình Ngữ văn lớp 7 theo hướng tích cực hóa hoạt động của học sinh.	Phạm Kiều Mi	PGS.TS. Trần Khánh Thành	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn
71	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh lớp 8 trong dạy học đọc hiểu văn bản	Nguyễn Thị Yến	PGS.TS. Lê Hải Anh	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn

	nhật dụng.			
72	"Tổ chức dạy học Lịch sử Việt Nam lớp 10 theo hướng phát triển năng lực vận dụng kiến thức cho học sinh ở trường trung học phổ thông Nguyễn Đức Thuận tỉnh Nam Định".	Vũ Thị Kim Lan	PGS.TS. Trịnh Đình Tùng	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Lịch sử
73	"Tổ chức dạy học Lịch sử Việt Nam lớp 11 theo hướng phát triển năng lực hợp tác cho học sinh ở trường Trung học phổ thông Công Nghiệp tỉnh Hòa Bình".	Phạm Thị Bích Ngọc	GS.TS. Nguyễn Thị Côi	Hướng ngành LL&PP dạy học bộ môn Lịch sử

3. Đại học

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Hành vi sử dụng internet có vấn đê ở học sinh Trung học phổ thông	Nguyễn Thị Thuý Hằng	ThS. Hồ Thu Hà	Hướng Khoa học giáo dục
2	Tương tác giữa giáo viên chủ nhiệm và học sinh Trung học cơ sở	Nguyễn Hải Yến	ThS. Hồ Thu Hà	Hướng Khoa học giáo dục
3	Thực trạng quản lý lớp học tại trường THPT Việt Đức, Hà Nội.	Bùi Thị Hạnh	ThS. Mai Quang Huy	Hướng Khoa học giáo dục
4	Phát triển các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm mang tính tương tác ở trường phổ thông	Chu Thị Minh Ánh	TS. Nguyễn Hồng Kiên	Hướng Khoa học giáo dục
5	Nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân của nữ sinh THPT ở nông thôn	Trần Thị Minh Thư	ThS. Lại Thị Yến Ngọc	Hướng Khoa học giáo dục

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
6	Những yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập của học sinh trung học phổ thông	Lê Thị Dung	ThS. Lại Thị Yến Ngọc	Hướng Khoa học giáo dục
7	Nhu cầu tham vấn tâm lý học đường của học sinh trung học phổ thông	Nguyễn Thị Oanh	ThS. Lại Thị Yến Ngọc	Hướng Khoa học giáo dục
8	Nhu cầu tư vấn hướng nghiệp dựa trên công nghệ của học sinh THPT	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS. Trần Văn Công	Hướng Khoa học giáo dục
9	Sự ảnh hưởng của phát triển xã hội đến tâm lý học sinh	Vũ Tiến Đạt	TS. Trần Văn Tính	Hướng Khoa học giáo dục
10	Kỹ năng tư vấn hướng nghiệp của sinh viên trường ĐHGD, ĐHQGHN	Nguyễn Hồng Hạnh	TS. Nguyễn Thị Bích Liên	Hướng Khoa học giáo dục
11	Một số rối nhiễu tâm lý vị thành niên dưới cái nhìn của nhà giáo dục	Nguyễn Thị Hồng Anh	PGS.TS. Đặng Hoàng Minh	Hướng Khoa học giáo dục
12	Tìm hiểu tâm lí học sinh THCS để phát triển học tập, giao tiếp và nhân cách	Nguyễn Thị Duyên	Th.S. Trần Thị Quỳnh Trang	Hướng Khoa học giáo dục
13	Nhu cầu trợ giúp tâm lý học đường của học sinh THCS	Giang Thị Mỹ Linh	TS. Hoàng Gia Trang	Hướng Khoa học giáo dục
14	Những khó khăn trong giao tiếp với giáo viên của học sinnh THPT Trung Giã, Hà Nội.	Lại Thị Hoàn	ThS. Lại Thị Yến Ngọc	Hướng Khoa học giáo dục
15	Thực trạng giáo dục hướng nghiệp ở trường THPT Tây Hồ Hà Nội	Nguyễn Thị Phương	TS. Nguyễn Thị Bích Liên	Hướng Khoa học giáo dục
16	Phương pháp giải quyết vấn đề trong dạy học môn Toán ở trường THPT Nguyễn Trãi, Hà Nội	Nguyễn Lê Hoàng Anh	TS. Nguyễn Thị Bích Liên	Hướng Khoa học giáo dục

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
17	Tìm hiểu đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông	Phan Thị Mai Hạnh	ThS. Lại Thị Yến Ngọc	Hướng Khoa học giáo dục
18	Xây dựng trang web và bài giảng trực tuyến nhằm tìm hiểu nhu cầu và trợ giúp tâm lý cho học sinh lớp 12	Nguyễn Cẩm Tú	PGS.TS. Trần Thành Nam	Hướng Khoa học giáo dục
19	Thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh THPT và nhu cầu tham vấn tâm lý trong trường học	Phạm Thị Ánh Hồng	TS. Nguyễn Hồng Kiên	Hướng Khoa học giáo dục
20	Phát triển năng lực giao tiếp trong dạy học ngữ văn cho học sinh lớp 10, trường THPT Phan Đình Phùng	Nguyễn Thu Hằng	Th.S. Trần Thị Quỳnh Trang	Hướng Khoa học giáo dục
21	Cảm xúc âm tính của học sinh THPT	Hồ Thị Khuyên	Th.S. Trần Thị Quỳnh Trang	Hướng Khoa học giáo dục
22	Xây dựng phần mềm online đo Trí tuệ cảm xúc dành cho học sinh (dựa trên thang đo BarOn Emotional Quotient Inventory)	Trịnh Thị Ngọc Ánh	PGS.TS Trần Thành Nam	Hướng Khoa học giáo dục
23	Xây dựng bài giảng về phòng ngừa và bắt nạt trực tuyến	Nguyễn Thị Ánh	TS. Trần Văn Công	Hướng Khoa học giáo dục
24	Xây dựng chương trình giáo dục phòng chống xâm hại tình dục trẻ em cho học sinh tiểu học (thông qua hình thức bài giảng điện tử)	Nguyễn Thu Nga	PGS.TS Trần Thành Nam	Hướng Khoa học giáo dục
25	Phát triển kỹ năng tự học thông qua văn hóa đọc sách trong sinh viên sư phạm ĐHGD-ĐHQGHN	Nguyễn Thị Ánh Duyên	TS.Nguyễn Thị Bích Liên	Hướng Khoa học giáo dục
26	Mối quan hệ cha mẹ - con cái và các vấn đề cảm xúc - hành vi ở học sinh trung học phổ thông	Nguyễn Thị Như	Ths Hồ Thu Hà.	Hướng Khoa học giáo dục

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
27	Phát triển khả năng thể hiện quan điểm cá nhân cho học sinh THPT -	Nguyễn Diệu Ngân	PGS.TS. Đinh Thị Kim Thoa	Hướng Khoa học giáo dục
28	Vấn đề sử dụng chất kích thích của học sinh sinh viên trong môi trường học đường hiện nay	Nguyễn Hải Hà	PGS.TS Trần Thành Nam	Hướng Khoa học giáo dục
29	Xây dựng các tình huống tạo kỹ năng phòng ngừa bắt nạt trực tuyến cho học sinh THPT tại Hà Nội	Lê Thị Hồng Sơn	TS. Trần Văn Công	Hướng Khoa học giáo dục
30	Thực trạng kỹ năng sư phạm của sinh viên năm 4, trường ĐHGD, ĐHQG Hà Nội.	Hoàng Tân Thanh	TS. Nguyễn Thị Bích Liên	Hướng Khoa học giáo dục
31	Phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS lớp 10 trường THPT Yên Hòa	Vũ Thị Thu Thủy	ThS Trần Thị Quỳnh Trang	Hướng Khoa học giáo dục
32	Hiểu biết về trầm cảm và các cách hỗ trợ ở trường học của sinh viên các ngành sư phạm năm thứ 4	Bùi Thị Hồng Quế	Ths Hồ Thu Hà	Hướng Khoa học giáo dục
33	Mối quan hệ giữa kết quả học tập với động cơ học tập cho học sinh lớp 10a8. Trường THPT Phú Xuyên A. Thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Vân Anh	PGS.TS. Đinh Thị Kim Thoa	Hướng Khoa học giáo dục
34	Xây dựng và thử nghiệm chuỗi video hướng dẫn kỹ năng sử dụng mạng internet an toàn cho học sinh trung học	Nguyễn Thùy Linh	TS. Trần Văn Công	Hướng Khoa học giáo dục
35	Sử dụng tài liệu viết để kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử cho học sinh THPT	Nguyễn Hồng Nhung	TS. Nguyễn Phùng Tám	Hướng Đo lường và đánh giá trong giáo dục
36	Kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử	Lưu Hà Bích Ngọc	TS. Nguyễn Phùng Tám	Hướng Đo lường và đánh

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				giá trong giáo dục
37	Xây dựng dữ liệu ngân hàng đề bằng hệ thống đề dùng trực quan cho kiểm tra đánh giá (kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, sơ kết bài học) trong dạy học Lịch sử)	Hoàng Thị Hào	TS. Nguyễn Phùng Tám	Hướng Đo lường và đánh giá trong giáo dục
38	Thiết kế bài kiểm tra đánh giá năng lực toán học của học sinh THCS theo hướng tiếp cận PISA	Nguyễn Thế Thu Hương	TS. Tăng Thị Thùy	Hướng Đo lường và đánh giá trong giáo dục
39	Thiết kế bài kiểm tra đánh giá năng lực tư duy phản biện của học sinh lớp 10 phần hình học nhằm nâng cao	Nguyễn Phương Anh	TS. Tăng Thị Thùy	Hướng Đo lường và đánh giá trong giáo dục
40	Đánh giá mức độ hứng thú với môn toán của học sinh THPT	Trần Thị Chiến	TS. Tăng Thị Thùy	Hướng Đo lường và đánh giá trong giáo dục
41	Thiết kế bài kiểm tra đánh giá năng lực Toán học của học sinh lớp 10 theo hướng tiếp cận PISA	Nguyễn Thị Quyên	TS. Tăng Thị Thùy	Hướng Đo lường và đánh giá trong giáo dục
42	Thiết kế bài kiểm tra đánh giá năng lực tính toán của học sinh lớp 10 theo cách tiếp cận bài kiểm tra thích ứng trên máy tính (CAT)	Nguyễn Ngọc Linh	TS. Tăng Thị Thùy, TS. Nguyễn Thị Quỳnh Giang	Hướng Đo lường và đánh giá trong giáo dục
43	Vận dụng các kỹ thuật đánh giá quá trình để đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh THPT	Đoàn Thị Hoài	ThS. Lê Thị Hoàng Hà	Hướng Đo lường và đánh giá trong giáo dục
44	Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp đo lường và đánh giá kết quả học tập môn Toán 11	Vũ Thị Hồng Nhung	ThS. Lê Thị Hoàng Hà	Hướng Đo lường và đánh giá trong giáo dục

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
45	Vận dụng kỹ thuật đánh giá trên lớp học trong dạy học Toán ở trường THPT	Đào Thị Hoài Phương	TS. Tăng Thị Thùy	Hướng Đo lường và đánh giá trong giáo dục
46	Thiết kế công cụ đánh giá năng lực khoa học trong dạy học Hoá học ở trường THPT	Hoàng Thị Hồng Uyên	TS. Lê Thái Hưng	Hướng Đo lường và đánh giá trong giáo dục
47	Phát triển công cụ đánh giá Toán học lớp 10 học kì I	Trần Bích Ngọc	TS. Lê Thái Hưng, TS. Nguyễn Thị Quỳnh Giang	Hướng Đo lường và đánh giá trong giáo dục
48	Ứng dụng Moodle trong quản lí lớp học	Nguyễn Thị Thu Thủy	PGS.TS. Nguyễn Hà Nam	Hướng Công nghệ giáo dục
49	Ứng dụng Geogebra hỗ trợ dạy học chương trình Hình học lớp 11	Vũ Tiến Đạt	PGS.TS.Trần Doãn Vinh	Hướng Công nghệ giáo dục
50	Ứng dụng Cabri 3D hỗ trợ dạy học Hình học	Đoàn Thị Thu Thảo	PGS.TS.Trần Doãn Vinh	Hướng Công nghệ giáo dục
51	Ứng dụng Công nghệ vào thực tế lí thuyết trong dạy học Toán	Phùng Gia Hoan	PGS.TS.Trần Doãn Vinh	Hướng Công nghệ giáo dục
52	Ứng dụng công nghệ tương tác trong dạy học	Đào Mạnh Cường	PGS.TS. Nguyễn Hà Nam	Hướng Công nghệ giáo dục
53	Sử dụng Schoology xây dựng hệ thống lớp học hỗ trợ việc tự học Hidrocacbon thơm - Hóa học 11	Nguyễn Thị Thanh Hằng	TS. Tôn Quang Cường	Hướng Công nghệ giáo dục
54	Sử dụng phần mềm Yenka hỗ trợ dạy học chương hidro cacbon no trong chương trình Hóa học 11	Trương Thị Ngân Hà	TS. Tôn Quang Cường	Hướng Công nghệ giáo dục

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
55	Ứng dụng Web trong dạy học và kiểm tra đánh giá	Vũ Nhật Linh	PGS.TS.Trần Doãn Vinh	Hướng Công nghệ giáo dục
56	Thiết kế và thực hiện video như một công cụ dạy học	Hoàng Tú Anh	TS. Tôn Quang Cường	Hướng Công nghệ giáo dục
57	Xây dựng học liệu số di sản văn hóa phục vụ việc dạy và học tác phẩm văn học dân gian Việt Nam	Bùi Thị Giang	ThS. Nguyễn Đức Can	Hướng Công nghệ giáo dục
58	Xây dựng môi trường văn hóa tương tác trong dạy học môn Ngữ Văn	Đỗ Đình Hảo	ThS. Nguyễn Đức Can	Hướng Công nghệ giáo dục
59	Sử dụng công nghệ xây dựng môi trường trong dạy học văn học dân gian	Nguyễn Ngọc Linh	PGS.TS.Trần Doãn Vinh	Hướng Công nghệ giáo dục
60	Vận dụng nền tảng web 2.0 trong dạy học phần văn học dân gian lớp 10	Hoàng Thị Mai	PGS.TS.Trần Doãn Vinh	Hướng Công nghệ giáo dục
61	Thiết kế Ebook trong dạy học Ngữ Văn	Nguyễn Minh Thảo	GS. TS. Vũ Văn Hùng	Hướng Công nghệ giáo dục
62	Sử dụng công nghệ trong dạy học tương tác đọc hiểu văn bản	Cù Thị Ngọc Anh	TS. Phạm Thị Thanh Phượng	Hướng Công nghệ giáo dục
63	Sử dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học văn học dân gian lớp 10	Phùng Thị Bích Ngọc	TS. Phạm Thị Thanh Phượng	Hướng Công nghệ giáo dục
64	Sử dụng công nghệ trong dạy học văn học dân gian	Đỗ Thị Huyền Trang	TS. Phạm Thị Thanh Phượng	Hướng Công nghệ giáo dục

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
65	Sử dụng EDMODO trong dạy học Ngữ văn	Nguyễn Phương Anh	GS. TS. Vũ Văn Hùng	Hướng Công nghệ giáo dục
66	Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược vào dạy nhóm bài Biện pháp tu từ lớp 6	Nguyễn Thị Hạnh	TS. Lã Phương Thúy	Hướng Công nghệ giáo dục
67	Xây dựng video tương tác trong dạy học Ngữ văn	Nguyễn Thị Thu Hoài	TS. Lã Phương Thúy	Hướng Công nghệ giáo dục
68	Sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn	Lương Thị Hồng Nhung	PGS.TS. Nguyễn Hà Nam	Hướng Công nghệ giáo dục
69	Ứng dụng công cụ tương tác trong dạy học Ngữ văn	Nguyễn Phương Thúy	TS. Lã Phương Thúy	Hướng Công nghệ giáo dục
70	Ứng dụng Powtoon vào dạy học lịch sử thế giới lớp 10 giữa thế kỉ XVI đến đầu thé kỉ XX Thực nghiệm tại THPT Ngô Sỹ Liên, Bắc Giang	Đỗ Linh Nhi	TS. Tôn Quang Cường	Hướng Công nghệ giáo dục
71	Xây dựng hồ sơ online tư liệu nhân vật lịch sử Việt Nam	Nguyễn Thị Phương Huyền	TS. Tôn Quang Cường	Hướng Công nghệ giáo dục
72	Ứng dụng Moodle vào dạy học Lịch sử lớp 12	Nguyễn Khánh Linh	TS. Tôn Quang Cường	Hướng Công nghệ giáo dục
73	Ứng dụng các phần mềm liên lạc trong nhóm giáo viên với học sinh và phụ huynh trong dạy học	Hoàng Thị Diệu Linh	PGS.TS. Nguyễn Hà Nam	Hướng Công nghệ giáo dục
74	Ứng dụng Ebooks Author xây dựng Ebook Lịch sử Việt Nam lớp 10 từ thế kỉ XVI nửa đầu thế kỉ XIX	Nguyễn Phương Linh	TS. Tôn Quang Cường	Hướng Công nghệ giáo dục

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
75	Hàm thực - Bất đẳng thức đại số - Bất đẳng thức tích phân	Đoàn Thanh Hà	PGS.TS Nguyễn Minh Tuấn	Hướng Sư phạm
76	Thống kê ứng dụng	Tạ Văn Chiến	TS. Trần Mạnh Cường*	Hướng Sư phạm
77	Sử dụng phần mềm DESMOS trong dạy học hàm số lớp 10, Ban cơ bản Toán THPT	Trần Thị Hường	PGS.TS Nguyễn Chí Thành	Hướng Sư phạm
78	Xây dựng bộ câu hỏi đánh giá quá trình trong dạy học chuyên đề tọa độ mặt phẳng lớp 10	Phạm Khánh Linh	ThS Đào Thị Hoa Mai	Hướng Sư phạm
79	Sử dụng máy tính bỏ túi trong dạy học Thống kê lớp 10	Nguyễn Thái Hà	PGS.TS Nguyễn Chí Thành	Hướng Sư phạm
80	Ứng dụng hệ tọa độ Baricentric để giải bài toán hình học sơ cấp	Hoàng Minh Tuấn	ThS Trần Quang Hùng*	Hướng Sư phạm
81	Phương Trình nghiệm nguyên	Hoàng Ngọc Hiệp	TS.Phạm Đức Hiệp	Hướng Sư phạm
82	Sử dụng Moddle trong dạy học chương I đại số 11	Nguyễn Mạnh Hùng	PGS.TS Nguyễn Chí Thành	Hướng Sư phạm
83	Xây dựng nội dung đánh giá chương 2 đại số lớp 10 theo định hướng PISA	Đặng Thị Lan Phương	PGS.TS Nguyễn Chí Thành	Hướng Sư phạm
84	Xây dựng nội dung đánh giá chương 3 đại số lớp 10 theo định hướng PISA	Nguyễn Thị Nhật Lệ	PGS.TS Nguyễn Chí Thành	Hướng Sư phạm
85	Sử dụng phần mềm Mindmap trong Dạy học hình học không gian lớp 11 (Ban cơ bản)	Nguyễn Thị Yến	PGS.TS Nguyễn Chí Thành	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
86	Số học trong dạy học Toán phổ thông	Vũ Cẩm Vân	TS. Phạm Đức Hiệp	Hướng Sư phạm
87	Đồng dư và ứng dụng của đồng dư trong các bài toán số học	Trần Quang Thắng	ThS Hoàng Ngọc Minh*	Hướng Sư phạm
88	Dạy học chương phương pháp tọa độ trong mặt phẳng môn Toán 10 theo hướng tích cực hóa hoạt động của người học	Nguyễn Thị Thu Thảo	ThS Đào Thị Hoa Mai	Hướng Sư phạm
89	Hàng điểm điều hòa	Hoàng Ngọc Yến	ThS Trần Quang Hùng*	Hướng Sư phạm
90	Xây dựng công cụ đánh giá quá trình trong dạy học Toán đại số lớp 11	Đỗ Thanh Phương	ThS Đào Thị Hoa Mai	Hướng Sư phạm
91	Xây dựng các công cụ đánh giá quá trình trong dạy học Toán bằng Tiếng Anh	Đặng Minh Huyền	ThS Đào Thị Hoa Mai	Hướng Sư phạm
92	Dạy học lượng giác trong Toán phổ thông	Nguyễn Thị Nhật Lệ	PGS.TS Nguyễn Minh Tuấn	Hướng Sư phạm
93	Ứng dụng sự biến thiên của hàm số để giải PT và HPT	Nguyễn Thị Thương Thương	ThS Hoàng Ngọc Minh*	Hướng Sư phạm
94	Hệ thức lượng và bất đẳng thức lượng trong tam giác	Trương Thị Phương Thảo	Thạc sĩ Trần Quang Hùng*	Hướng Sư phạm
95	Xây dựng công cụ đánh giá quá trình trong dạy học Toán hình học không gian	Nguyễn Mạnh Cường	Ths. Đào Thị Hoa Mai	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
96	Một số phương pháp giải bất đẳng thức về giá trị trung bình	Vũ Duy Trụ	TS. Phạm Đức Hiệp	Hướng Sư phạm
97	Chế tạo vật liệu nano LaMnO3 tạp Ba bằng phương pháp vi sóng nhằm phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh phổ thông	Trần Thị Uyên	TS. Nguyễn Việt Tuyên*	Hướng Sư phạm
98	Tổ chức dạy học chủ đề STEM trong dạy học khoa học tự nhiên lớp 11	Nguyễn Thu Thảo	PGS. TS Phạm Kim Chung	Hướng Sư phạm
99	Tổ chức dạy học chủ đề STEM trong dạy học khoa học tự nhiên lớp 10	Nguyễn Thị Thảo	PGS. TS Phạm Kim Chung	Hướng Sư phạm
100	Nghiên cứu, chế tạo bộ thí nghiệm: Giao thoa sóng nước - Sóng dừng nhằm nâng cao hiệu quả dạy học chương Sóng cơ, Vật lý 12	Ngô Thị Hải	TS. Trịnh Thị Loan*	Hướng Sư phạm
101	Sử dụng phần mềm MATLAB mô phỏng một số thí nghiệm cơ học trong Vật Lý THPT	Đỗ Thị Thúy	PGS.TS. Đặng Thị Thanh Thủy CN. NCS Đỗ Quang Lộc*	Hướng Sư phạm
102	Đo gia tốc của vật bằng cảm biến trên điện thoại di động	Trần Thị Dung	ThS. Trần Vĩnh Thắng*	Hướng Sư phạm
103	Tổ chức dạy học dự án tìm hiểu các ngành nghề và hướng nghiệp cho học sinh THPT	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	PGS. TS Phạm Kim Chung	Hướng Sư phạm
104	Giải bài tập vật lý bằng phương pháp đồ thị	Hoàng Thị Phương	TS. Nguyễn Đức Vinh*	Hướng Sư phạm
105	sử dụng phần mềm Matlap xác định biên của vật thể từ và mô hình hóa một số bài tập Vật lý Trung học phổ thông	Trương Thị Phượng	ThS. Phạm Thành Luân*	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
106	Xây dựng bài thí nghiệm đo tốc độ truyền âm trong dung dịch lỏng	Nguyễn Văn Toàn	ThS. Lương Thị Minh Thúy*	Hướng Sư phạm
107	Tổ chức dạy học chủ đề STEM trong dạy học khoa học tự nhiên lớp 9	Đỗ Ngọc Anh	PGS.TS. Lê Thị Thu Hiền	Hướng Sư phạm
108	Đánh giá, lựa chọn thông tin trong phân tích số liệu Vật lý và số liệu học tập	Nguyễn Phương Anh	PGS.TS. Võ Thanh Quỳnh*	Hướng Sư phạm
109	Tổ chức dạy học chủ đề STEM trong dạy học khoa học tự nhiên lớp 7	Nguyễn Thị Như Ngọc	PGS.TS. Lê Thị Thu Hiền	Hướng Sư phạm
110	Tổ chức dạy học chủ đề STEM trong dạy học khoa học tự nhiên lớp 8	Nguyễn Thị Thu Uyên	PGS.TS. Lê Thị Thu Hiền	Hướng Sư phạm
111	Đo áp suất của một điểm trong lòng chất lỏng.	Vũ Khánh Linh	TS. Phạm Văn Thành*	Hướng Sư phạm
112	Nghiên cứu phương pháp biến đổi trường thế ứng dụng trong giải bài tập vật lí THPT	Lê Quốc Luân	PGS.TS. Đỗ Đức Thanh*	Hướng Sư phạm
113	Tổ chức dạy học chủ đề STEM trong dạy học khoa học tự nhiên lớp 12	Vương Thị Ánh Hồng	PGS. TS. Phạm Kim Chung	Hướng Sư phạm
114	Xây dựng thí nghiệm về mạch chỉnh lưu	Trần Khắc Truyền	PGS.TS. Đặng Thị Thanh Thủy; ThS. Lương Thị Minh Thúy*	Hướng Sư phạm
115	Ảnh hưởng của khả năng đâm xuyên của tia phóng xạ đối với phương pháp phóng xạ và xây dựng bài tập cho sinh viên vật lý	Bùi Xuân Khánh	ThS. Nguyễn Viết Đạt*	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
116	Bài toán ngược đo sâu điện trong giảng dạy vật lý chuyên ngành	Tạ Duy Anh	TS. Tạ Thị Quỳnh Hoa*	Hướng Sư phạm
117	Xây dựng và phân tích chất lượng câu hỏi chắc nghiệm khách quan quang hình	Đinh Trung Dũng	PGS.TS. Phạm Kim Chung ThS. Đào Thị Hoa Mai	Hướng Sư phạm
118	Xây dựng câu hỏi phần Nhiệt động lực học theo dạng thức PISA	Nguyễn Văn Minh	PGS.TS. Phạm Kim Chung ThS. Đào Thị Hoa Mai	Hướng Sư phạm
119	Đo gia tốc trọng trường khi cho vật rơi tự do	Vũ Thị Thúy Vân	TS. Phạm Văn Thành*	Hướng Sư phạm
120	Điện và từ THPT	Nguyễn Thị Linh Hương	PGS.TS. Đặng Thị Thanh Thủy ThS. Lương Thị Minh Thúy*	Hướng Sư phạm
121	Một số biện pháp giúp học sinh vượt qua rào cản nhận thức "Trạng thái T" thông qua DHHH chương Nitơ - Photpho Hóa học 11	Lâm Thảo Anh	ThS. Vũ Phương Liên	Hướng Sư phạm
122	Xây dựng chủ đề tích hợp giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm trong dạy học phần Ancol - Hoá học lớp 11	Nguyễn Thị Hà	ThS. Vũ Phương Liên	Hướng Sư phạm
123	Dạy học Hóa học theo hình thức trải nghiệm chương halogen - Hóa học 10	Tạ Thị Thảo Hiền	ThS. Vũ Phương Liên	Hướng Sư phạm
124	Dạy học chương Halogen nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh	Phạm Hồng Nhung	ThS. Vũ Phương Liên	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
125	Ứng dụng phần mềm xây dựng thí nghiệm hóa học ảo trong dạy học thí nghiệm hóa học lớp 10 nhằm phát triển kĩ năng thực hành thí nghiệm cho học sinh THPT	Nguyễn Minh Phượng	ThS. Vũ Phương Liên	Hướng Sư phạm
126	Xây dựng chủ đề tích hợp liên môn khoa học tự nhiên trong dạy học hóa học chương Cacbon - Silic Hóa học 11	Nguyễn Thị Thuỷ	ThS. Vũ Phương Liên	Hướng Sư phạm
127	Thiết kế hoạt động dạy học theo phương thức STEM chương este-lipit lớp 12 nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức hóa học vào thực tiễn cho học sinh	Hoàng Thị Ngọc Ánh	TS. Hoàng Thu Hà	Hướng Sư phạm
128	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh trung học phổ thông thông qua hoạt động ngoại khóa hóa học 11	Nguyễn Thị Khánh	TS. Nguyễn Hoàng Trang	Hướng Sư phạm
129	Vận dụng dạy học blended learning theo chủ đề chương Halogen hóa học 10 nhằm phát triển năng lực hợp tác cho học sinh	Tống Thiều Khánh Linh	TS. Nguyễn Hoàng Trang	Hướng Sư phạm
130	Phát triển năng lực thực hành hóa học cho học sinh thông qua dạy học thí nghiệm hóa học 11 theo định hướng giáo dục STEM	Nguyễn Xuân Thu	TS. Nguyễn Hoàng Trang	Hướng Sư phạm
131	Phát triển năng lực tự học cho học sinh thông qua dạy học blended learning chương Oxi - lưu huỳnh hóa học 10	Phùng Thị Tuyết Trinh	TS. Nguyễn Hoàng Trang	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
132	Phát triển năng lực tự học cho học sinh thông qua sử dụng phần mềm dạy học để xây dựng hệ thống bài tập hóa học thực nghiệm chương Cacbon-Silic hóa học 10 ở trường THPT	Trần Thị Thu Hiền	TS. Nguyễn Hữu Chung	Hướng Sư phạm
133	Xây dựng hệ thống bài tập chương Oxi - Lưu huỳnh lớp 10 theo định hướng phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn	Đặng Kim Hoàn	TS. Nguyễn Hữu Chung	Hướng Sư phạm
134	Dạy học STEM nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề chương cacbohidrat	Hà Thị Mỹ Linh	TS. Nguyễn Hữu Chung	Hướng Sư phạm
135	Xây dựng các bài tập hóa học thực tiễn chương "Đại cương về kim loại" nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh	Nguyễn Thị Oanh	TS. Nguyễn Hữu Chung	Hướng Sư phạm
136	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề - sáng tạo cho học sinh thông qua dạy học STEM chương oxi - lưu huỳnh - lớp 10	Nguyễn Thị Minh Anh	TS. Phạm Thị Kim Giang	Hướng Sư phạm
137	“Thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo để phát triển năng lực vận dụng kiến thức hóa học vào thực tiễn chương Nito – Photpho”	Hoàng Thị Diệu Linh	TS. Phạm Thị Kim Giang	Hướng Sư phạm
138	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh thông qua dạy học STEM phần axit cacboxylic	Nguyễn Thuý Quỳnh	TS. Phạm Thị Kim Giang	Hướng Sư phạm
139	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học STEM phần Cacbon và hợp chất	Phạm Thị Thuỳ Trang	TS. Phạm Thị Kim Giang	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
140	Vận dụng phương pháp Webquest trong dạy học – Chương oxi – lưu huỳnh (Hóa học 10 nâng cao)	Hà Minh Tuấn	TS. Phạm Thị Kim Giang	Hướng Sư phạm
141	Thiết kế thí nghiệm thực tiễn Chương Tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học, Hóa học 10 nâng cao nhằm phát triển năng lực thực nghiệm cho học sinh	Lương Thị Khánh Linh	TS. Vũ Minh Trang	Hướng Sư phạm
142	Nâng cao hứng thú học tập cho học sinh thông qua dạy học thí nghiệm chương Tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học - Hóa học 10	Quách Thị Mai	TS. Vũ Minh Trang	Hướng Sư phạm
143	Giáo dục sự tự tin cho học sinh thông qua dạy học theo chủ đề tích hợp Chương Oxi - Lưu huỳnh, Hoá học 10	Nguyễn Thị Nguyệt	TS. Vũ Minh Trang	Hướng Sư phạm
144	Thiết kế chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM Chương Oxi - Lưu huỳnh, Hóa học 10 nâng cao nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh	Nguyễn Thị Kim Oanh	TS. Vũ Minh Trang	Hướng Sư phạm
145	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thông qua dạy học thí nghiệm STEM phần Ancol, Hóa học 11 nâng cao	Nguyễn Quang Trung	TS. Vũ Minh Trang	Hướng Sư phạm
146	Thiết kế WebQuest trong dạy học chủ đề "Halogen" – Hóa học 10 nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức Hóa học vào thực tiễn cho học sinh	Dương Nữ Khánh Lê	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
147	Xây dựng dự án thí nghiệm phần Halogen - Hóa học 10 nhằm phát triển năng thực thực nghiệm hoá học cho học sinh	Nguyễn Minh Ngọc	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Hướng Sư phạm
148	Xây dựng các thí nghiệm hóa học hữu cơ lớp 11 trung học phổ thông nhằm phát triển năng lực thực nghiệm hóa học cho học sinh.	Vũ Thu Trang	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Hướng Sư phạm
149	Vận dụng quan điểm dạy học phân hóa trong dạy học hóa học ở trường phổ thông	Nguyễn Thị Tân Mùi	TS. Nguyễn Hữu Chung	Hướng Sư phạm
150	Vận dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong giáo dục bảo vệ sự đa dạng sinh học	Nguyễn Mai Anh	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Hướng Sư phạm
151	Sử dụng bài hát tiếng anh trong dạy học chương IV. Phân bào- Sinh học 10	Lê Hoài Linh	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Hướng Sư phạm
152	Nghiên cứu và thiết kế thí nghiệm trong dạy học phần III. Sinh học vi sinh vật (Sinh học 10)	Kim Thị Lương	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Hướng Sư phạm
153	Vận dụng nghiên cứu bài học trong quá trình dạy học Sinh học tại trường THCS Nguyễn Trực- Hà Nội	Hoàng Thị Oanh	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Hướng Sư phạm
154	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học phần I. Giới thiệu chung về thế giới sống (Sinh học 10)	Nguyễn Thị Danh	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Hướng Sư phạm
155	Thiết kế một số hoạt động giáo dục STEM vào dạy học phần III. Sinh học vi sinh vật Sinh học 10	Hoàng Thùy Linh	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
156	Thiết kế bài giảng điện tử (E-Learning) trong dạy học chương III. Virut và bệnh truyền nhiễm	Ngô Thị Ngọc Ánh	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Hướng Sư phạm
157	Xây dựng và phát triển một số kỹ năng khi làm việc độc lập với sách giáo khoa trong dạy học phần Sinh học Vi sinh vật Sinh học 10 Trung học phổ thông	Lê Thị Hoàn	TS. Lê Thị Phượng	Hướng Sư phạm
158	Sử dụng kênh hình trong dạy học sinh học 10 nhằm nâng cao hiệu quả dạy học	Lê Thị Thảo Huệ	TS. Lê Thị Phượng	Hướng Sư phạm
159	Áp dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học Sinh học 8	Tạ Thị Nga	TS. Lê Thị Phượng	Hướng Sư phạm
160	Thiết kế một số giáo án dạy học STEM trong dạy học Sinh học 7	Lê Hồng Thơm	TS. Lê Thị Phượng	Hướng Sư phạm
161	Thiết kế một số bài giảng dạy học ngoài môi trường thiên nhiên trong dạy học Sinh học Trung học cơ sở	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	TS. Lê Thị Phượng	Hướng Sư phạm
162	Thiết kế một số hoạt động ngoại khóa trong dạy học Sinh học 6	Nguyễn Thị Thùy Dung	TS. Lê Thị Phượng	Hướng Sư phạm
163	Thiết kế một số hoạt động dạy học theo nhóm nhỏ nhằm phát triển năng lực ngoại ngữ cho học sinh trong dạy học Sinh học 11 Trung học phổ thông	Nguyễn Thị Việt Hoa	ThS. Đỗ Thùy Linh	Hướng Sư phạm
164	Vận dụng hình thức dạy học dự án trong dạy học chương I. Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở vi sinh vật thuộc phần III. Sinh học vi sinh vật, chương trình Sinh học Trung học phổ	Nguyễn Thị Hải Yến	ThS. Đỗ Thùy Linh	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	thông			
165	Tổ chức một số hoạt động dạy học nhằm phát triển năng lực thực nghiệm của học sinh trong dạy học Sinh học Trung học phổ thông	Nguyễn Thúy Nga	ThS. Đỗ Thùy Linh	Hướng Sư phạm
166	Sử dụng công cụ sách điện tử e-book trong giảng dạy phần III. Sinh học vi sinh vật chương trình sinh học 10 Trung học phổ thông	Nguyễn Ngọc Hương	ThS. Đỗ Thùy Linh	Hướng Sư phạm
167	Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học phần A. Sinh sản ở thực vật, chương III. Sinh trưởng và phát triển thuộc chương trình Sinh học 11 Trung học phổ thông	Phạm Thị Quỳnh Chi	ThS. Đỗ Thùy Linh	Hướng Sư phạm
168	Xây dựng một số chủ đề trong chương trình sinh học 11 nhằm phát triển năng lực hợp tác cho học sinh trung học phổ thông	Đào Thu Thúy	ThS. Đỗ Thùy Linh	Hướng Sư phạm
169	Xây dựng hệ thống câu hỏi- bài tập theo định hướng phát triển năng lực để dạy học chương III. Virut và bệnh truyền nhiễm, phần ba Sinh học Vi sinh vật, Sinh học 10 Trung học phổ thông	Chu Thị Mai Anh	Th.S Lại Phương Liên	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
170	Thiết kế website hỗ trợ xây dựng và tổ chức dạy học chủ đề STEM trong chương trình Sinh học 10 Trung học phổ thông	Nguyễn Thanh Hải	ThS. Lại Phương Liên	Hướng Sư phạm
171	Vận dụng mô hình dạy học hỗn hợp (Blended Learning) trong dạy học các chủ đề tích hợp bảo vệ sức khỏe, Sinh học 11 Trung học phổ thông	Sái Thị Thương Loan	ThS. Lại Phương Liên	Hướng Sư phạm
172	Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề thông qua dạy học các chủ đề tích hợp giáo dục môi trường trong chương trình Sinh học 10 THPT	Nguyễn Thị Thúy Hằng	ThS. Lại Phương Liên	Hướng Sư phạm
173	Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược để dạy học chủ đề tích hợp liên môn trong chương trình sinh học 10 Trung học phổ thông	Bùi Thị Thanh Thanh	ThS. Lại Phương Liên	Hướng Sư phạm
174	Dạy học các chủ đề tích hợp bảo vệ sức khỏe trong chương trình sinh học 10 thông qua khai thác cơ sở dữ liệu ảo	Đặng Thị Thảo	ThS. Lại Phương Liên	Hướng Sư phạm
175	Thiết kế các hoạt động trải nghiệm sáng tạo để dạy các chủ đề tích hợp bảo vệ sức khỏe trong chương trình Sinh học 11	Lê Thị Thái Sơn	ThS. Lại Phương Liên	Hướng Sư phạm
176	Phát triển Gamification trong dạy học	Phạm Hữu Cầu	TS. Lê Thanh Huyền TS. Lê Thị Phượng	Hướng Sư phạm
177	Ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế chủ đề giáo dục dinh dưỡng	Nguyễn Quang Minh	TS. Lê Thanh Huyền ThS. Lại Phương Liên	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
178	Vận dụng mô hình dạy học dựa trên địa điểm (location - Based learing) vào dạy học lịch sử ở THPT	Hoàng Châu Anh	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Hướng Sư phạm
179	Vận dụng phần mềm Kotobee vào thiết kế ebook với chủ đề: “Lịch sử văn minh thế giới thời kỳ cổ trung đại”	Vũ Thị Lan Anh	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Hướng Sư phạm
180	Xây dựng thiết kế phiếu bài tập Lịch Sử Việt Nam lớp 10 trong kiểm tra đánh giá năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo của học sinh trường THPT Nam Khoái Châu (tỉnh Hưng Yên)	Nguyễn Thị Hải Anh	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Hướng Sư phạm
181	Sử dụng phương pháp dạy học khám phá để dạy lịch sử thế giới lớp 10, Thực nghiệm tại trường THPT Yên Mô A , Ninh Bình	Trần Thị Minh Hằng	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Hướng Sư phạm
182	Sử dụng phần mềm kotobee thiết kể ebook để dạy học nội dung các trận thuỷ chiến trong lịch sử dân tộc	Phan Thị Thuỳ Linh	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Hướng Sư phạm
183	Tổ chức dạy học dự án chuyên đề "Lịch sử văn minh Việt Nam" Lịch sử 10	Trần Thị Hà	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Hướng Sư phạm
184	Thiết kế hoạt động dạy học cho chuyên đề “Làng xã Việt Nam: từ truyền thống đến hiện đại”	Nguyễn Thị Thuỳ	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
185	Xây dựng biểu tượng lịch sử thông qua kể chuyện lịch sử trong dạy học Lịch sử Việt Nam giai đoạn 1930-1975 (Lịch sử lớp 12 THPT - Chương trình chuẩn)	Bùi Mỹ Linh	TS. Nguyễn Phùng Tám	Hướng Sư phạm
186	Xây dựng và sử dụng tài liệu văn hóa truyền thống trong dạy học Lịch sử Việt Nam lớp 10	Lê Thị Hoài Phương	TS. Nguyễn Phùng Tám	Hướng Sư phạm
187	Sử dụng phương pháp tạo biểu tượng nhân vật lịch sử trong dạy học phần lịch sử thế giới cận đại lớp 11	Nguyễn Văn Dũng	TS. Nguyễn Phùng Tám	Hướng Sư phạm
188	Ứng dụng Ibooks Author xây dựng Ebook LS VN lớp 10 từ TK XVI-nửa đầu TK XIX Thực nghiệm tại THPT chuyên Hùng Vương, Phú Thọ	Nguyễn Phương Linh	TS.Nguyễn Phùng Tám	Hướng Sư phạm
189	Dạy học Tiếng Việt cho học sinh lớp 10 theo định hướng giao tiếp	Đỗ Mai Anh	TS. Dương Tuyết Hạnh	Hướng Sư phạm
190	Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản thơ hiện đại lớp 11	Nguyễn Thị Phương Anh	PGS.TS. Phạm Minh Diệu	Hướng Sư phạm
191	Thiết kế câu hỏi đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản thơ mới (ngữ văn 11).	Tống Thị Thục Anh	PGS.TS. Phạm Minh Diệu	Hướng Sư phạm
192	Tổ chức hoạt động trong giảng dạy văn học dân gian lớp 10	Trịnh Thị Ngọc Bích	TS. Dương Tuyết Hạnh	Hướng Sư phạm
193	Xây dựng chuyên đề dạy học và kiểm tra đánh giá đọc hiểu văn bản nhật dụng cho HS lớp 12	Ngô Thu Hà	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
194	Thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trong dạy học chủ đề thơ 30-45 (sgk ngữ văn 11	Ngô Thị Thu Hà	TS. Lã Phương Thúy	Hướng Sư phạm
195	Tích hợp kỹ năng giải quyết vấn đề, ứng phó với căng thẳng vào các vấn đề nghị luận xã hội đối với học sinh lớp 12	Nguyễn Thị Hà	TS. Dương Tuyết Hạnh	Hướng Sư phạm
196	Xây dựng bộ bài tập đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản nhật dụng cho học sinh lớp 9	Nguyễn Thị Hạnh	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Hướng Sư phạm
197	Dạy học tác phẩm của Nguyễn Tuân trong trường THPT theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh	Bùi Thị Thảo Hiền	PGS.TS Phạm Minh Diệu	Hướng Sư phạm
198	Dạy học đọc hiểu Thơ mới trong chương trình Ngữ văn lớp 11	Mai Thị Hòa	PGS.TS. Phạm Minh Diệu	Hướng Sư phạm
199	Dạy học đọc hiểu các đoạn trích trong Truyện Kiều của Nguyễn Du cho học sinh lớp 10 theo định hướng phát triển năng lực	Nguyễn Thị Hoài	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Hướng Sư phạm
200	Dạy học tích hợp trong văn bản vào làm văn tự sự (Ngữ Văn 10)	Nguyễn Thị Minh Huệ	TS. Lê Thanh Huyền	Hướng Sư phạm
201	Tích hợp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh THPT trong dạy học làm văn Nghị luận xã hội	Vũ Hương Trà My	TS. Dương Tuyết Hạnh	Hướng Sư phạm
202	Dạy học nhóm bài phong cách ngôn ngữ cho học sinh lớp 11 theo hướng tích hợp	Phạm Thị Nga	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
203	Dạy học làm văn nghị luận cho học sinh lớp 11 theo hướng phát triển tư duy phản biện	Nguyễn Hồng Ngọc	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Hướng Sư phạm
204	Dạy học đọc hiểu thơ Việt Nam hiện đại chương trình Ngữ văn 12 theo đặc trưng thể loại	Nguyễn Thị Lâm Oanh	TS. Lê Thanh Huyền	Hướng Sư phạm
205	Khai thác tính nhạc trong dạy học đọc hiểu thơ (Ngữ văn 9 - Tập 1)	Đỗ Thị Thu	TS. Phạm Thị Thanh Phượng	Hướng Sư phạm
206	Sử dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học ca dao lớp 10	Bùi Bích Thủy	TS. Dương Tuyết Hạnh	Hướng Sư phạm
207	Phát triển năng lực tự học cho học sinh qua dạy học thơ mới giai đoạn 1930-1945 (Ngữ văn 11)	Lê Thị Trang	PGS.TS Phạm Minh Diệu	Hướng Sư phạm
208	Dạy học đọc hiểu văn bản "Vợ chồng A Phủ" - Tô Hoài (SGK Ngữ văn 12 tập 2) theo hướng tiếp cận thi pháp học	Lê Thu Trang	TS. Phạm Thị Thanh Phượng	Hướng Sư phạm
209	DH đọc hiểu văn bản "Chí Phèo"- Nam Cao (Ngữ văn 11, t1) theo hướng tiếp cận tự sự học	Đinh Ngọc Trang	TS. Phạm Thị Thanh Phượng	Hướng Sư phạm
210	Nghiên cứu về chương trình sách giáo khoa Ngữ văn của Việt Nam và nước ngoài	Lý Thị Xoan	TS. Lê Thanh Huyền	Hướng Sư phạm
211	Dạy đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại	Lê Ngọc Linh	PGS.TS Lê Hải Anh	Hướng Sư phạm
212	Giáo dục lối sống cho học sinh qua đọc hiểu tục ngữ ca dao trong Ngữ văn lớp 7	Lương Thị Na	TS. Nguyễn Đức Khuông	Hướng Sư phạm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
213	Tổ chức dạy học bài viết quảng cáo bằng hoạt động trải nghiệm	Phạm Thị Hiên	TS. Nguyễn Thị Ban	Hướng Sư phạm
214	Phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh trong dạy học bài Nghĩa của câu (SGK Ngữ văn 11)	Trần Hà Trang	TS. Lã Phương Thúy	Hướng Sư phạm
215	Ứng dụng CNTT để rèn luyện kĩ năng đọc sách văn học cho học sinh THCS	Bùi Hà My	TS. Lê Thanh Huyền	Hướng Sư phạm
216	Dạy học dự án truyền thuyết và sử thi trong chương trình Ngữ văn phổ thông theo định hướng 4.0	Nguyễn Thị Phương Anh	TS. Lê Thanh Huyền	Hướng Sư phạm
217	Ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế hoạt động khởi động trong dạy học môn Ngữ văn	Nguyễn Thanh Bình	TS. Lê Thanh Huyền	Hướng Sư phạm
218	Sử dụng hình thức dạy học dự án trong dạy học nhóm bài làm văn nghị luận xã hội (Sách giáo khoa Ngữ văn 11, tập 2)	Lê Thị Thanh Mai	TS. Lã Phương Thúy	Hướng Sư phạm
219	Dạy học Thơ mới trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11 theo hướng phát triển năng lực thẩm mỹ cho học sinh	Đào Thị Thùy Linh	TS. Nguyễn Đức Khuông	Hướng Sư phạm

I. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG NCKH, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, SẢN XUẤT, THỬ NGHIỆM VÀ TƯ VẤN

TT	Tên dự án, nhiệm vụ KHCN	Người chủ trì và các thành viên	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
I.	**CÁC NHIỆM VỤ KHCN CẤP QUỐC GIA**				
1.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển bền vững Tây Bắc Mã số KHCN - TB.21X/13-18	Chương trình Tây Bắc Trường ĐH Giáo dục PGS.TS. Lê Kim Long	2016-2018	3.100 triệu	Sản phẩm 1: Bộ tài liệu chương trình bồi dưỡng giáo viên và CBQLGD vùng Tây Bắc (gồm 3 chương trình tập huấn cho giáo viên và 3 CT cho CBQLGD) Sản phẩm 2: Báo cáo đánh giá hiệu quả của các chương trình bồi dưỡng. Sản phẩm 3: 01 sách chuyên khảo Sản phẩm 4: 05 bài báo khoa học Sản phẩm 5: Đào tạo 2 thạc sĩ, 01 NCS Sản phẩm 6: bồi dưỡng 80 CBQL và giáo viên cốt cán
2.	Bắt nạt trực tuyến ở học sinh Việt Nam: Nghiên cứu thực tiễn, và xây dựng chương trình phòng ngừa và can thiệp hiệu quả 501.99-2015.02	Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia/ Trần Văn Công	2017-2019	797,6 triệu	Sản phẩm 1: 01 bài báo ISI Sản phẩm 2: 01 bài báo quốc tế Sản phẩm 3: 02 bài báo quốc gia Sản phẩm 4: 01 Sản phẩm 5: Sách chuyên khảo Sản phẩm 6: 02 học viên cao học
3.	Mã số: 501.02-2016.03 "Nghiên cứu hành vi nguy cơ về sức khỏe và các yếu tố dự báo ở lứa tuổi trung học phổ thông"	Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia/ Đặng Hoàng Minh	2017-2020	800 triệu	Sản phẩm 1: 01 Tạp chí ISI có úy tín thuộc danh mục AHCI, SSCI Sản phẩm 2: Tạp chí thuộc danh mục Scopus và tạp chí khác thuộc danh mục do Quỹ ban hành hàng năm Sản phẩm 3: 02 Tạp chí thuộc danh mục do quỹ ban hành hàng năm Sản phẩm 3: Đào tạo 02 Thạc sỹ và 01 NCS
4.	KHGD/16-20.ĐT.006 "Nghiên cứu mô hình đại học tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở	GS.TS. Đào Trọng Thi	2017-2020	3.600 triệu	Sản phẩm 1: 01 báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu Sản phẩm 2: 01 báo cáo đề xuất mô hình tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn 2030 Sản phẩm 3: 01 hệ thống giải pháp, kiến nghị chính

	giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030.				sách tăng quyền tự chủ, trách nhiệm cho cơ sở giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn 2030 Sản phẩm 4: Bộ cơ sở dữ liệu về khảo sát các cơ sở GDĐH Sản phẩm 5: 03 bài báo Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước Sản phẩm 6: 01 bài báo quốc tế đăng trên Tạp chí trong danh mục ISI/Scopus Sản phẩm 7: 01 cuốn sách chuyên khảo về "Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình ở Việt nam: Thực trạng và giải pháp Sản phẩm 8: hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh
5.	Phối hợp thực hiện đề tài cấp nhà nước "Cơ sở khoa học cho việc đề xuất hệ thống giải pháp thực hiên đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW và Nghị Quyết 44-NQ/CP" mã số KHGD/16-20.ĐT.005	PGS.TS. Nguyễn Kim Sơn	24 tháng	3.400 triệu	- Tổng quan các nghiên cứu về đổi mới giáo dục và giải pháp nâng cao chất lượng đổi mới giáo dục -Xây dựng khung phân tích (bộ tiêu chuẩn) để đánh giá tình hình thực hiện NQ số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP -Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá tình hình thực hiện NQ số 29-NQ/TW và NQ số 44-NQ/CP -Bản đề xuất, kiến nghị hệ thống giải pháp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của NQ 29-NQ/TW - Báo cáo tổng kết đề tài về đánh giá NQ số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP - Hệ thống dữ liệu và số liệu phục vụ cho tra cứu của BGD&ĐT về NQ số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP - Sản phẩm thuộc dạng ấn phẩm: 01 bản thảo sách chuyên khảo và 05 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí được tính điểm công trình KH của HĐ chức danh GS nhà nước.
II.	**CÁC NHIỆM VỤ KHCN CẤP ĐHQGHN**				
1.	Nâng cao năng lực	Đặng Hoàng	2016-2018	300 TRIỆU	Sản phẩm 1: Bài báo khoa học:

	nhận biết và chăm sóc về sức khỏe tâm thần (SKTT) trẻ em của cộng đồng. QG.16.61	Minh			1. Đánh giá hiệu quả sau can thiệp nâng cao năng lực nhận biết và chăm sóc SKTT trẻ em của cộng đồng 2. Hiểu biết của giáo viên về SKTT trẻ em 3. Mental Health Literacy and Mental health Problems in college students in Vietnam 4. MHL in Vietnamese sample Sản phẩm 2: Báo cáo hội nghị dự kiến: MHL in Vietnamese sample Sản phẩm 3: Tài liệu về chương trình nâng cao năng lực cộng đồng về tổn thương SKTT Sản phẩm 4: Báo cáo đánh giá thực trạng năng lực nhận biết và chăm sóc SKTT trẻ em của cộng đồng Sản phẩm 5: Đào tạo 02 ThS
2.	Nghiên cứu biện pháp rèn luyện kỹ năng quản lý, lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục (QG.16.62)	Nguyễn Phương Huyền	2016-2018	180 triệu	Sản phẩm 1: Báo cáo nội dung và kết quả nghiên cứu Sản phẩm 2: Sách chuyên khảo: Kỹ năng quản lý cán bộ quản lý Trường Phổ thông Sản phẩm 3: 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành (01 trên Tạp chí Tâm lý học và 01 trên tạp chí ĐHQGHN. + Thực trạng mức độ kỹ năng lãnh đạo của CBQLGD Trường THPT + Phát triển kỹ năng lãnh đạo cho CBQLGD Trường THPT - Giải pháp nào cho Giáo dục Việt Nam hiện nay Sản phẩm 4: Đào tạo 02 ThS
3.	Nghiên cứu đánh giá năng lực chuyên môn của giảng viên và những điều chỉnh cần thiết cho đào tạo bồi dưỡng giảng viên/ QG.16.85	TS. Phạm Thị Thanh Hải	2016-2018	500 triệu	Sản phẩm 1: 02 bài báo quốc tế tại diễn đàn các trường ĐH Á Phi Sản phẩm 2: 01 bài báo quốc tế trên tạp chí SCOPUS - 02 Sách chuyên khảo - 01 báo cáo kiến nghị Sản phẩm 3: Đào tạo 02 Thạc sỹ
4.	Nghiên cứu ảnh hưởng của sự lượng	TS. Lê Thái Hưng	2016-2018	250 triệu	Sản phẩm 1: 01 bài báo ISI Sản phẩm 2: 01 bài báo quốc gia

	tử hóa do giảm kích thước lên hiệu ứng Hall trong các hệ bán dẫn một chiều và hai chiều/ QG.17.38				Sản phẩm 3: 01 báo cáo quốc tế
5.	Nghiên cứu khả năng tạo phức và tham gia phản ứng của các hợp chất beta-diketone, piperidine bằng các phương pháp hóa tính toán, nhiễm xạ khí điện tử, khối phổ/ QG.17.37	PGS. Lê Kim Long	2016-2018	400 triệu	Sản phẩm 1: 2 bài báo SCOPUS Sản phẩm 2: 1 bài báo quốc gia Sản phẩm 3: 01 NCS và 01 thạc sĩ
6.	Xấp xỉ diophantine và lý thuyết số siêu việt trên trường P-ADIC/ QG.17.36	TS. Phạm Đức Hiệp	2016-2018	200 triệu	Sản phẩm 1: 01 bài báo ISI Sản phẩm 2: 01 thạc sĩ
7.	Xây dựng tiêu chuẩn cho các cơ sở can thiệp trẻ tự kỷ /QG.17.51	TS. Trần Văn Công	2017-2019	200 triệu	Sản phẩm 1: 01 bài báo quốc tế Sản phẩm 2: 01 bài báo trong nước Sản phẩm 3: đào tạo 01 thạc sĩ Sản phẩm 4: xác nhận sử dụng sản phẩm nghiên cứu
8.	Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục theo chuẩn quốc tế/QG.17.52	PGS.TS. Đinh Thị Kim Thoa	2017-2019	200 triệu	Sản phẩm 1: 02 bài báo trong nước Sản phẩm 2: đào tạo 01 thạc sĩ Sản phẩm 3: 01 tài liệu hướng dẫn về xây dựng các tiêu chí theo chuẩn quốc tế trong nghiên cứu khoa học giáo dục
9.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp phát triển năng lực lãnh đạo trường học thông	PGS.TS. Dương Thị Hoàng Yến	2018-2020	300 triệu	Sản phẩm 1: 02 Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện) - Sản phẩm 2: 01 Bài báo công bố trên tạp chí khoa

	minh ở Việt Nam hiện nay./ Mã số QG.18.32				học quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus - Sản phẩm 3: Đào tạo: 01 Tiến sỹ và 02 Thạc sĩ.
10.	Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý sáng tạo trong giáo dục phổ thông của Trung Quốc và bài học cho Việt Nam./ Mã số: QG.18.31	TS. Đỗ Thị Thu Hằng	2018-2020	200 triệu	- Sản phẩm 1: 01 bài báo "Cơ sở lý luận về quản lý giáo dục và quản lý sáng tạo trong giáo dục của Trung Quốc" đăng trên tạp chí quốc tế không năm trong hệ thống ISI/Scopus - Sản phẩm 2: 02 bài báo về thực trạng về quản lý sáng tạo trong giáo dục phổ thông ở Trung Quốc và bài học cho Việt Nam đăng trên tạp chí quốc gia - Sản phẩm 3: Đào tạo: 02 Thạc sỹ
11.	Sự tồn tại và tính chất định tính của nghiệm đối với một số phương trình trong cơ học chất lỏng/Mã số : QG.18.33	TS. Nguyễn Đức Huy	2018-2020	300 triệu	- Sản phẩm 1: 02 bài báo đăng trên tạp chí thuộc hệ thống ISI/Scopus - Sản phẩm 2: 01 bài báo không thuộc hệ thống ISI/Scopus. - Sản phẩm 3: Đào tạo: 02 Thạc sỹ
12.	Nghiên cứu xây dựng phần mềm đánh giá chỉ số tâm trắc phục vụ tư vấn sức khỏe tâm thần và hướng nghiệp./ QG.18.34	TS. Trần Thành Nam	2018-2020	400 triệu	- Sản phẩm 1: 01 bài báo với nhan đề dự kiến: Xâu dựng phần mềm đánh giá tâm trắc tự động phục vụ tư vấn sức khỏe tâm thần và hướng nghiệp. Đăng trên tạp chí ISI/ Scopus - Sản phẩm 2: 01 bài báo với nhan đề dự kiến: Hiệu quả việc sử dụng phần mềm đánh giá tâm trắc tự động: Quan điểm của các bên liên quan đăng trên tạp chí ĐHQGHN - Sản phẩm 3: 01 phần mềm tiến hành đánh giá các chỉ số tâm trắc, tính điểm, diễn giải và tổng hợp báo cáo về năng lực, phẩm chất, đặc điểm cá nhân phục vụ cho công tác tư vấn - Sản phẩm 4: 01 Bộ công cụ đánh giá các đặc điểm tâm trắc cơ bản gồm (trí tuệ, nhân cách, hành vi cảm xúc, xu hướng nghề nghiệp, chỉ số sáng tạo, đam mê và vượt khó) - Sản phẩm 5: Đào tạo: 02 Thạc sĩ.

III.	**CÁC NHIỆM VỤ CẤP CƠ SỞ**				
1.	Ứng dụng công nghệ trong thực hành quản lý giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo - nghiên cứu trường hợp tại trường Đại học Giáo dục. QS.17.06	Nguyễn Thanh Lý	T8/2017-T8/2018	40 triệu	-Sản phẩm 1: 01 bài báo trong nước - Sản phẩm 2: Báo cáo tổng kết
2.	Nâng cao năng lực dạy học cho sinh viên sư phạm trường Đại học giáo dục thông qua ứng dụng công nghệ trong thực tập sư phạm. QS.17.07	Đoàn Nguyệt Linh	T8/2017-T8/2018	40 triệu	-Sản phẩm 1: 01 bài báo -Sản phẩm 2: 01 Báo cáo khoa học
3.	Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị trường học tại trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội QS.17.08	TS. Nguyễn Thị Hương	T8/2017-T8/2018	40 triệu	- Sản phẩm 1: 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước -Sản phẩm 2: Báo cáo kết quả nghiên cứu (Sưu tầm 05 chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị Trường học và 10-15 giáo trình tham khảo đào tạo cử nhân ngành quản trị trường học trên thế giới) - Sản phẩm 3: Đề xuất mở mã ngành cử nhân quản trị trường học
4.	Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình cử nhân Công nghệ giáo dục tại trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN QS.17.09	TS. Tôn Quang Cường	T8/2017-T8/2018	40 triệu	-Sản phẩm 1: 02 bài báo khoa học - Sản phẩm 2: 01 Thạc sỹ -Sản phẩm 3: Chương trình đào tạo (Sưu tầm 5 chương trình đào tạo cử nhân CNGD và 10- 15 giáo trình đào tạo cử nhân CNGD trên thế giới)

5.	Xây dựng cơ sở khoa học cho việc xây dựng chương trình đào tạo cử nhân Khoa học giáo dục tại trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN QS.17.10	ThS. Mai Quang Huy	T8/2017-T8/2018	40 triệu	- Sản phẩm 1: 02 bài báo / Hội thảo có chỉ số ISBN - Sản phẩm 2: Đề án mở chương trình đào tạo mới (Sưu tầm 05 chương trình đào tạo cử nhân KHGD và 10- 15 giáo trình đào tạo cử nhân KHGD trên thế giới) -Sản phẩm 3:Báo cáo tổng kết đề tài
6.	Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho chương trình cử nhân Tham vấn học đường QS.17.11	TS Nguyễn Hồng Kiên	T8/2017-T8/2018	20 triệu	- Sản phẩm 1: 02 bài báo/hội thảo có chỉ số ISBN - Sản phẩm 2: Báo cáo toàn văn đề án mở chương trình đào tạo mở mới (Sưu tầm 05 chương trình cử nhân tham vấn học đường; 10-15 giáo trình cử nhân tham vấn học đường trên thế giới) - Sản phẩm 3: Báo cáo tổng kết đề tài
7.	Quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trường THPT Khoa học Giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông mới. QS.17.01	ThS. Nguyễn Tuyết Nhung	T8/2017-T8/2018	100 triệu	• 01 Bài báo và 01 Báo cáo kết quả nghiên cứu lý thuyết • Tài liệu tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo tại Trường THPT Khoa học Giáo dục, Trường ĐHGD-ĐHQGHN • Tài liệu hướng dẫn thiết kế tình huống trải nghiệm theo tiếp cận năng lực.
8.	Xây dựng hệ thống bài thực hành thí nghiệm dạy học các môn khoa học tự nhiên trong trường Trung học phổ thông. QS.17.02	TS. Hoàng Thu Hà	T8/2017-T8/2018	100 triệu	• 01 Bài báo và 01 báo cáo khoa học • Hệ thống bài học thực hành thí nghiệm • Đào tạo 01 thạc sỹ

9.	Xây dựng thang đo xu hướng nghề nghiệp cho học sinh QS.17.03	ThS. Hồ Thu Hà	T8/2017-T8/2018	100 triệu	• 01 bài báo • Thang đo đánh giá xu hướng nghề nghiệp (Bản câu hỏi và hướng dẫn tính điểm diễn giải)
10.	Xây dựng phần mềm điện thoại đánh giá xu hướng nghề nghiệp của học sinh QS.17.04	TS. Trần Thành Nam TS. Trần Văn Công	T8/2017-T8/2019	100 triệu	• 01 bài báo • 01 báo cáo tổng kết đề tài • 01 phầm mềm ứng dụng có khả năng tương tác tự tương tác được.
11.	Xây dựng hệ thống phần mềm "trợ lý giáo viên ảo" hỗ trợ công tác giảng dạy cho giáo viên ở các trường phổ thông. QS.17.05	Phạm Kim Chung	T8/2017-T8/2018	100 triệu	• 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước • 01 báo cáo khoa học • 01 phần mềm trợ lý ảo • 01 thạc sĩ
12.	Khảo sát thực trạng nnhu cầu sử dụng phần mềm "trợ lý giáo viên ảo" hỗ trợ cho giáo viên ở các trường phổ thông trên Smart phone". QS.17.12		T8/2017-T8/2018	40 triệu	• 01 báo cáo khoa học • 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước • 01 Thạc sỹ
13.	Nghiên cứu cơ sở lí luận về Trắc nghiệm thích ứng trên máy tính trong đánh giá năng lực người học. QS. 17.13	Lê Thị Thu Hiền	T8/2017-T8/2018	50 triệu	• 01 Bài báo khoa học • 01 Báo cáo khoa học

14.	Phát triển ngân hàng câu hỏi Trắc nghiệm thích ứng trên máy tính. QS.17.14	Trần Lan Anh	T8/2017-T8/2018	140 triệu	• 01 Báo cáo khoa học • 01 Bài báo khoa học trong nước • 01 Bộ câu hỏi trắc nghiệm thích ứng trên máy tính • Phần mềm CAT
15.	Nghiên cứu thực nghiệm áp dụng bài thi thích ứng trên máy tính để đánh giá năng lực người học. QS.17.15	TS. Tăng Thị Thùy	T8/2017-T8/2018	110 triệu	• 01 Báo cáo khoa học • 01 Bài báo khoa học dăng trong nước • 01 Bộ câu hỏi trức nghiệm thích ứng đã được chuẩn hóa

H. CÔNG KHAI HỘI NGHỊ, HỘI THẢO KHOA HỌC DO TRƯỜNG ĐHGD TỔ CHỨC NĂM HỌC 2017-2018

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1.	Hội thảo quốc tế "Phát triển năng lực sáng tạo và cơ hội cho các ý tưởng kinh doanh khởi nghiệp"	11/8/2017	P901, Hội trường ĐHQGHN	100
2.	Hội thảo "Nghiên cứu bài học nhằm xây dựng cộng đồng học tập" do Trường Đại học Giáo dục tổ chức	02/10/2017	P401, G7	70
3.	Hội thảo quốc tế "Thiết kế Ebook – chương trình hợp tác quốc tế với Đại học Hull - Vương Quốc Anh"	1-3/11/2017	P401, G7	70
4.	Hội thảo quốc tế "Nghiên cứu các khuynh hướng sư phạm để phát triển chuyên môn trong bối cảnh quốc tế hiện nay" thuộc dự án " Số hóa và đổi mới hoạt động dạy học theo cách tiếp cận lấy học sinh làm trung tâm nhằm tăng cường khả năng có việc làm cho sinh viên Việt Nam do Hội Đồng Anh tài trợ cho Birmingham City University & Trường Đại học Nguyễn Tất Thành & Trường Đại học Giáo dục tổ chức tại Trường ĐH Nguyễn Tất Thành, TPHCM	08/11/2017	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành - TP.HCM	150

5.	Hội thảo quốc té "Mô hình tự chủ giáo dục đại học tại Việt Nam và Vương Quốc Anh – chia sẻ kinh nghiệm và các bài học thực tiễn"	30/11/2017	P401, G7	70
6.	Hội thảo quốc tế: "Giải pháp phát triển công tác xã hội trường học tại Việt Nam".	15/12/2017	502 nhà Co- 182 Lương Thế Vinh- Thanh Xuân- Hà Nội	300
7.	Hội thảo "Nâng cao chất lượng hoạt động của các Bộ môn Trường Đại học Giáo dục"	19/03/2018	P.401, G7	80
8.	Hội thảo "Phát triển chương trình đào tạo sư phạm đặc thù để tạo nguồn giáo viên phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc"	28/03/2018	TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	60
9.	Hội thảo " Đào tạo chuyên gia tham vấn học đường trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0"	23/4/2018	901, nhà D, 144 Xuân Thủy Cầu Giấy HN	200
10.	Hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học năm học 2017-2018	22/05/2018	P.502, C0	120
11.	Hội thảo quốc tế "Phát triển sách kỹ thuật số tương tác tại Việt Nam"	29/5/2018	P401, G7	80
12.	Hội thảo quốc tế "Khởi động dự án nghiên cứu sử dụng công nghệ hình ảnh trong dạy học.	29/5/2018	P401, G7	45
13.	HTQT "Những xu thế mới trong giáo dục" (New trends in Education)	23/07/2018	P.401, G7	50

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Đại học Giáo dục	4/2016	54/61 tiêu chí đạt (chiếm 88.52%)	Số 06/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27/9/2016	Đạt chuẩn chất lượng cơ sở đào tạo giáo dục	17/11/2016	17/11/2021
2.	Thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Toán	10/2017	47/50 tiêu chí đạt (chiếm 94%)	Số 06/NQ-HĐKĐCLGD, ngày 12/2/2018	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	19/4/2018	19/4/2023
3.	Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng Trẻ em và vị thành niên	12/2015	4.67/7	Số 13/ĐBCL-NC&QLĐBCL	Đánh giá đồng cấp theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo định hướng chuẩn AUN		
4.	Cử nhân Sư phạm Hóa học	12/2016	4.6/7		Đánh giá đồng cấp theo tiêu chuẩn của BGD&ĐT		
5.	Thạc sĩ QLGD	12/2014	4.5/7		Đánh giá đồng cấp theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo định hướng		

					chuẩn mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN)		

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Phạm Văn Thuần